

SƠN VÂN

# THÀNH NGŨ ĐIỀN CỔ TRUNG HOA

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ, 1994

VÕ NGỌC CHÂU dịch

# DIỄN CỐ TRUNG HOA

Tập 2



SƠN VÂN  
(Võ Ngọc Châu dịch)

ĐIỂN CỔ  
TRUNG HOA  
Tập 2

NHÀ XUẤT BẢN TRÉ  
1995

## 160. BA NGƯỜI THÌ THÀNH CỌP

(Tam nhân thành hổ)

Thời Chiến Quốc, các nước đánh nhau liên miên. Để mọi người có thể giữ lời hứa nên giữa nước này và nước nọ thường trao đổi Thái Tử làm con tin. “Chiến Quốc Sách”, “Ngụy Sách” có đoạn ghi thế này :

Đại thần Bàng Thông nước Ngụy sắp phò Thái Tử nước Ngụy đến nước Triệu làm con tin. Trước khi lên đường, Bàng Thông nói với vua Ngụy: “Hiện có một người tới nói, trên đường phố có xuất hiện một con cọp, Đại Vương có thể tin được chăng ?” Ngụy Vương nói : “Ta không tin”. Bàng Thông nói : “Nếu có người thứ hai cũng nói trên đường phố vừa xuất hiện một con cọp, vậy Đại Vương có thể tin chưa ?” Ngụy Vương nói : “Ta hơi tin nhưng còn ngờ”. Bàng Thông lại nói : “Vị bằng có người thứ ba cũng nói trên đường phố vừa xuất hiện một con cọp, hẳn Đại Vương tin chớ ?” Ngụy Vương nói : “Đương nhiên ta phải tin”.



Bàng Thông bèn nói : “Trên đường phố không thể có cộp, ấy là điều rất rõ ràng, nhưng qua ba người nói đó thì hình như có cộp xuất hiện thật. Hiện giờ Hàm Đan, quốc đô của nước Triệu, cách Đại Lương, quốc đô của nước Ngụy so ra xa hơn đường trong phố chợ này rất nhiều, người đi nghị về tôi lại không phải chỉ ba người. Mong Đại Vương hiểu cho”. Ngụy Vương nói : “Ta biết rồi”.

Sau khi Bàng Thông từ biệt vua Ngụy lên đường, lời phi báng về ông trước sau đã đưa tới tai Ngụy Vương. Thế rồi, hạn kỳ làm con tin của Ngụy Thái Tử đã mãn, Bàng Thông phò Thái Tử về nước, qua nhiên vua Ngụy không triệu kiến ông nữa.

Phố chợ là nơi mà mọi người tập trung buôn bán, đương nhiên không có cọp. Nói trên đường phố có cọp rõ ràng là nói dối, gạt người, nhưng đã có nhiều người cùng nói, nếu không từ chân tướng sự vật mà nhìn vấn đề thì rất dễ cho đó là thật vậy.

Truyện này vốn có ý châm chích Ngụy Huệ Vương là người nông cạn, nhưng người đời sau dẫn truyện này thành câu thành ngữ “ba người thì thành cọp”, ấy là mượn ví dụ này để nói rằng có khi lời nói dối có thể che đậy sự thật. Ví như phán đoán một vấn đề thật giả ta cần phải cân thận khảo sát và suy nghĩ, chứ không thê nghe bậy nói bậy (tức tùy tiện nghe, không căn cứ sự thật), nếu không tìm hiểu kỹ, ta rất dễ tin lầm “ba người thì thành cọp”.

## 161. BỌ NGỰA BẮT VE SẦU (Đường lang bỏ thiên)



Trong “Thuyết Uyển Chính Gián Thiên” có câu truyện như vậy :

Thời Xuân Thu, vua Ngô chuẩn bị đánh nước Sở, văn võ đại thần cho rằng tình thế bây giờ nếu nước Ngô xuất binh chỉ có hại mà không có lợi, nên cùng nhau khuyên ngăn vua Ngô. Ngô Vương hạ lệnh: “Ai dám cản trở việc ra quân của ta thì phải bị xử tử”.

Bấy giờ, Thái Tử của Ngô Vương tên Hữu cũng muốn khuyên ngăn việc xuất binh của cha, song không dám “lấy thân thí pháp” (thành ngữ, ý là đem thân thể mạo phạm vào sự nguy hiểm của pháp luật). Cuối cùng ông nghĩ ra được một cách :

Sáng sớm nọ, ông mang cung đàn tới vườn phía sau hoàng cung. Sương sớm làm thấm ướt cả áo quần, nhưng ông chẳng hề bận tâm. Ông làm thế này là cốt cho vua cha phải chú ý tới. Liên tiếp ba ngày như vậy, quả nhiên Ngô Vương cảm thấy lạ kỳ, bèn hỏi ông : “Sao con khổ như vậy, sáng sớm lội vô trong cỏ rồi, làm áo quần ướt đầm hết cả.” Thái Tử Hữu nói : “Trên nhánh cây trong vườn có một con ve đang đậu, nó vừa hút lấy sương đêm, vừa ca hát ve ve, tự cho là an toàn lắm rồi, nó nào ngờ phía sau nó có con bọ ngựa. Bọ ngựa giờ hai càng, đang dợm phóng tới bắt ve, món mồi này nó chắc ăn lắm. Nhưng nó cũng không biết có một con hoàng tước đang xuất hiện gần nó. Hoàng tước nhónng đầu sắp mổ bọ ngựa và ve, nó tưởng tượng



mùi vị bọ ngựa và ve sầu hẳn là ngon lắm, nhưng nó cũng đâu có dè cung đàn của con đã chực hờ ! Cả ba con này đều chỉ nhìn cái lợi trước mắt mà không thấy cái họa hại sau lưng. Con vì bọn chúng mà hết sức buồn !” Ngò Vương nghe xong, bất giác tỉnh ngộ ra, buồm tiếng nói luôn : “Đúng ! Đúng!” rồi ra lệnh ngưng hẳn việc xuất binh.

Khi Thái Tử Hữu nói đến chỗ ông trưởng cung lấp đàn sắp sửa bắn hoàng tước, theo đó còn nói, chính ông không biết bên cạnh đang có cái hố sâu, bàn chân mà nhích thêm tí nữa thì có thể rơi xuống hố ấy như chơi.

Truyện này muốn nói với chúng ta, chớ chỉ tham cái lợi ích trước mắt mà quên đi cái họa hại sau lưng. Người đời sau phàm thấy truyện nào giống truyện này, bèn dùng thành ngữ “bọ ngựa bắt ve sầu” làm ví dụ. Lúc ứng dụng câu thành ngữ này, có thể dùng chung với câu “hoàng tước ở phía sau”. Ví như có một tên trộm chực lấy đồ người mà cảnh sát ở phía sau đã nom thấy hẳn rồi. Trường hợp này ta có thể nói “bọ ngựa bắt ve sầu” đầu ngờ “hoàng tước ở phía sau”.

## **162. CÓ CHÍ THÌ NÊN (Hữu chí cánh thành)**

Cảnh Yêm thươ nho ham thích võ nghệ, mong sao làm nên một viên Đại Tướng để vì nước lập công. Sau này lớn lên, ông đầu quân dưới trướng Quang Võ Đế Lưu Tú, đời Đông Hán. Có lần, Lưu Tú phái ông lãnh binh đi đánh Trương Bộ. Trương Bộ nghe Cảnh Yêm dẫn binh tới, liền bố trí lực lượng ở những nơi hiểm yếu. Tuy nhiên, qua vài trận, Cảnh Yêm cũng chiếm được ba yếu điểm của Chúc A. Trương Bộ quá kinh, lập tức tự mình phải dẫn binh phản công.

Cảnh Yêm cùng Trương Bộ đánh một trận đầu ở ngoài Đông Thành (thuộc Lâm Truy). Trong trận chiến này, Cảnh Yêm bị tên bắn nhằm bắp đùi, ông tức thời rút gươm mang bên mình chém đứt đoạn mũi tên rồi vẫn ngang nhiên tiếp tục tác chiến.

Lưu Tú được tin Trương Bộ thống lãnh đại quân tấn công Cảnh Yêm, vội vàng đích thân dẫn

quân tiếp viện. Trong khi quân tiếp viện còn chưa tới, bộ hạ của Cảnh Yểm đề nghị tạm thời ngưng chiến để chờ viện binh của Lưu Tú đến sẽ đánh tiếp. Nhưng Cảnh Yểm cương quyết không đồng ý, ông bảo : “Sao chúng ta có thể để bọn giặc còn nanh vuốt ấy cho Chúa Thượng được ?” Thế rồi ông lại ra quân kịch chiến, càng đánh càng hăng. Rốt cuộc Trương Bộ phải thua to.



Lưu Tú đến Lâm Truy an ủi vỗ về quân đội, đồng thời ở trước mặt các tướng quan, ông khen ngợi Cảnh Yêm : “Trước kia Hàn Tín công đã Lịch Hạ, nhờ đó cơ sở nhà Hán mới có, nay Cảnh Yêm đánh Chúc A chắc là việc lớn của thiên hạ có thể thành. Cảnh Yêm quả là người có chí thì nên !”

Sau này Cảnh Yêm trở thành một viên Đại Tướng nổi danh vào thời Đông Hán. Người ta dẫn câu nói “có chí thì nên” của Lưu Tú làm thành ngữ. Ý câu này nói, người mà có ý chí kiên định thì có thể thành công trên mọi lĩnh vực đồng thời cũng dùng câu này để khuyến khích người lập chí nên vững lòng bền chí, đừng chán nản hay nửa đường mà bỏ, và như vậy tất thành công.

### **163. TỰ MÂU THUẦN VỚI CHÍNH MÌNH**

**(Tự tương mâu thuẫn)**

Trong sách Hàn Phi Tử có câu truyện thế này :

Có người nọ rao bán mâu và thuẫn. Trước hết ông ta khoe tấm thuẫn của ông rất chắc chắn: “Bất cứ thứ khí giới bén nhọn nào cũng không thể đâm xuyên qua tấm thuẫn này của tôi được !” Sau đó ông lại quảng cáo chiếc mâu của ông rằng : “Chiếc mâu này của tôi vô cùng bén nhọn, bất cứ vật cứng nào nó cũng có thể đâm thấu qua được !”

Bấy giờ ở bên cạnh có người hỏi khó : “Thế thì anh lấy chiếc mâu kia đâm vào tấm thuẫn của anh đi. Xem mâu nhọn hay thuẫn cứng ?”



Người bán mâu và thuẫn bị hỏi, ghen lời không đáp được.

Từ đó về sau, phàm người ta thấy ai cố ý thối phổng sự thực hoặc phịa lời giả dối, thậm chí đầu đuôi câu truyện không phù hợp, bèn căn cứ vào truyện nầy nói là “tự mâu thuẫn với chính mình”. Ví như có người nọ khoe với anh là y ta đánh dương cầm rất giỏi. Hôm sau có dịp, anh mời y ta đánh đàn, y ta bảo là không còn hứng thú âm nhạc nữa. Đối với lời nói như vậy, chúng ta có thể chỉ trích là “tự mâu thuẫn với chính mình”, hoặc trong xí nghiệp nọ nội bộ bất hòa, sanh việc tranh cãi nhau làm đình trệ công tác, chúng ta cũng có thể nói nội bộ của họ “tự mâu thuẫn chính mình”.

## **164. GỖ MÂM MÒ NẾN**

### **(Khấu bàn mô chúc)**

Tô Thức (hiệu Đông Pha cư sĩ) là một đại thi hào vào triều Tống. Trong thiên văn chương “Nhật Dụ” của ông có câu truyện như vậy :



Xưa kia có một người vừa được sanh ra đã bị mù cả hai mắt, bởi thế anh ta không biết mặt trời là thế nào. Lần nọ, anh hỏi một người mắt sáng : “Mặt trời như thế nào ?” Người kia trả lời: “Hình dáng mặt trời rất giống chiếc mâm đồng.” Anh mù trở về nhà tìm được chiếc mâm đồng và gõ mâm kêu “boong boong”, rồi khắc ghi vào lòng. Một hôm, anh nghe được tiếng chuông chùa bèn nói với mọi người rằng. ấy là mặt trời. Người ta nói với anh : “Mặt trời không những giống chiếc mâm

đồng mà còn phát ra ánh sáng y hệt cây nến nữa kia.” Anh mù trở về nhà, mò lấy cây nến và nhớ mãi hình dạng cây nến. Lại hôm nọ anh vợ được chiếc ống sáo liền to tiếng bảo : “Lần này tôi bắt được mặt trời rồi.”

Mặt trời khác xa chuông và sáo, người mắt sáng đương nhiên không nhầm lẫn nhưng đối với người mù mà chỉ bằng vào một lời nửa tiếng của người khác rồi suy đoán thì đương nhiên sẽ làm trò cười cho thiên hạ mà thôi. Từ đấy về sau, người ta rút ra từ đoạn truyện này câu thành ngữ “gõ mâm mò nến” để nói giữa người và người có sự nhầm lẫn.

Ví như anh Giáp có việc gì đấy khiến anh Ất hiểu lầm. Khi anh Giáp giải thích, có thể nói : “Truyện này thật là hoàn toàn *gõ mâm mò nến*, thiệt ra thì không phải như vậy.” Đồng thời, ý nghĩa câu thành ngữ này và câu “nghe bảy nói bạ”, “người mù sờ voi” cũng y như nhau, đều là nói chúng ta làm việc hoặc phán đoán thị phi thì nên hiểu rõ chân tướng sự tình, đừng bằng vào một hai câu nói của người khác hay chỉ sờ mó bên ngoài, hoặc mới biết được một phần mà đã vội kết luận. Kết quả việc phán đoán thế này sẽ nhất định làm trò cười cho thiên hạ.



## **165. BẤT NGỜ CHẾ THẮNG**

### **(Xuất kỳ chế thắng)**

Thời Chiến Quốc, Tề Dân Vương Điền Địa là người rất kiêu ngạo và chỉ lo hưởng lạc mà bê tha việc triều chính. Nước Yên ở bên cạnh thừa cơ hội này phái Đại Tướng Nhạc Nghị đối lĩnh năm mươi vạn binh, lại liên hợp với binh mã Tần, Triệu, Ngụy, Hàn cùng tấn công nước Tề. Quân Tề bị đánh không còn manh giáp. Quân Yên và quân bốn nước chiếm lĩnh một hơi bảy mươi thành trì của nước Tề, chỉ còn sót lại thành Cử và Tức Mặc là hai thành nhỏ chưa bị công phá mà thôi. Điền Địa trong lúc trốn chạy cũng đã bị giết chết.

Ban đầu bá tánh nước Tề rất hận Điền Địa nên bỏ mặc không kháng địch, nhưng về sau họ thấy binh Yên hiếp dân đoạt của nên căm thấy nổi nhục quốc phá gia vong. Do đó, họ lũ lượt trốn đến thành Cử và thành Tức Mặc, thể chết quyết thủ thành chống địch. Không lâu, quan Đại Phu thành

Tức Mặc vì lao khô quá nhiều nên bị bệnh và chết đi. Mọi người tôn cử Điền Đan lên thay.



Điền Đan là tộc họ xa với Tề Vương, người rất mưu trí lại am hiểu binh pháp, ông đối lĩnh quân dân toàn thành nỗ lực thủ thành. Nhạc Nghị vây thành đã ba năm mà không cách chi hạ nổi thành nhờ vậy. Một hôm, Điền Đan biết Yên Chiêu Vương đã chết, Yên Huệ Vương lên kế vị, ông liền cho người tới Yên Kinh phao tin ly gián khiến cho có mối nghi giữa Yên Vương và Nhạc Nghị. Do đó, Yên Vương sai Kỵ Kiếp

đi thay Nhạc Nghị. Kỵ Kiếp là người tàn bạo lại ngu xuẩn, hấn vừa đến nước Tề liền ngược đãi binh sĩ, làm cho toàn quân ghét hận, hết tinh thần chiến đấu. Điền Đan thừa cơ hội nhất thời nảy bất ngờ phát động phản công, thừa đêm tối dùng hòa ngư trận đại phá binh Yên. Chỉ trong vòng mấy tháng, những đất bị mất đã thu hồi lại được. Bởi thế người Tề gọi Điền Đan là “cha của nước Tề”.

“Điền Đan Liệt Truyện” trong “Sử Ký” của Tư Mã Thiên đã khen ngợi Điền Đan như vậy : “Bình lấy chánh để hợp, lấy kỳ để thắng, người giỏi vô cùng bất ngờ, kỳ chánh còn là tương sanh”. Người đời sau dẫn ra thành ngữ “bất ngờ chế thắng” ý nói nhờ sách lược thần kỳ mà chiếm lấy thắng lợi. Ví như Châu Du dùng khổ nhục kế cho Hoàng Cái trá hàng mà bất ngờ đánh bại Tào Tháo.

## **166. KEO SƠN GẮN BÓ**

### **(Giao tất tương đầu)**

Trong “Hậu Hán Thư” có câu truyện thế này :

Đời Hán có một đôi bạn học rất tốt, một người tên Lôi Nghĩa, một người tên Trần Trọng. Lần ấy, hai người cùng đi thi song Lôi Nghĩa thi đậu còn Trần Trọng thì "tên dưới Tồn Sơn" (thành ngữ, tức thi hỏng). Lôi Nghĩa nghĩ Trần Trọng học giỏi hơn mình sao lại thi không đậu, trong lòng chàng rất lấy làm bất bình, bèn tới ra mắt Thứ Sử (chức quan, thời Hán mỗi quận đều có một Thứ Sử nắm quyền sinh sát) yêu cầu đem công danh của mình chuyển sang cho Trần Trọng. Đương nhiên Thứ Sử không làm theo ý chàng được. Do đó Lôi Nghĩa bèn giả điên nằm dí ở nhà không đi nhậm chức, và vì thế Thứ Sử buộc phải loại bỏ tên chàng.

Vài năm sau, Lôi Nghĩa và Trần Trọng lại đi thi, lần này thì cả hai đều đỗ. Sau lại cũng được Hoàng Đế chọn làm Thượng Thư Lang. Bấy giờ người trong làng thấy tình bạn thâm thiết của hai người như vậy, đều khen mà nói : "Keo và sơn mà gắn với nhau có thể nói rất chắc, song so với tình bạn giữa Lôi Nghĩa và Trần Trọng thì còn thua xa !"

Bạn bè hiểu được lòng nhau đã là việc hết sức khó, giữ được tình bạn trân quý thế này lại càng khó hơn. Keo và sơn mà dán lại thì sự bền chặt không còn gì phải nói nhưng tình bạn thâm

sâu giữa Lôi Nghĩa và Trần Trọng so với keo sơn còn bền chặt hơn, thật khiến bao người ao ước !

Người đời sau dựa theo truyện này dẫn ra câu thành ngữ “keo sơn gắn bó” để ví sự bền chặt của tình bạn như keo như sơn, không thể tách rời được. Quả đúng như trong cổ thi có câu : “Lấy keo dán với sơn, ai có thể tách rời ?” (dĩ giao dầu tặc trung, thùy năng biệt ly thư) cho nên sự tương thân tương ái giữa người khác giới cũng lấy câu “keo sơn gắn bó” hay “như keo như sơn” để hình dung.



## 167. LÔNG TRE MẶT CỬA (Trúc đầu mộc tiết)

Đời Tấn có một người tên Đào Khản tự Sĩ Hành. Triều Tấn Minh Đế, ông được phong làm Chinh Tây Đại Tướng Quân. Thường ngày ông làm việc thật cần mẫn, còn đối với học văn ông cũng rất quan tâm nghiên cứu ; về phương diện quân sự thì ông quả là một nhân tài. Cho nên người bấy giờ xem ông như Gia Cát Không Minh.

Lần nọ, trông coi việc đóng chiến thuyền, hằng ngày ông tự đến đốc thúc, thấy công nhân bỏ bữa bãi mặt cửa và tre vụn đầy đất, ông sai người thu nhặt lại hết, còn chỉ dẫn cho họ đem cất những phế liệu này. Mọi người không biết ý ông dùng mấy thứ vứt đi ấy để làm gì nhưng không dám hỏi.

Tết Nguyên Đán năm sau, nha phụ cử hành lễ khánh chúc triều đình. Vào mấy ngày cuối năm trời đổ tuyết lớn, đường xá tuyết đóng băng dày. Tuy mặt trời đã rọi chiếu mấy ngày mà tuyết đóng trước phủ nha vẫn chưa tan hết, mặt đất trơn trượt,

bùn lầy nhơ nhớp, tới lui thật hết sức khó khăn. Bấy giờ Đào Khân sai người mang mật cửa đã cất ra rải xuống đường để giải quyết sự khó khăn của việc đi lại.



Lại có một lần Phò Mã Đô Úy (chức quan) Hoàn Ôn muốn đi thao phạt đất Thục, việc đầu tiên là cần không ít thuyền, ván thuyền thì đã chuẩn bị sẵn rồi nhưng còn thiếu đinh tre, và như vậy thì không cách chi ghép ván thuyền lại được. Đào Khân

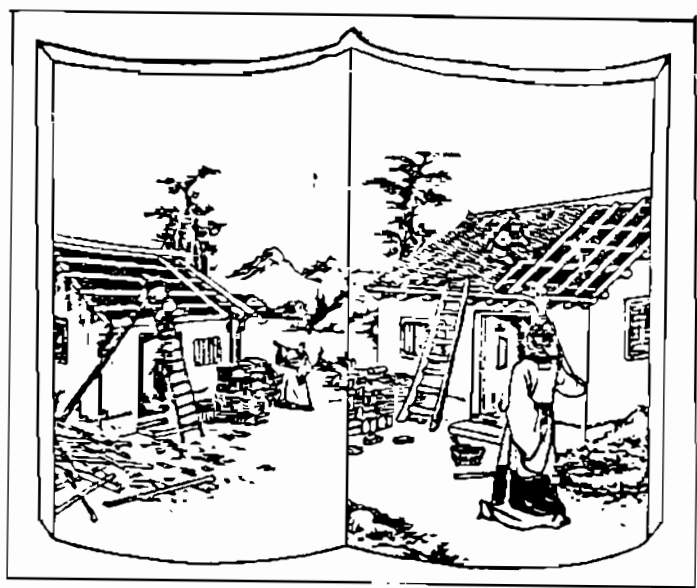
liên cho người đi lấy những lóng tre cắt sẵn đó, đem ra giao cho Hoàn Ôn để chèn làm đỉnh, nhờ vậy từng chiếc thuyền đều được đóng xong.

Truyện này xuất xứ từ “Tấn Thư”, người đời sau dẫn ra câu thành ngữ “lóng tre mặt cửa” để ví những người có ý tứ chu đáo, dù một việc hết sức nhỏ cũng không bỏ qua hoặc một vật vụn cũng không vứt bỏ đi, cắt để dành đó để có khi dùng vào việc khác. Ví như bạn họ, khi học tập hay làm việc chi cũng đều hết sức cẩn thận, dù một chi tiết nhỏ cũng không bỏ qua, chúng ta có thể nói việc học việc làm của bạn này đều có thái độ “lóng tre mặt cửa”, rất có hiệu quả.

## **168. CẮT NHÀ BÊN ĐƯỜNG** **(Tác giả đạo bàng)**

Xưa kia có một người dựng một gian nhà bên vệ đường nhưng tính tình lại không dứt khoát. Nhà sắp cất xong thì có người đi ngang qua, dừng bước ngắm nhìn gian nhà của anh đoạn nói như vậy : “Nếu tôi là chủ của ngôi nhà thì tôi không cất như vậy.”





Người không dứt khoát liền ân cần hỏi :  
"Vậy theo ý anh thì nên làm thế nào ?"

"Anh nên xoay cửa về hướng đông, mặt trời mọc lên sẽ rọi ánh sáng vào nhà, như thế chẳng là không tốt hơn sao ?!"

"Đúng, đúng, ý của anh thật đáng quý, tôi sẽ làm như vậy ngay !" Do đó, gian nhà phải dỡ ra.

Khi gian nhà sắp cất xong lần thứ hai thì có người khác lại đi ngang, góp ý : “Nhà của cần nhất là mùa đông ấm, mùa hạ mát, mà chỉ có hướng nam mới có thể đạt được yêu cầu ấy. Hiện nhà anh xoay mặt về hướng đông thế này thì làm sao đông ấm hạ mát được ?!”

“Đúng đúng, lời góp ý của anh rất đúng !”  
Thế là gian nhà lại bị dỡ ra và cất lại lần thứ ba.

Người góp ý càng tới càng nhiều, mỗi người góp một ý. Người không dứt khoát thấy ý nào cũng đều hay và hợp lý cả, do đó gian nhà của anh cứ dỡ rồi lại dựng, dựng rồi lại dỡ, đã hơn ba năm mà người không dứt khoát chưa cất xong căn nhà.

Trong “Tào Bao Truyện” của “Hậu Hán Thư” có ngôn ngữ : “Cất nhà bên đường, ba năm chưa xong” chính là dẫn từ truyện này. Người đời sau dùng câu “cất nhà bên đường” làm thành ngữ đề chỉ việc làm khó thành công. Ví như một người không dứt khoát cứ làm việc là bị hư hỏng mãi, chúng ta có thể nói : “Anh chính là cất nhà bên đường, sao thành công cho được ?!” Chúng ta làm việc đương nhiên cần ý kiến của nhiều người nhưng cái quan trọng chính là chủ kiến của ta, như thế mới có thể thành công được.

## 169. NGƯỜI MÙ SỜ VOI (Hạt từ mặc tượng)

Trong kinh Niết Bàn của nhà Phật có câu truyện :

Ngày xưa có ông vua nọ, một hôm ông bảo đại thần : “Khanh hãy dẫn một con voi lớn vô đây cho mấy người mù nầy xem.” Voi đã được dẫn vô, đám người mù đi đến trước voi, đưa tay chạm rầy sờ lên voi. Sờ được một lúc, nhà vua mới hỏi đám người mù : “Con voi mà các người thấy đó, nó giống cái gì nào ?”

Trong đám người mù nầy, có một người nhân vì sờ được ngà voi nên nói hình dáng con voi giống như chiếc đòn gánh; còn người kia sờ được tai voi thì lại nói nó giống hệt chiếc quạt to; người thứ ba sờ được chân voi cho nên nói nó không khác chi cái cối đá; người thứ tư sờ được lưng voi thì bảo nó muông tượng tấm đệm; người thứ năm sờ được bụng voi thì nói nó y hệt như cái vò; người thứ sáu sờ được cái đuôi lại bảo nó chẳng khác chi

cái chổi, người thứ bảy sờ được chiếc vòi voi thì bảo nó như con đĩa... Nói tới nói lui, mỗi người nói một cách, tranh cãi không thôi.'



Truyện này giúp ta mở rộng sự hiểu biết rất nhiều, nó nói với ta cho dù là nhìn sự việc gì hãy nghĩ tới vấn đề, đừng nên giống như người mù sờ voi. Khi quan sát hoặc suy nghĩ phân tích, giải quyết điều chi đều nên nắm cho được toàn diện, như thế mới có thể thấy được sự thực, mới có thể

giải quyết vấn đề. Ví như có vị thanh tra nọ vào lớp kiểm tra học sinh, rồi cho học sinh bị kiểm tra lại là một học sinh kém, thanh tra này lại không kiểm tra tiếp những em khác mà đã vội kết luận lớp kém. Chúng ta có thể nói, vị thanh tra này làm cái việc “người mù sờ voi”.

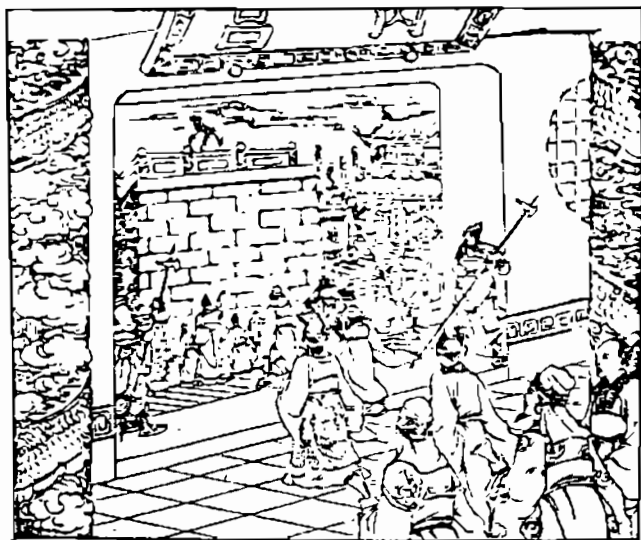
## **170. ĐÀI NỢ XÂY CAO**

### **(Trai đài cao trúc)**

Thời Chiến Quốc, Chu Noãn Vương là một vị thiên tử nhu nhược bất tài, chẳng có một quyền bính nào trong tay cả. Bây giờ, phần đất do ông cai quan chẳng những rất bé mà còn chia làm hai phần : Đông Chu và Tây Chu. Bây giờ, dãy huyện Cung tỉnh Hà Nam là Đông Chu do Đông Chu Công trị lý; dãy thành Hà Nam Vương là Tây Chu do Tây Chu Công trị lý. Chính Noãn Vương ở tại Tây Chu.

Hiếu Liệt Vương nước Sở nghe nói Tín Lăng Quân của nước Ngụy đánh bại nước Tần, liền muốn ước hội với các nước xuất binh tiêu diệt nước Tần, lại thỉnh Chu Noãn Vương chính thức ra lệnh

chinh phạt. Chu Noãn Vương biết nước Tần có dự tính xâm phạm nhà Chu nên chấp nhận theo yêu cầu ngay. Thế là ở Tây Chu tập trung quân đội do Tây Chu Công đốc lĩnh đi hội hợp với binh mã các nước. Ngặt nổi bấy giờ không có quân phí để tiêu, chỉ còn cách ký giấy nợ các tay nhà giàu trong nước và hẹn rõ rằng chừng nào đánh thắng trận trở về sẽ tra vốn lẫn lời.



Nhưng sau khi binh Chu ra đi thì chỉ có nước Sở và nước Yên là ra quân hội hợp mà thôi. Chờ mãi những ba tháng ròng mà không có một chư hầu nào khác phái binh tới. Thành thử chưa đánh một trận nào mà Chu Noãn Vương buộc phải triệu hồi binh tướng trở về nước, rồi cuộc tiền vay mượn kia đã tiêu ráo trội.

Bây giờ, những người cho quốc gia vay nợ, căn cứ vào giấy nợ lần lượt tới tận cung đình đòi nợ Chu Noãn Vương. Tiếng cãi cọ trách móc luôn truyền vào cung. Vì Chu Noãn Vương không có tiền trả nợ đành phải cất một cái đài cao ở trong cung để lẩn tránh. Người ta gọi cái đài cao này là “đài trốn nợ”.

Do vậy, người đời sau dẫn từ truyện này ra câu thành ngữ “đài nợ xây cao” để hình dung người mắc nợ rất nhiều.

## 171. TRƯỚC NGẠO SAU CUNG (Tiên cử hậu cung)

Thời Chiến Quốc, Đông Chu có một nhà chính trị tên Tô Tần. Ông vốn là người Lạc Dương, thườ nhô báỉ Qui Cốc Tử làm thầy. Sau khi học thành tài, Tô Tần đến nước Tần du thuyết nhưng Tần Huệ Vương không dùng chủ trương của ông. Tô Tần chỉ còn cách ôm nỗi buồn thất thểu trở về nhà ở Lạc Dương. Cha mẹ nghĩ là ông biếng nhác làm việc nên cứ than phiền ông. Ngay người vợ ngồi bên khung dệt khi có ông ở trước mặt cũng không màng nhìn ngó đến. Bụng đói meo, ông tới chị dâu định nhờ vả chén cơm song người chị cũng tỏ ra hững hờ, chỉ chén cơm thừa của con mèo ở góc phòng mà bảo : “Trong nhà chỉ còn thừa chén cơm này !” Tô Tần bị đối xử hết sức tệ bạc thế ấy nên ông quyết ra sức dùi mài, nghiên cứu học hỏi, hăng hái mưu toan việc lớn. Mỗi ngày đọc sách, ông đọc cho tới khuya và để khỏi phải ngủ gật, ông treo búi tóc trên xà nhà, mỗi khi mệt lại lấy cây nhọn đâm vào dùi mình làm cho tinh thần tỉnh táo lại.





Trai qua thêm một năm khổ học, Tò Tân rất tin vào sức mình. Thế rồi ông đến Tề, Sở, Triệu, Ngụy, Yên, Hàn mà du thuyết. Rốt lại ông đã thuyết phục được vua của cả sáu nước chịu chấp nhận chủ trương của ông, cùng nhau liên hợp chống Tần cường bạo. Nhân đó ông được phong làm Thừa Tướng của sáu nước. Sau khi làm Tướng Quốc, có lần Tò Tân đi qua Lạc Dương thì cha mẹ, anh, chị dâu và vợ của ông đều đổ ra ngoài ba mươi dặm đường để đón. Ông không khỏi cảm khái mà hỏi

chị dâu rằng : "Sao trước kia rẽ rúng thế ấy mà bây giờ lại to lớn độ như vậy ?" Người chị dâu nói : "Vì bây giờ ông có chức cao lại có nhiều tiền." Tò Tần thò dài một tiếng, nói : "Cũng là một Tò Tần tôi, lúc giàu sang thì kẻ thân thích kính sợ, khi nghèo hèn thì họ coi chằng ra gì ! Ôi nhân tình thế thái, địa vị và bạc tiền đáng sợ thật !"

Sau này, người ta lấy cái thái độ của kẻ trước kia vênh vang bộ mặt, sau lại hạ thấp cúi lòn làm cách đối đãi với người, nói là "trước ngạo sau cung". Trong xã hội ngày nay, chúng ta há không thường gặp những kẻ như vậy đó sao ?

## **172. TRÊN LÀM THÌ DƯỚI BẮT CHƯỚC (Thượng hành hạ hiệu)**

Thời Xuân Thu, từ sau khi Tề Tương An  
Anh mất thì không còn ai chỉ ra lỗi lầm của Tề

Cảnh Công nữa bởi thế trong lòng Cảnh Công cảm thấy rất buồn.

Một hôm, Tề Cảnh Công thiết tiệc văn võ bá quan, sau khi tiệc mãn, ông thẳng đến quảng trường bắn cung để khuấy khoa. Mỗi khi Tề Cảnh Công bắn mũi tên nào, cho dầu mũi tên không trúng hồng tâm chẳng nữa thì văn võ bá quan cứ là cát to tiếng tán thưởng : "Tuyệt vời ! Tuyệt vời !", "Ô, tiền pháp như thần, thật có một không hai !"

Việc rồi, Tề Cảnh Công kể lại việc này với thần tử Huyền Chương. Huyền Chương nói với ông: "Việc này không thể trách đấm tôi thần được, người xưa há chẳng nói trên làm thì dưới bắt chước theo vậy. Nếu vua thích ăn món chi thì quần thần cũng thích ăn món đó; nhà vua thích mặc thứ chi thì quần thần cũng thích mặc thứ đó, nhà vua thích người ta phụng thờ, tự nhiên quần thần cũng sẽ thường phụng thờ Đại Vương thôi".

Cảnh Công cho rằng lời nói của Huyền Chương rất hợp lý, bèn bảo thị tòng mang tặng phẩm ban cho ông. Huyền Chương thấy thế nói: "Những người phụng thờ Đại Vương chính vì muốn được ban thưởng, nếu thần nhận lãnh những vật ban thưởng này, há chẳng khác gì kẻ tiểu nhân

ti tiện sao ?!" Cho dù nói thế nào, Huyền Chương cũng không tiếp nhận vật ban cho đó.

Người đời sau lấy câu nói : "Trên làm thì dưới bắt chước" của Huyền Chương để hình dung người bên trên thích làm cái gì thì kẻ ở dưới cũng sẽ noi theo mà làm y như vậy. Trong xã hội bây giờ thì thiếu chi kẻ làm việc như thế ấy ? Ví như có công ty nọ, ông giám đốc thường bỏ bê việc làm ra ngoài ăn nhậu chơi bời thì kẻ dưới của ông cũng bắt chước theo đó mà xao nhãng công tác, ta có thể gọi đó là "trên làm thì dưới bắt chước" vậy.

Câu thành ngữ này hàm nghĩa của nó chỉ việc xấu, cho nên khi dùng nên cẩn thận.



### 173. MUA HỘP TRẢ NGỌC (Mãi độc hoàn châu)

Thuở xưa, có một tốp người đi bán châu báu. Họ đưa trên châu vô nước Trịnh để bán. Nhằm mục đích câu khách, họ bèn nghĩ cách chế ra những chiếc hộp đặc biệt đựng trên châu. Những

chiếc hộp nầy đều được chế tạo bằng gỗ mộc, lan tuyền chọn, cách thức thiết kế thật hết sức mỹ thuật. Mặt hộp được chạm trổ hoa hồng bằng những đường nét sắc sảo, chung quanh thì kham châu ngọc lấp lánh; theo những cạnh thì dát ngọc phi thủy. Đồng thời lại còn dùng hương quế làm chiếc hộp có mùi thơm nồng. Thật là một chiếc hộp quý.

Bọn họ tới nước Trịnh, bèn chọn nơi nhộn nhịp có nhiều người qua lại mà bày hộp châu báu ra bán. Vừa bày ra, quả nhiên có rất nhiều người bu quanh chật ních, họ chen nhau để được ngắm nhìn. Bọn người bán châu ngọc thầm mừng trong lòng nhưng họ cố gắng ngồi ra đó mà không nói tiếng nào và lắng nghe lời bình phẩm về châu báu của họ để có thể ra giá đắt rẽ thế nào. Nào ngờ, họ nghe đi nghe lại thì chỉ toàn lời xầm xì bàn tán về những chiếc hộp mà thôi; còn châu báu đựng trong những chiếc hộp kia lại chẳng nghe ai nói tới. Những người bán châu báu thấy thế chẳng khỏi sốt ruột, bèn cất tiếng rao bán. Nhưng người ta chỉ hỏi giá những chiếc hộp mà thôi, chứ không đá động gì tới châu báu cả. Cuối cùng, có nhiều người dám trả giá cao để mua những chiếc hộp và lại còn ra điều kiện chỉ lấy hộp mà trả lại cho chủ những châu báu đựng bên trong. Câu truyện nầy được thấy ở phần ngoại thiên của sách Hàn Phi Tử



Theo cốt truyện mà thấy ra thì những người khách mua hàng của nước Trịnh chỉ muốn được chiếc hộp và trả lại phần châu báu bên trong, tựa hồ không có chi phải đáng cười, bởi vì thiệt ra những chiếc hộp cũng rất đẹp để quý giá, họ chưa hề được thấy qua chiếc hộp nào đẹp đến thế này, còn trân châu tuy quý thật, nhưng họ đã từng hoặc thường thấy qua rồi. Có điều họ bỏ trân châu quý giá thực kia mà muốn lấy chiếc hộp đẹp để bên ngoài nọ lại là cái buồn bất không được đúng.

Sau này, dựa theo cốt truyện, người ta rút ra câu thành ngữ “mua hộp trà ngọc” để ví những người buông bắt những cái không đúng, xem nhẹ nặng cái không phải. Ví như có học sinh nọ mua một quyển sách khoa học, nhưng chỉ xếp cất trên kệ sách để ngắm nhìn cái mã bên ngoài thôi, chứ không hề đá động gì tới phần bên trong. Chúng ta có thể nói cậu ta là kẻ “mua hộp trà ngọc” vậy.



## 174. NGÃ RÊ MẮT DÊ (Kỳ lộ vong dương)

Dương Tử là một người học cao hiểu rộng thời Chiến Quốc. Ngày nọ, người hàng xóm của ông bị mất một con dê. Người ấy đã nhờ va bao nhiêu bạn bè thân thích đi tìm, Dương Tử nói : “Chỉ mất có một con dê, cần chi phải lăm người đi tìm như vậy ?” Người hàng xóm nói : “Vì ngã rê quá nhiều, nếu không nhờ nhiều người thì không thể tìm được!” Đợi một lúc lâu sau, những người đi tìm dê đều trước sau lần lượt trở về với tay không.

Dương Tử hỏi : “Người đi tìm đồng đến thế, sao tìm không được ?” Người hàng xóm nói : “Vì đường lăm ngã rê ! Giữa mỗi ngã rê lại có nhiều ngã rê, bởi vậy không cách chi tìm được, người ta chỉ còn biết trở về thôi !” Dương Tử nghe xong, đầu cúi thấp, cả ngày buồn bã không vui.

Một học trò hỏi Dương Tử : “Người hàng xóm mất dê, việc này có chi là lớn lao lăm đâu, và lại nó có liên quan gì đến thầy, vậy hà tất thầy

phải sâu muộn suốt ngày làm chi ?” Dương Tử nói: “Lời con nói cũng không sai, có điều việc thầy nghĩ đây tuyệt chẳng phải riêng gì chuyện mất con dê của người hàng xóm ấy, mà là có liên quan đến vấn đề cầu học. Việc học của chúng ta, nếu hướng đi không chính xác, chỉ cứ mò mẫm như ke mù tìm đường đi thì thật là phí công tốn thời gian biết bao, và rồi cũng không thể đi tới mục đích được. Cuối cùng có khác chi ơ ngã rẽ tìm dê, có tìm được đâu ?!”



Bài ngụ ngôn của “Liệt Tử” trên đây đã mở rộng. Nó nói với chúng ta rằng cầu học vấn đều phải có phương pháp cả, ví bằng làm càn học bừa thì nhất định phí công, mất thời gian vô ích thôi. Người đời sau dùng câu thành ngữ “ngã rã mất dê” để chỉ cách làm mù quáng mà không nghiên cứu phương pháp, xem coi phải nên làm như thế nào. Ví như có người học âm nhạc mà lại không bắt đầu học từ nhạc lý. Cách học như thế đương nhiên không thành tựu được, rồi cuộc đành bó tay chịu thua. Chúng ta gọi cách học của người đó là cách học “ngã rã mất dê”.

## **175. TIẾNG KÊU KHIẾP NGƯỜI (Nhất minh kinh nhân)**

Câu truyện này vốn ở “Hoạt Kê Liệt Truyện” trong sách “Sử Ký”.

Vào thời Xuân Thu, Sở Trang Vương tuy làm vua đã ba năm, xong suốt ngày cứ mãi ăn uống tìm vui, không lo nghĩ gì đến chuyện lớn của nước nhà, lại không nghe lời khuyên gián của triều thần.

Ngày nọ, Quan Đại Phu Thân Vô Úy đến ra mắt, chỉ thấy ông lấy sự ve vuốt gái đẹp, uống rượu làm vui. Thoạt thấy Thân Vô Úy, ông liền hỏi: “Ông tới đây để uống rượu nghe nhạc hay là tới đây định nói điều chi ?” Thân Vô Úy đáp : “Có một con chim to, lông ngũ sắc, nằm nghỉ tại nước Sở ta đã quá ba năm rồi, nó chẳng kêu mà cũng chẳng bay, thần không biết đó là chim gì, đến đây mong hỏi Đại Vương vậy”. Sở Trang Vương rất biết rõ câu hỏi ấy nhằm ám chỉ ông, nên cười mà bảo : “Đó không phải là chim thường đâu; ba năm không bay, một khi bay tất đọng tới trời xanh; ba năm không kêu, một khi kêu tất người phải khiếp, ông hãy chờ xem”. Nói xong, Sở Trang Vương vẫn tìm vui như cũ. Quan Đại Phu Tô Tông khóc mà xin vào ra mắt. Sở Trang Vương biết ông tới định can gián nữa, nên nói chặn trước : “Ta đã ra lệnh, ai khuyên ta thì phải chịu xử tử, ông đã biết rõ điều ấy là phải chết, sao còn dám vi phạm mệnh lệnh, há chẳng phải ngu đại lắm sao ?” Tô Tông thưa : “Cái ngu của tôi bất quá chỉ rước lấy cái chết cho riêng tôi, nhưng vẫn giữ được danh thơm tiếng tốt của bậc trung thần; cái ngu của đấng quân vương chính vì ham vui nhất thời mà mất đi cái lợi muôn thuở, về sau ai còn biết gì tới nữa đâu ?!”



Trang Vương nghe xong liền tỉnh ngộ và kê từ hôm ấy trở đi, ông giải tán gái đẹp, gắng sức sửa đổi chính trị, huấn luyện quân đội, phát triển nông nghiệp, chẳng quá sáu năm, nước Sở đã trở nên một quốc gia cường thịnh. Và Sở Trang Vương đã trở thành một trong ngũ bá vào thời Xuân Thu.

Từ đó ta thấy người đại trí đại năng thường bắt tay vào việc, chớ không lăm lờ nhiều chuyện, tục ngữ nói : “Người đại trí như kẻ ngu” (Đại trí

nhược ngu), ấy là thứ hạng người như vậy. Một khi họ bắt tay vào việc làm thì khiến người phải thán phục không ngờ. Đương nhiên, việc Sở Trang Vương uống rượu, ve vướn gái đẹp, làm đất nước bị ngưng trệ ngay từ lúc đầu là không tốt vậy.

Người đời sau, vì muốn nói một người trước kia chẳng có tiếng tăm, chỉ im hơi bất tiếng, nhưng một khi hành động thì việc làm khiến người phải khiếp đảm nên phục, nên dựa vào truyện này mà rút ra câu thành ngữ "tiếng kêu khiếp người". Ví như có một người giỏi âm nhạc, lần đầu trong một cuộc thi công khai đại qui mô đã chiếm giải nhất, được nổi tiếng khắp xa gần. Chúng ta có thể gọi người ấy là "tiếng kêu khiếp người" vậy.

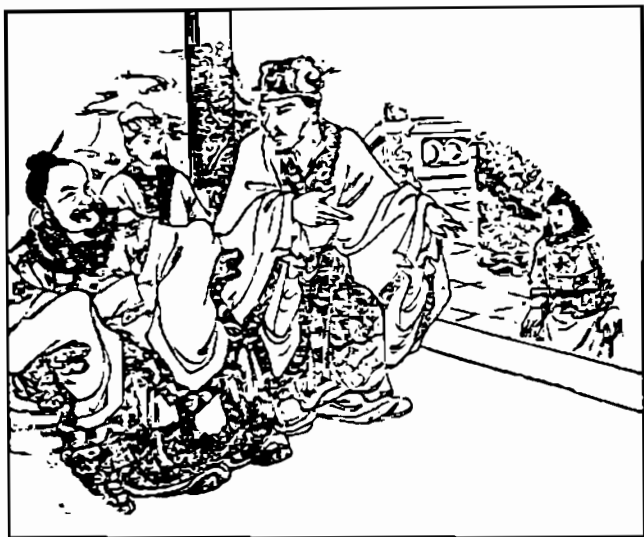
## **176. CÁI NƯƠNG TỰA LÔNG DA** **(Mao bì chi phụ)**

Vào thời Xuân Thu, công tử Di Ngô nước Tấn vì muốn được nước Tần giúp đỡ cho ông trở về nước làm vua, nên hứa sau khi việc xong rồi thì nhất định sẽ cắt đất năm thành dâng cho Tần để thù tạ. Nhưng sau khi được lên làm quốc quân nước

Tấn (Tấn Huệ Công) thì Di Ngô không thực hành lời hứa. Không lâu, mùa màng nước Tấn bị thất bát, Tấn Huệ Công thương lượng với nước Tấn để mua lương. Nước Tấn chẳng những không nhắc tới việc bội ước trước mà còn khẳng khái bằng lòng theo yêu cầu của ông.

Sang năm sau, nước Tấn bị mất mùa nên cũng sang Tấn thương lượng mua lương. Tấn Huệ Công lại không chịu giúp đỡ. Đại Phu Khánh Trịch khuyên ông đừng nên làm như thế, nếu một vị vua mà không nhân nghĩa thì nhất định không thể bảo vệ quốc gia được.

Song có một đại thần tên Quắc Xạ lại cho rằng đã thất hứa không cần năm thành cho Tấn thì oán hận của Tấn đối với Tấn đã sâu xa; bằng đừng bây giờ bằng lòng giúp lương cho Tấn, nước Tấn đâu đã hết bất mãn, chỉ bằng đừng giúp cũng vậy thôi. Đã thế ông ta còn đưa ra ví dụ nói với Tấn Huệ Công : "Da đã không còn thì lông còn bám vào đâu được." Ý nói nước Tấn không giữ lời hứa cắt đứt năm thành giao cho nước Tấn thì đó là vấn đề căn bản; vấn đề căn bản này chưa giải quyết mà chịu bán lương thực cho Tấn tựa hồ chỉ có lông mà không có da. Đã không da thì có thể nương dựa vào đâu ? Lông mà không có da thì có lông ích lợi gì ?



Từ đây về sau, người ta nói khi giải quyết sự tình mà không giải quyết ngay gốc của nó thì những chi tiết khác dù có giải quyết chẳng nữa cũng uống phí tâm cơ, khác chi “cái nường tựa lông da”. Ví như có một bạn sắp sửa thi cử tới nơi mà không chuyên tâm cần mẫn ôn tập bài vở, cứ đoán mò đề thi, như vậy là “cái nường tựa lông da”. Nhưng bây giờ hầu hết mọi người đều mượn câu thành ngữ này để nói sự vật này nường nhờ vào sự vật kia ; nếu sự vật kia không tồn tại thì sự



vật này cũng không cách chi tồn tại. Ví như cá với nước, nếu cá mà không có nước thì cá không thể sống được, như thế có thể nói là “cái nươg tựa lông da.” Câu thành ngữ này với câu “môi hờ răng lạnh” (thần vong xĩ hàn) không thể dùng lẫn lộn, vì câu “môi hờ răng lạnh” là biểu thị cái ý nươg tựa lẫn nhau, có liên quan lợi hại với nhau. Chúng ta không nên nhầm lẫn hai câu thành ngữ này.

## **177. NGÀN NGHĨ MỘT ĐƯỢC** **(Thiên lự nhất đắc)**

Thời Hán, Hàn Tín dùng chiến lược xảo diệu của bói thủy vận, đánh bại hai mươi vạn đại quân nước Triệu, giết chết tướng Thành An Quân, bắt sống được vua Triệu và mưu sĩ Lý Tã Xa.

Hàn Tín biết Lý Tã Xa là người mưu trí, do đó vời ông tới, hỏi : “Hiện giờ ta muốn phía bắc đánh nước Yên, phía đông đánh nước Tề, xin hỏi làm sao mới có thể thắng được ?” Lý Tã Xa nghĩ mình thân là tù binh nên chẳng dám bàn đại sự. Hàn Tín phải mời thỉnh ba lần, ông mới nói : “Người trí ngàn lần nghĩ tất có một lần sai; kẻ ngu  
458

ngàn lần nghĩ tất có một lần đúng. Lời của cuồng phu, thánh nhân chọn vậy. Ý kiến của tôi chưa chắc là đúng, nhưng cũng xin dám nói ra đây. Mưu kế của Thành An Quân nước Triệu tuy bách chiến bách thắng, nhưng có lúc cũng bị thất bại nên đã bị tướng quân giết chết. Hôm nay tướng quân xua quân qua Tây Hà bắt vua Ngụy, chỉ một trận đã xong, còn hơn cả việc phá hai mươi vạn đại quân nước Triệu, danh vang hai nội, oai lừng thiên hạ, ai mà không biết tướng quân trí dũng. Nhưng nay dân chúng lao khổ, sĩ tốt mệt mỏi, tướng quân muốn lấy cái quân đội khỏe mạnh đánh một nước Yên kiên cố thành trì, e không phải một sớm một chiều mà được. Đến lúc lương mòn sức yếu, bấy giờ nước Yên yếu không phục, nước Tề giữ ngoài biên cảnh rồi sẽ mạnh lên. Tề, Yên không chịu hàng, Triệu, Hàn đẩy lên, mạnh yếu còn chưa biết được. Lúc này cục diện nguy cấp, chắc có lẽ tướng quân còn chưa nghĩ tới. Theo cách nhìn của tôi, tôi thấy nếu tiến quân nữa là một điều sai lầm."

Hàn Tín hỏi : "Vậy thời nên làm, cách nào?" Lý Ta Xa nói : "Kế hôm nay không nên tiến quân. Một mặt nên vỗ về đoái nghĩ tới con em của tứ sĩ nước Triệu, trong vòng trăm dặm thành an Đại Phu, đãi đằng sĩ tốt ; một mặt lấy thế binh phía bắc nhắm vào nước Yên, lại viết một bức thư nói rõ cái ưu thế của mình mà thị uy. Như thế

nước Yên sao dám không theo. Nước Yên đã theo rồi, lại phải một biện sĩ làm sứ sang Tề, và bây giờ nước Tề đương nhiên phải phục tùng thôi. Kế này trong binh thư gọi là “trước giả mà sau thật” (tiên hư nhi hậu thực).” Hàn Tín bèn chiêu theo kế sách của Lý Tả Xa mà thực hiện. Quả nhiên nước Yên tự hàng phục.



Sau này, người ta đơn giản hóa câu nói :  
“Người trí ngàn lần nghĩ tất có một lần sai ; người

ngũ ngàn lần nghĩ tất có một lần đúng” thành “ngàn nghĩ một được”. Ý nói, cho dù là kẻ ngu muội mà đã suy nghĩ qua nhiều lần, tất cũng sẽ có một lần nghĩ đúng. Câu này dùng ở ý tự khiêm, như : học thức của tôi rất hạn hẹp, song “ngàn nghĩ một được”, nói ra có thể cũng có ích phần nào cho việc giải quyết vấn đề này.

## **178. CỬA QUAN NHƯ CÁI CHỢ**

### **(Môn đình nhược thị)**

Trong “Chiến Quốc Sách”, “Tề Sách” có truyện thế này :

Tôi thân của Tề Uy Vương là Sô Kỵ rất ưa chưng diện làm đẹp. Vợ và hầu thiếp của ông nói ông sang trọng uy nghi hơn Từ Công ở Bắc Thành. Nghe khen như vậy mà ông còn chưa tin cho lắm, nên hỏi lại bạn bè, bạn bè ông nói : “Từ Công làm sao sang trọng uy nghi hơn ngài được?!” Sô Kỵ nghe nói thật hết sức tức lòng. Ngày nọ, Từ Công đến nhà ông trò chuyện chơi, ông ngắm nghĩa đánh giá tướng mạo và phong cách của Từ Công, đoạn lại tự soi gương để biết sự thật là mình

có hơn Từ Công không, ông thấy Từ Công sang trọng uy nghi hơn ông nhiều. Từ ấy, ông nằm sái chân trên giường, suy đi tính lại mới biết rằng vốn là vì vợ ông thương ông, hầu thiếp sợ ông, bạn bè nể ông, nên mọi người đều nói lời không thật. Do vậy, ông liền tâu đến Tề Uy Vương là quốc quân của một nước, những cái u tối mà Tề Uy Vương có chắc hẳn còn nhiều hơn ông.



Hôm sau, ông đem sự việc của chính thê thiếp, bằng hữu mình đã không nói lời nói thật, bẩm lại với vua Tề, lại khuyên vua Tề nên lắng nghe ý kiến của người khác để sửa trị nước nhà được tốt hơn.

Tề Uy Vương biết được như thế, cho là phải, bèn ra một mệnh lệnh, hễ ai có thể nói và chỉ ra được cái sai lầm của ông, đều có thể được khen thưởng. Tin này truyền ra, người thẳng lời tìm đến càng lúc càng đông, cung đình náo nhiệt, kẻ tới người lui tấp nập, lời khuyên lẽ gián, hết như một cái chợ sầm uất.

Câu truyện này vốn là kỹ thuật xảo diệu mà Sô Kỵ đưa ra để khuyên gián Tề Uy Vương nên tiếp thu ý kiến người khác. Nhưng người sau này căn cứ vào việc người khuyên gián tới lui không ngừng, dẫn ra câu thành ngữ “cửa quan như cái chợ” để chỉ một chỗ nào đó mà người ta tới lui chen chúc nhộn nhịp. Ví như thương điểm nọ tuy nhỏ, nhưng hàng hóa đầy đủ, cho nên thương “cửa quan như cái chợ”. Trái lại, nếu hàng hóa quá đắt, phẩm chất tệ, cửa hàng vắng hoe thì nói “cửa giăng lưới sê” (môn khà la tước). Hai câu thành ngữ này hoàn toàn trái ngược nhau.

## **179. ĐÔNG ĐẠO CHỦ NHÂN**

### **(Đông đạo chủ nhân)**

Thời Xuân Thu, khi công tử Trùng Nhĩ nước Tấn trốn tới nước Trịnh thì nước Trịnh bế chặt cửa thành, không cho ông vào. Về sau, Trùng Nhĩ trở về nước và lên làm vua. Vì muốn báo hận cừu này nên Trùng Nhĩ ước hội với nước Tấn xuất binh công đánh nước Trịnh. Trịnh Văn Công lo sợ nên phái Chúc Chi Vô đi khuyên Tấn Mục Công lui binh. Tướng sĩ nước Tấn không chịu cho ông vào, ông chỉ còn cách ở ngoài doanh cất tiếng khóc lớn mà thôi. Bọn binh sĩ thấy vậy, bắt ông đến trước mặt Tấn Mục Công. Tấn Mục Công hỏi vì sao khóc, ông nói : "Tôi vì nước Trịnh và cũng vì nước Tấn mà khóc. Nước Trịnh ở mé đông nước Tấn, nước Tấn ở mé tây nước Tấn, nước Trịnh mà mất đi rồi, nước Tấn càng lớn mạnh, và nước Tấn sẽ làm vào thế yếu. Giúp người ta chiếm lấy lãnh thổ nước khác mà ngược lại làm suy yếu lực lượng quốc gia mình thì người thông minh ắt hẳn không làm".

Tân Mục Công nghe xong liền thất kinh,  
nói luôn một hơi : “Đúng ! Rất đúng !”

Chúc Chi Vô lại nói : “Nếu bây giờ nước  
Tân chịu lui binh giải vây thì nước Trịnh sẽ thoát  
ly nước Sở, phục tòng nước Tấn như thần tử. Và  
nếu để nước Trịnh là chủ nhân của đường mé đông  
nước Tấn, thế thì cũng có thể cung ứng những đồ  
vật mà nước Tấn thiếu thốn, và như vậy, đối với  
ông đâu có gì hại ?!”





Mục Công nghe đến đây, hết sức vui mừng, bèn cùng nước Trịnh ký minh ước, phái Tướng Quân Kỳ Tử, Phùng Tôn, Dương Tôn qua nước Trịnh phòng ngự, tự mình đốc binh bí mật trở về nước.

Nước Tấn thấy nước Tấn phản bội mình thì không thể không triệt binh, thế là vòng vây nước Trịnh được giải.

Người sau này căn cứ vào câu nói cuối cùng của Chúc Chi Vô : "Nếu để nước Trịnh làm đông đạo chủ..." đem chữ "đông" làm chủ phương, chữ "tây" làm khách phương. Do vậy mà người chủ căn nhà gọi là "phòng đông" ; chủ nhân mời thầy về nhà dạy, gọi thầy là "tây tân" hoặc "tây tịch" ; lại gọi người xuất tiền đãi khách là "đông đạo chủ nhân" hoặc "đông đạo chủ" hay "đông đạo".

## **180. CHẾT VÌ PHÁP LUẬT CỦA CHÍNH MÌNH**

**(Tác pháp tự tặc)**

Thời Chiến Quốc, Công Tôn Ương là người rất có tài, vì thế ông được Tần Hiếu Công phong làm Thừa Tướng, và mời ông sửa đổi lại pháp luật đã có từ trước.

Công Tôn Ương bỏ ra một thời gian nghiên cứu và đã lập ra được pháp luật mới, theo đó nghiêm túc ban ra, buộc các nơi phải bắt đầu thi hành. Chẳng bao lâu, nước Tần nhờ đó đã trở nên cường thịnh. Vua Tần ra quân đánh nước Ngụy, thu lại đất đã mất không ít. Công Tôn Ương một phen lập được công lớn nên được Tần Hiếu Công phong cấp cho đất Thương, xưng hiệu “Thương Quân”.

Thương Ương cải cách pháp luật, xâm phạm lợi ích của bọn quý tộc, lãnh chúa rất nhiều vì vậy họ rất căm thù ông. Sau khi Tần Hiếu Công mất, bọn họ bắt đầu liên hợp công kích ông. Tần Huệ

Văn Vương vốn vì có mối hận cừu riêng với Thương Ương, nên ra lệnh bắt ông.



Thương Ương nghe được tin này, vội vã đem gia thuộc trốn đi. Cứ theo luật pháp của ông chế định, người nào tá túc ở lữ điểm buộc phải xuất trình giấy chứng minh thân phận của mình. Lúc này lấy đâu ra giấy tờ chứng minh ? Chỉ còn cách suốt đêm lên đường thôi. Ông định trốn sang nước Ngụy, song hiềm vua Ngụy sẽ nhớ đến thù xưa mà

không bằng lòng cho ỡ. Vậy chỉ còn cách quay trở về đất Thương, chuẩn bị võ lực để chống lại quân đội theo bắt ông mà thôi. Thế nhưng, từ khi ông thay đổi luật pháp, binh lực địa phương yếu đi, đại quân của nhà vua kéo đến, ông liền bị bắt. Sau cùng bị xử tử hình.

Người đời sau dẫn từ truyện này ra câu thành ngữ “chết vì pháp luật của chính mình” để chỉ người lập pháp tự hại mình vì luật lệ của chính mình.

## **181. MÀI CHÀY NÊN KIM**

**(Ma xử tác châm)**

Chúng ta thường nghe người khác nói :  
“Nếu dày công thì cho dù chày sắt cũng mài nên kim.”

Câu này có ý nói chúng ta muốn thành tựu sự nghiệp, hoặc vấn đề học vấn, hay nghiên cứu muốn được cao sâu thì nhất định phải trải qua gian khổ dài mài, khắc phục rất nhiều khó khăn mới có

thể đạt được. Ở phương diện này thì không có chuyện lẹ chân tới trước được.

Câu thành ngữ “mài chày      nên kim” này vốn xuất từ “Tiềm Sát Loại Thư.” Trong sách có câu truyện như vậy :

Thuở nhỏ đại thi nhân Lý Bạch đời Đường học hành rất chênh mảng, thường là trốn học để đi chơi. Một hôm, ông thấy một bà cụ cầm thỏi sắt lớn mài trên đá, Lý Bạch hỏi : “Cụ ơi, cụ mài thỏi sắt này làm gì ?” Bà cụ đáp lại : “Tôi muốn mài thỏi sắt này thành cây kim”. Lý Bạch cảm động vì lời nói của bà cụ, bèn quay trở về nhà, từ đó thể quyết gắng sức khổ học. Rốt lại, ông đã trở thành một đại thi nhân.

Chúng ta nghĩ xem, người dùng thỏi sắt thô kệch như vậy mà muốn mài thành kim, tất phải là người giàu nghị lực và lao lực lắm, và cũng trải qua bao nhiêu khó khăn lắm mới có thể mài nổi ! Chúng ta làm việc gì hoặc học một môn gì tất cũng có lắm khó khăn trở ngại chờ đợi. Tục ngữ cũng có câu : “Trên đời không việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền” (Thế thượng vô nan sự, chỉ phạ hữu nhân tâm), nếu không có hăng tâm lại sợ khó, ấy chỉ có “nửa đường mà bỏ”, trăm sự chẳng thành mà thôi.

Câu thành ngữ “mài chày nên kim” này khuyến khích ta nên kiên trì bền chí, hăng hái tiến thủ, đừng nản chí. Nhất là với tuổi trẻ chúng ta, có chí hướng xa rộng, có tiền đồ tốt đẹp thì nên lấy hăng tâm và nghị lực của câu “mài chày nên kim” mà dốc sức học hỏi để đạt chí hướng, sáng tạo tiền đồ.

Ví như chúng ta khuyên bạn cố gắng học tập, có thể nói : Muốn việc học được đến nơi đến chốn, ta nên có nghị lực “mài chày nên kim”, đó là một cách để thành công vậy.



## 182. LANG SÓI GIỮA ĐƯỜNG

(Sài lang đương đạo)

Năm Thuận Đế nguyên niên (Công nguyên 142) đời Hậu Hán, triều đình tuyên phái tám đặc sứ đi tuần hành các nơi để xem xét cách trị dân của các quan lại. Như phát hiện quan Thứ Sử hay Thái Thú nào có hành vi tham ô phạm pháp, nếu cấp lớn thì tâu về triều, còn từ huyện lệnh trở xuống thì có thể không cần tâu báo, tức thời có biện pháp ngay. Ai thanh liêm chính trực, làm việc cần mẫn thì được tuyên dương khen thưởng. Những đặc sứ này đều là người tuổi cao chức trọng, riêng có Trương Cương là tuổi còn trẻ, quan chức cũng rất thấp. Những người khác đều vâng lệnh lên đường làm nhiệm vụ, còn Trương Cương khi đi đến quán dịch ngoài thành Lạc Dương lại xuống xe không đi nữa. Ai cũng ngạc nhiên hỏi ông vì sao không đi ? Ông cảm khái nói : “Lang sói giữa đường mà đi tìm chồn chuột nổi gì” Ý nói : ác lớn chưa trừ, hà tất hỏi ác nhỏ làm chi ? Cái mà ông muốn nói chính là đại gian thần Lương Ký. Nên

chính trị sờ di bại hoại thời nát đều do bởi tên Lương Ký nầy mà ra cả. Do đó ông viết một tấu chương, nghiêm khắc lên án tội ác của hắn, nhưng Lương Ký là thân phận quốc cứu, tuy Hoàng Đế rất biết Trương Cương nói ra sự thực, nhưng không tiện hạch hỏi, và lại cả triều đình đều là bè đảng của Lương Ký, làm sao có thể động tới ông ta được?



Từ đó, Lương Ký hận Trương Cương thấu xương, hằng rắp tâm tìm cơ hội để giết ông. Bầy



giờ ở quận Quảng Lăng, bọn Trương Anh tុ chúng chống đối quan sữ, giết chết Thứ Sữ Thái Thú, ròng rã mười mấy năm rồi mà triều đình vẫn chưa có cách chi đánh dẹp nổi. Lương Ký bèn tấu trình, tuyền chọn Trương Cương về đảm nhiệm Thái Thú Quảng Lăng, dinh ninh rằng Trương Cương rồi sẽ chết tại đấy. Nào dè sau khi Trương Cương đáo nhiệm, ông tự tìm tới Trương Anh, dùng đại nghĩa vỗ về bá tánh, lấy lòng nhân phù dụ chiêu an, do đó Trương Anh đã tự bỏ vũ khí. Thế là vấn đề mười năm không giải quyết nổi, bây giờ thì ngồi giờ băng tan. Đáng tiếc là Trương Cương đáo nhậm nơi nầy chỉ được một năm thì bị bệnh mà mất.

Truyện nầy xuất xứ từ “Trương Cương Truyện” trong “Hậu Hán Thư.” Người sau lấy câu nói : “Lang sói giữa đường” của Trương Cương dẫn làm thành ngữ, để chỉ kẻ xấu nắm lấy quyền lớn. Ví như ở vùng nọ, có tên quan huyện ác ôn nắm giữ chức quyền, vợ vét của cải bá tánh, người ta bèn nói huyện ấy “lang sói giữa đường”, dân chúng sống không được một ngày yên ổn.

## **183. MỜI ANH VÔ ANG (Thỉnh quân nhập úng)**

Thời Võ Tắc Thiên nhà Đường, đại thần Châu Hưng và Khưu Thần thông mưu tạo phản. Võ Tắc Thiên phái Lai Tuấn Thần đi điều tra việc này. Sau khi Lai Tuấn Thần tiếp mệnh bèn hẹn với Châu Hưng tới nhà dùng cơm. Trong bữa tiệc, Lai Tuấn Thần nói :

“Có một việc tôi muốn thỉnh giáo với lão huynh. Gần đây tôi thẩm tra rất nhiều tội phạm, song bọn chúng đều không chịu nhận tội, chẳng rõ anh có cách gì để bọn chúng nhận tội chăng ?” Châu Hưng cười mà rằng : “Tôi ngỡ là chuyện chi, chứ chuyện này thì dễ ợt thôi. Anh có thể lấy một cái ang to, bốn bên đốt lửa cháy hừng hực, bắt phạm nhân nào không chịu nhận tội bỏ vô ang ,thế thì còn sợ chi nó chối quanh nữa ?!”

Lai Tuấn Thần khen : “Cách này rất hay!”

Sau đó, Lai Tuấn Thần sai kẻ tùy tùng khiêng tới một chiếc ang to, và chiếu theo lời Châu Hưng nói, bốn bề cho đốt lửa đồ rục. Được một lát, Lai Tuấn Thần bèn nói với Châu Hưng : “Nay triều đình có người tố cáo anh mưu phản, Thái Hậu mệnh tôi thăm tra anh, bây giờ thì xin anh vô trong ang này.” Châu Hưng nghe xong, sợ điếng hồn, liền dập đầu nhận tội.



Truyện này xuất từ “Đường Kỳ” trong “Tứ Trị Thông Giám”. Người sau dùng câu “mời anh vô ang” để hình dung lấy cái đạo của người đó trị chính bản thân người đó, tức dùng cách “gây ông đập lưng ông”, hoặc dùng lời để dụ người lọt vào vòng bố trí sẵn của mình. Ví như có người ưa làm việc ác, cứ bắt bớ gây khổ cho người, sau này hẳn bị bắt làm khổ lại, chúng ta có thể nói : “Anh hay bắt bớ làm khổ người, bây giờ thì xin *mời anh vô ang* vậy”.

Ý của thành ngữ này với câu “chết vì pháp luật của chính mình” tựa hồ giống nhau, nhưng thực ra thì có chỗ khác. “Chết vì pháp luật của chính mình” là chỉ chính mình lập ra pháp luật, cuối cùng ngược lại làm hại cho mình, còn “mời anh vô ang” lại chỉ người ta dùng cách mà anh đối xử với kẻ khác để đem ra đối xử với anh. Hai câu này tránh dùng nhầm lẫn, trước hết cần hiểu rõ nội dung sự việc rồi mới ứng dụng, như vậy mới đúng được.

## 184. NÉM BÚT TÒNG QUÂN (Đầu bút tòng nhung)

Ban Siêu tự Trọng Thắng, người Bình Lãng, quận Phù Phong vào thời Đông Hán. Thuở nhỏ, ông chẳng những là người có chí hướng cao xa mà tính tình lại rất thành thực, ham lao động, thích đọc sách, ưa biện luận. Năm thứ năm niên hiệu Vĩnh Bình đời vua Minh Đế, anh ông là Ban Cố đi làm Hiệu Thư Lang ở Lạc Dương, ông cùng mẹ cũng đi theo. Bây giờ, vì kinh tế gia đình túng quẫn, ông thường giúp các quan viên làm những công việc biên chép lặt vặt, nhờ vậy mà gia đình ông có thêm chút đỉnh thù lao để duy trì sự sống. Lâu ngày, ông cảm thấy nếu cứ thế mãi thì sẽ không có gì khá hơn.

Ngày nọ đang loay hoay viết, bỗng dưng ông ném bút xuống đất, nói lớn : “Đại trượng phu ví phỏng không có chí nguyện lớn, tất cũng phải học theo Truyền Giới Tử và Trương Khiên (Truyền và Trương đều là người thời Tây Hán, nổi tiếng đất

Tây Thành), ở nước ngoài tạo dựng sự nghiệp, sao ta cứ mãi cầm bút thế này ?!”



Về sau quả nhiên Ban Siêu đã đem hết thời gian và tinh lực, phát huy tất cả trí tuệ và dũng cảm ở Tây Thành. Ông còn khắc phục mọi thứ gian nan khốn khó để cho nhà Hán giao hảo tốt với hơn năm mươi nước. Chính quyền cương thổ cũng nhờ ông mà được củng cố. Triều đình án chiếu theo

công lao phong ông làm Định Viễn Hầu. Ông đã trở thành danh tướng triều Đông Hán.

Truyện xuất xứ từ “Hậu Hán Thư”. Câu thành ngữ “ném bút tòng quân” là dựa theo truyện Ban Siêu, chỉ chí nam nhi ở tại bốn phương, không ru rú ở nhà làm tay sai cho người, khuyên người thời bấy giờ nên bỏ văn theo võ, hăng hái dứng cầm.

## **185. DIỆP CÔNG KHOÁI RỒNG** **(Diệp công hiếu long)**

Diệp Công có cái khoái kỳ lạ - khoái rồng. Những trần thiết và đồ dùng trong nhà ông như cửa sổ, cửa cái, cột, kèo, bàn ghế, tủ.... đều chạm khắc hình rồng; trên vách phòng ngủ, phòng ăn cũng đều rồng là rồng, thậm chí áo quần mũn mền cũng thêu rồng. Ai mà đi vô nhà Diệp Công có thể nói là đi vô thế giới rồng.

Diệp Công nổi tiếng khoái rồng nên rồng thật trên trời biết được, bèn muốn thân tự đến nhà Diệp Công xem hư thực thế nào. Rồng thật giáng

hạ đến nhà Diệp Công, thò đầu vào cửa sổ, đuôi quần ở khách đường. Dè đầu Diệp Công thoát thấy rỗng thật, nhất thời sợ đến hồn phi phách tán, co giò phóng chạy thực mạng ra ngoài. Thì ra cái mà Diệp Công khoái kia, tuyệt không phải là rỗng thật mà là rỗng giả giống rỗng. Do vậy, người nổi tiếng khoái rỗng lại là người rất sợ rỗng.



Bài ngụ ngôn trên xuất xứ từ “Tàn Tự Tập Sự”, đây là một ví dụ của thầy Tư Trương (đồ đệ



của Khổng Tử, họ Chuyên Tôn, tên Sư, người nước Trần thời Xuân Thu) dẫn ra khi câu ra mắt Lỗ Ai Công. Vì Tử Trương nghe nói Lỗ Ai Công rất thích giao kết với những người đọc sách, bèn từ ngàn dặm xa xôi không ngại lặn lội tìm đến nước Lỗ. Nghĩ rằng sẽ được Ai Công tiếp đón nồng hậu, nào ngờ khi tới nước Lỗ, suốt những bảy ngày ròng mà vẫn chưa được Ai Công tiếp kiến Ông nhờ người vào tấu với Ai Công lại dùng câu truyện “Diệp Công khoái rông” này để nói Lỗ Ai Công chẳng phải người thật tình thích giao kết với những người đọc sách, mà chỉ là một ngụy quân tử hữu danh vô thực.

Về sau người ta dùng truyện “Diệp Công khoái rông” để chỉ những kẻ thích mặt nổi bề ngoài mà không thực. Ví như có một thanh niên ở trước mặt bạn bè thương huyênh hoang bảo rằng mình là tay thợ săn nổi tiếng giết cọp. Đến khi có dịp mời anh tháp tùng vô rừng đi săn thì mới biết chân tướng của anh ta. Chỉ mới thoát nghe tiếng kêu của dã thú là anh ta đã hết hồn, mình mẩy run lên bần bật, bò la bò lét không đi nổi nữa. Chúng ta có thể nói chàng thanh niên này và “Diệp Công khoái rông” chỉ là một. Vì sự khoái rông của Diệp Công là rông giả, “như rông mà không phải rông”, cho nên một ý nghĩa khác của câu thành ngữ này lại nói một thứ thái độ và đạo

482

lý của người, của vật hay một lời nói như thật mà giả, như thị mà phi. Nếu phân tích kỹ sẽ thấy : cái ý bề ngoài hình như đúng mà thực tế lại là sai.

## **186. NƯỚC ĐỊCH TRONG THUYỀN**

### **(Chu trung địch quốc)**

Thời Chiến Quốc có một nhà quân sự tên Ngô Khởi, ông là người nước Vệ, từng học với thầy Tăng Tử. Ban đầu ông làm quan ở nước Lỗ, sau nghe nói Ngụy Văn Hầu rất hiền minh, bèn sang đầu phục Ngụy Văn Hầu. Tuy Khởi làm tướng nhưng chẳng có chút gì kèn kịu phân biệt. Ông cùng ăn cùng mặc với binh sĩ, tối đến cũng cùng ngủ trên bãi cỏ với họ. Khi hành quân ông chẳng hề cỡi ngựa, đồng cam cộng khổ với binh sĩ.

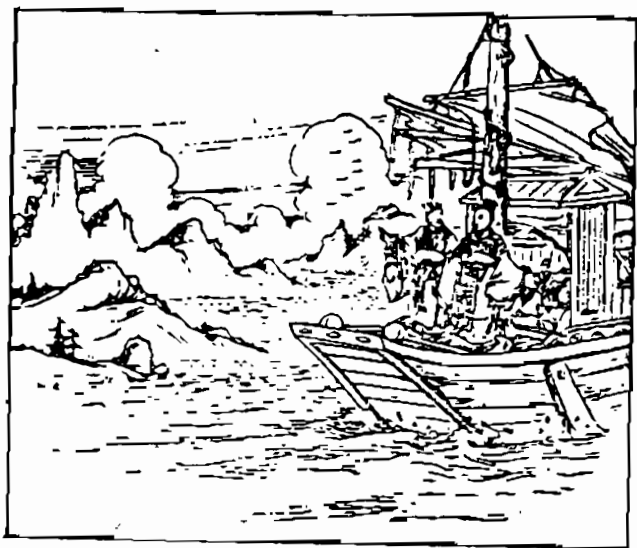
Qua một thời gian sau, Ngụy Văn Hầu mất đi, Ngô Khởi vẫn tiếp tục làm tướng dưới trướng Ngụy Vô Hầu. Có một hôm, Vô Hầu và Ngô Khởi cùng ngồi thuyền cặp theo sông Hoàng Hà. Giữa đường, Vô Hầu ngắm cảnh sắc bốn bên rồi nói : “Nhìn giang sơn ta rất đẹp, có vách đá hiểm trở làm bình phong, nước Ngụy kiên cố còn gì bằng !”

Ngô Khởi nói : "Thần thấy quốc gia có kiên cố hay không là do bởi đức hạnh của quốc quân, chứ không phải là núi sông hiểm yếu. Trước kia Miêu thị mé tả có Đổng Đình, mé hữu có Phiên Dương, nhưng không tu nghĩa đức nên bị Vũ diệt đi. Quốc thổ Hạ Kiệt, mé tả có sông Hoàng Hà sông Tề, mé hữu có Thái Sơn, Hoa Sơn, Y Khuyết ở nam, Dương Trường Bàn Đạo ở bắc, nhưng việc tu chính của họ bất nhân nên bị Thương Thang đuổi đi. Thời Ân Trụ, mé tả có Mạnh Môn, mé hữu có Thái Hàng, bắc có Hàng Sơn, nam có Hoàng Hà, nhưng Ân Trụ bất đức, bị Chu Võ Vương khởi dậy giết ông. Do vậy mà thấy ra đức hạnh còn quan trọng hơn núi sông hiểm trở. Làm vua mà không tu đức sửa hạnh, chắc gì người đi chung thuyền không phải là nước địch ?"

Võ Hầu nói : "Lời nói này rất đúng", lại phong cho Ngô Khởi làm Thái Thú Tây Hà, từ đó danh tiếng của Ngô Khởi nổi lên như cồn.

Truyện này xuất xứ từ "Tôn Tử, Ngô Khởi Liệt Truyện" trong "Sử Ký". Người sau dẫn dụng câu nói "nước địch trong thuyền" của Ngô Khởi làm thành ngữ, ý nói cho dù là người thân cận cũng có thể là kẻ phản nghịch. Khi ứng dụng câu thành ngữ này, không phải chỉ có một phương diện này,

mà những kẻ thuộc hạ hai lòng cũng có thể nói hấn là “nước địch trong thuyền”.



### 187. CỬA ĐÔNG CHUYỆN BỂ (Đông song sự phát)

Trong sách “Tây Hồ Du Lâm Chí Dư” có đoạn truyện thế này :

Triều Tống có một đại gian thần tên Tần Cối, hần tư thông với nước Kim, phụng mệnh vua Kim tìm cách giết chết Nhạc Phi. Tần Cối cùng với vợ là Vương Thị bàn bạc bên cửa sổ mé đông, tìm gian kế hãm hại Nhạc Phi.

Sau khi Tần Cối chết, con của hắn là Tần Hi cũng chết tiếp theo. Vương Thị thiết lập đàn tràng để siêu độ oan hồn cho chồng con, lại mời một số phương thuật sĩ xem coi tình cảnh cha con Tần Cối ở dưới địa phủ thế nào.



Một phương thuật sĩ tên Phục Chương thấy Tân Hi bị mang gông xiềng ở trong lao ngục, bèn hỏi hấn : “Thái Sư (tức Tân Cối, lúc hấn còn sống làm Thái Sư) đang ở đâu ?” Tân Hi nói : “Ở Phong Đô”. Phục Chương chiếu theo lời của Tân Hi tìm đến Phong Đô. Quả nhiên thấy Tân Cối và Vạn Hầu Cao (đồng đảng của Tân Cối) đều bị mang gông, đang làm việc hết sức khổ cực. Tân Cối nhắn với Phục Chương : “Phiên ông về nói với vợ tôi một tiếng, những việc mà tôi và nàng bàn tính ở bên cửa sổ mé đồng, bây giờ đã bị bể hết rồi”.

Đương nhiên truyện trên hoàn toàn là do người sau này đã vì Nhạc Phi mà phịa ra để rút hận lên đầu Tân Cối. Nhưng từ triều Tống đến nay, truyện này vẫn được tiếp nối truyền tụng, như Không Văn Khanh, Kim Nhân Kiệt đời Nguyên trong vở kịch và tiểu thuyết đều có lấy “cửa đồng chuyện bể” làm thành ngữ để ví những hành vi tội ác bị người phanh phui, hoặc những sự tình bí mật bị tiết lộ. Kề trước cho đó là sự việc xấu, người sau có thể cho đó là sự việc xấu, nhưng cũng có thể là sự việc tốt, khi ứng dụng chỉ cần tính chất và tình huống như thế nào đó, bất tất phải nghĩ bản thân sự tình tốt xấu, đều có thể dùng được cả. Ví như bọn phi đồ này nhân vì nội bộ xào xáo mà “cửa đồng chuyện bể” và đã bị tóm gọn vô tù hết. Lại như Thôi Oanh Oanh và Trương Sinh (vai chính

trong Tây Sương Ký) ngấm qua lại với nhau, nay thì “cửa đông chuyện bể”, không biết sự tình rồi sẽ ra sao ?

## **188. ĂN MÉ ĐÔNG, Ở MÉ TÂY**

**(Đông thực tây túc)**

Thời Chiến Quốc, nước Tề có một cô gái rất đẹp, cha mẹ tung tiu cô như viên ngọc quý trên tay. Có hai nhà hàng xóm ở cạnh nhà nàng. Nhà mé đông là một tay buôn, gia tài kếch xù nhưng tướng mạo thì quá xấu. Nhà mé tây là một thư sinh, chàng ta có tài văn chương chữ nghĩa, tướng mạo cũng rất anh tuấn, có điều cửa nhà chỉ có bốn bức vách, hết sức đơn sơ, nghèo nàn.

Ngày nọ, hai nhà đông tây nhờ người tới mai mối cầu thân, nhất thời cha mẹ nàng chưa có thể quyết định, do đó bèn hỏi ý kiến nàng : “Hiện tại hai nhà đông tây đều đến cầu hôn, nhất thời ba má không thể dứt khoát chọn ai, riêng ý con thì con thích nhà nào, cứ nói thẳng ra cho ba má biết.” Cô gái nghe hỏi cứ bẽn lèn mà không đáp lời nào. Cha mẹ nàng ngỡ nàng mắc cỡ nên khó lòng mở miệng, do đó lại nói :

“Thế này nhé, chắc là con không dám nói rồi. Vậy, nếu con ưng nhà mẹ đồng thì giơ tay trái, bằng như ưng nhà mẹ tây thì giơ tay phải.”



Nào dè cô gái giơ một lúc cả hai tay. Cha mẹ nàng rất đỗi ngạc nhiên, hỏi : “Như vậy là ý như thế nào ?” Nàng trả lời : “Người nhà mẹ đồng giàu mà xấu, người nhà mẹ tây nghèo mà đẹp, con ưng ăn ở nhà mẹ đồng mà thích ở nhà mẹ tây ạ!” Truyện xuất xứ từ “Sự Văn Loại Tự” trong cổ thư,



người đời sau dựa vào đấy dẫn ra câu thành ngữ “ăn mé đông ở mé tây” để chỉ hạng người tham lam vô tận, cứ thấy lợi là làm. Người đọc hẳn cho rằng truyện này chẳng qua nói để đùa vui thôi, thật ra người thế này trong xã hội ta chẳng nhiều lắm đó sao ? Ví như có tay buồn thất đức, không từ một thù đoạn nào, cứ thấy lợi là làm, túi tham vô đáy, ta có thể gọi hắn là kẻ “ăn mé đông ở mé tây.” Lại như người không khí tiết, miễn sao cái lợi có thể làm thỏa mãn dục vọng của hắn thì bất luận việc chi hắn cũng không từ, người thế này cũng gọi là “ăn mé đông ở mé tây.” Tục ngữ nói “có sữa thì là bà” chính là loại người này.

## **189. THUA MẤT ĐẤT**

### **(Nhất bại đồ địa)**

Triều Tân, Huyện Lệnh huyện Bái kêu Tứ Thủy Đình Trương Lưu Bang đưa một số lão bá tánh tới Lư Sơn làm sưu, chẳng dè mới đi được nửa đường thì đã có một số người bỏ trốn. Lưu Bang suy đi tính lại đoạn thà nhúng người còn chưa trốn đi về hết. Riêng ông và một số người không muốn

trốn thì lánh trong đầm núi giữa giao giới hai huyện Mang, Dương.

Năm thứ nhất Tân Nhị Thế, Trần Thiệp khởi binh phân Tấn ở hương Đại Trạch, tự xưng Sở Vương. Huyện Lệnh huyện Bái muốn qui phục, bộ thuộc Tiêu Hà và Tào Tham kiến nghị, nói : "Ông là Huyện Lệnh Tấn triều, bây giờ bội phản Tấn, e có một số người chẳng phục, tốt nhất nên triệu hồi Lưu Bang trở về, kềm chế những kẻ không phục, thế thì tốt hơn." Huyện Lệnh huyện Bái liền sai Phan Khoái đi mời Lưu Bang về. Nhưng khi Lưu Bang trở về, Huyện Lệnh thấy ông có dật theo gần trăm người, sợ ông không phục tùng theo sự chỉ huy của mình nên có ý hối, do đó hạ lệnh đóng cửa thành, không cho Lưu Bang vào. Ở bên ngoài, Lưu Bang viết một phong thư, buộc vào mũi tên bắn vào trong thành, kêu gọi dân chúng huyện Bái hãy một lòng giết chết Huyện Lệnh, cùng nhau kháng Tấn để bảo vệ lấy gia đình. Quả nhiên dân chúng đã nổi dậy giết chết Huyện Lệnh, mở cửa thành đón tiếp Lưu Bang vào huyện Bái, lại mời ông làm Huyện Lệnh. Lưu Bang khiêm nhường nói : "Hình thế thiên hạ rất khẩn trương, nếu tuyển chọn người làm Huyện Lệnh không khéo, e sẽ *thua mất đất*, xin các người hãy chọn người khác cho !" Song rốt cuộc, Lưu Bang đã làm Huyện Lệnh, xưng là Bái Công.



“Thua mất đất” vốn có ý nói nếu một mai bị thua thì tâm can đổ ụp đất hết. Nhưng người đời sau luôn dùng nó nói đến sự thất bại không cách gì cứu gỡ được. Ví như có một thương nhân vì tham cái lợi trước mắt nên mù quáng tích trữ hàng hóa để rồi thất bại thua lỗ, hàng hóa bị hư bán ra không được, đến nỗi bị “thua mất đất!” Lại như có đội bóng nọ, vì sự phối hợp giữa các cầu thủ không ăn ý nên bị đối phương tấn công tới tấp, thậm chí “thua mất đất” hết sáu quả mà không gỡ được một quả danh dự nào.

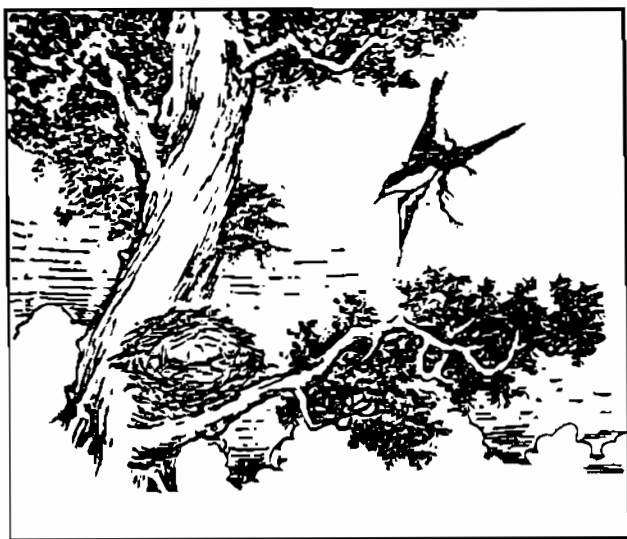
## 190. LO LIỆU TRƯỚC KHI MƯA

### (Vị vũ trừ mầu)

Câu thành ngữ này vốn xuất xứ từ bài “Si Tiêu” của “Bình Phong” (tên nước xưa) trong “Kinh Thi.”

“Si Tiêu” là giống chim nhò, mình thon mỏ nhọn lại hiền lành. Tác giả bài này nhận thấy con chim mẹ bị mất con, miệng luôn kêu tiếng buồn thương, song nó vẫn ra sức tha cỏ xây tổ, tỏ ra cái sự tận tụy khổ nhọc của nó. Theo thiên “Kim Đằng” của “Thượng Thư” nói : “Khi Võ Vương mất, Quán Thúc (em của Võ Vương) và bọn em cho rêu rao khắp nước biết : Công (Chu Công, em của Võ Vương, nhận di mệnh sẽ phò Thành Vương lên nhiếp chính) sắp làm bất lợi cho nhụ tử” (chỉ Thành Vương, con của Võ Vương ; thữ còn bé kêu là nhụ tử), Chu Công nói với nhị Công (Thái Công, Triệu Công) rằng : “Nếu tôi không tìm đến hai người, tôi không lấy gì nói với tiên vương tôi được!” Chu Công đi chinh đông hết hai năm, đã cầm bắt được nhiều tội nhân. Về sau, Công làm thơ tặng

Vương, tựa bài là "Sì Tiêu". Những Hán nho cho đến những học giả sau này đều cho rằng chính Chu Công làm bài thơ này ; hầu hết đều cho chim "Sì Tiêu" trong bài thơ này là chỉ Vô Canh (con của Trụ Vương, với bọn Quân Thúc cùng phản Chu), và chim mẹ lấy tiếng kêu buồn thảm là để chỉ Chu Công tự than. Nhưng mức độ có thể dựa của cách nói này thì chưa có tài liệu lịch sử nào chứng minh nên khó mà xác định.



Trong bài thơ có mấy câu như vậy.

*Đãi thiên chi vị âm vũ*

*Triệt bĩ tang thố*

*Trù mâu dư hộ*

*Kim nữ hạ dân*

*Hoặc cảm vũ dư !*

Ý nói : Thừa lúc trời còn chưa mưa, dùng võ rễ dâu đan, kết tổ chằng chịt, sao cho tổ được chắc chắn. Chỉ có tổ chắc chắn mới có thể tránh được sự phá hoại của người.

Về sau, người ta đem mấy câu thơ này dẫn ra câu thành ngữ “lo liệu trước khi mưa”, ý nói dù làm bất cứ sự việc gì, cũng đều nên chuẩn bị trước để tránh lúc gặp chuyện mà sinh bối rối, lạng quạng tay chân. Ví như những học sinh bình thời lo cần mẫn học tập, việc học rất tốt đẹp. Khi mùa thi đến, nhất định họ vẫn bình thân và tự tin. Những học sinh đó là người “lo liệu trước khi mưa”, ngược lại, nếu chờ kỳ thi đến mới vội vàng hối hả học, thì nhất định không đạt được kết quả tốt. Những học sinh như thế ấy là người “chờ khát mới đào giếng” (lâm khát quật tỉnh), tức không có một tư hào chuẩn bị, lúc gặp việc rồi mới quỳnh quáng. Hai câu thành ngữ này thường dùng chung để hổ tương nhau.

## 191. TRÔNG NHÀ TÁ TÚC (Vọng môn đầu chỉ)



Năm thứ tám Hoàng Đế Duyên Hi triều Hán, hoạn quan đương quyền quận Sơn Dương bây giờ là Hầu Lâm, người nhà hấn ý thế hoành hành, hà hiếp người quanh vùng, chẳng ác nào mà không làm. Quan

Độc Sát Trương Kiệm quận Sơn Dương thượng tấu tội trạng của hần và mẹ hần về triều, yêu cầu nên có biện pháp trừng trị. Hầu Lâm là người sớm chiều kẻ cận bên Hoàng Đế nên rất có thể lực, tấu chương của Trương Kiệm đương nhiên không thể nào lọt tới tay Hoàng Đế được, từ đây Hầu Lâm hận Trương Kiệm thấu xương.

Trương Kiệm có người đồng hương tên là Châu Tịnh. Tên này cũng là một tên tiểu nhân gian tà dua nịnh, đã có nhiều xích mích với Trương Kiệm. Hần nghe nói ông đắc tội với hoạn quan liền cho rằng đây là dịp tốt để báo hận cừu, bèn cáo mật về triều, nói Trương Kiệm kết bè tụ đảng mưu phản. Hầu Lâm thấy được tờ cáo mật này, thật là đang cầu mà chưa được, lập tức hạ lệnh nghiêm mật truy nã. Trong lúc cấp bách, Trương Kiệm chỉ còn cách tìm đường đào tẩu, cứ xem nhà nào có thể tạm lánh đỡ được, liền chui vào nhà đó mà tạm lánh. Mọi người biết ông là người chính trực, gặp phải họa không may, nên đều chẳng sợ liên lụy, vẫn mạo hiểm chứa chấp ông. Sau này, ông trôi nổi đến Đông Lai, trốn trong nhà Lý Độc. Một hôm, chính Huyện Lệnh mang võ khí đến sưu tra, Lý Độc kéo Huyện Lệnh tới một gian mật thất, hỏi ông : “Trương Kiệm hiện là một danh sĩ, vì sự ganh ghét mà bị mắc tội oan, nếu phát hiện ra tông tích của ông ta, ông có nỡ nào bắt không ?” Huyện quan nói : “Việc tốt nên làm thì phải làm, chẳng lẽ chỉ có mình ông là quân tử mà để cho người khác làm tiểu nhân ư ?” Lý Độc nói :



“Đương nhiên tôi thích chính nghĩa, nay mình công mà chịu như vậy thì chính nghĩa kia đã được chia hết một nửa vậy.”

Trương Kiệm nhờ được sự che chở của mọi người thế này nên đã thoát hiểm.

Truyện này vốn xuất xứ từ “Hậu Hán Thư”, miêu tả lúc Trương Kiệm trốn tránh, thấy nhà ai có thể tạm lánh được liền chui vào lánh, cái tình thế tạm lánh ở nhà người được viết là “trông nhà tá túc”. Người sau này lấy câu “trông nhà tá túc” làm thành ngữ để chỉ cái ý gặp được nhà người quen bèn xin vào nghỉ ngơi. Ví như chúng ta lỡ bước tới nơi nào đó, may mà gặp được nhà người quen, bèn xin vào ngủ nhờ qua đêm, như vậy có thể gọi là “trông nhà tá túc”.

## 192. CHIA KHÓ GIẢI RỐI

(Bài nan giải phân)



Thời Chiến Quốc, quân đội nước Tần vây đô thành Hàm Đan của nước Triệu. Lý Thành Vương nước Triệu cầu nước Ngụy cứu viện. Ngụy phái tướng quân Tân Viên Diễn sang khuyên Triệu nên tôn Tần

Vương làm Hoàng Đế, nói như thế này thì mới có thể khiến binh Tần rút lui. Ý kiến quân thần bất nhất. Tướng Quốc Bình Nguyên Quân cũng không biết phải tính làm sao.

Bấy giờ có một người tên Lỗ Trọng Liên, xin Bình Nguyên Quân giới thiệu cho ông được gặp Tân Viên Diễn. Lỗ Trọng Liên được gặp Tân Viên Diễn liền nói : “Nước Tần vốn rất hùng mạnh, nếu như xưng đế nữa thì nhất định càng tăng thêm bạo ngược. Tôi thà nhảy xuống biển chết chứ không chịu khuất phục làm con dân của hắn. Nước Ngụy cam tâm chịu khuất phục dưới quyền của hắn ư ?” Lại nói : “Nếu như vua Tần xưng đế, nước Ngụy sẽ là thuộc địa của hắn, hắn muốn giết ai thì giết, rồi đây các đại thần của chư hầu sẽ đổi thay, địa vị của ông theo đó có còn giữ được chăng ?” Tân Viên Diễn nghe nói vậy thì thất kinh, vội đứng dậy hành lễ cảm tạ sự chỉ giáo của Lỗ Trọng Liên và tức thời dẹp bỏ ý đồ đầu Tần, trở về tấu lại với vua Ngụy. Vua Tần nghe nói sứ thần nước Ngụy sang Triệu thương nghị việc tôn Tần làm Hoàng Đế không thành công, nghĩ rằng trong thành Hàm Đan hẳn có người tài năng, do đó cũng không dám xem thường và vọng động, và rồi đành kéo binh về phía sông Phần. Không lâu, công tử Vô Kỵ nước Ngụy đem binh cứu Triệu, đánh quân Tần thua tan tác. Việc rồi, Triệu Lý Thành Vương vì muốn thù tạ công lao của Lỗ Trọng Liên nên mời ông ra làm quan, nhưng ông không làm ;

tặng cho ông ngàn lượng vàng, ông cũng xin chối từ. Ông nói :

“Làm người nên vì người khác mà chia mỗi lo, sẻ cái khó, giải những rối rắm phiền nhiễu, và đừng nên nhận chút gì thù tạ”.

Truyện này xuất xứ từ “Lỗ Trọng Liên Liệt Truyện” trong “Sử Ký”. Người đời sau dựa vào câu nói của Lỗ Trọng Liên mà dẫn ra câu thành ngữ “chia khó giải rồi”. Cũng có người mượn cả tên Lỗ Trọng Liên để phân giải chuyện rối rắm giữa người với người.

### **193. NHƯỢNG BA XÁ** **(Thoái tị tam xá)**

Thời Xuân Thu, Tấn Hiến Công sủng ái Ly Cơ, Ly Cơ muốn lập con nàng là Hề Tề lên làm Thái Tử, do đó đã lập mưu ép buộc Thái Tử Thân Sanh phải chết, công tử Trùng Nhĩ biết rõ, sợ mắc phải vạ lây vì cái độc của Ly Cơ, nên lập tức bỏn đào ra nước ngoài. Ông ở nước狄 được mười hai năm, nghe tin có người định tới hành thích, nên trốn sang nước Vệ. Về sau lại phải

trốn sang nước Tê, nước Tào, nước Tống, cuối cùng đến nước Sở.



Lúc Trùng Nhĩ đến nước Sở, Sở Trang Vương dùng lễ chư hầu chiêu đãi ông, hai người đối xử với nhau rất tốt đẹp. Ngày nọ, Sở Trang Vương hỏi Trùng Nhĩ : “Sau này ông trở về nước làm vua, ông sẽ đến ơn tôi gì nào ?” Trùng Nhĩ đáp : “Vàng bạc, lụa là, gấm vóc, ngài quá thừa thãi rồi; lông da lại là đặc sản của nước Sở, thật tôi không biết lấy chi đến đáp cho ngài.”

Sở Trang Vương lại nói: “Tuy vậy chứ cũng có cái có thể báo đáp được, tôi đang chờ nghe ông nói đây !” Trùng Nhĩ trầm ngâm một hồi, đoạn nói : “Giá mà tôi có thể trở về nước Tấn được, sau này vạn nhất nước Tấn và nước Sở đánh nhau, tôi sẽ nhường ngài ba xá (mỗi xá ba mươi dặm). Về sau Trùng Nhĩ trở về nước Tấn làm vua. Chẳng bao lâu, vì phải giúp nước Tống cho nên nước Tấn không tránh khỏi việc đánh nhau với nước Sở. Trong lúc quân hai bên dàn bày thế trận, Trùng Nhĩ thực hiện lời hứa của mình, ra lệnh cho toàn quân lui nhường ba xá rồi mới bày khai trận thế. Tướng Sở vốn kiêu ngạo, ngờ quân Tấn yếu hèn, chưa đánh đã lui, do đó liền giục quân truy cản, rốt lại bị quân Tấn đánh cho tan tác.

Truyện xuất xứ từ “Tả Truyện”, về sau người đời thấy ai chịu nhường nhịn cho kẻ khác, gọi là “nhượng ba xá”. Ví như Ất và Giáp là bạn đồng học, tính tình Giáp hiền hòa, Ất thì thô lỗ cộc cằn. Lúc trò chuyện, Ất không vui lại sanh ra bực dọc, Giáp bèn lặng thinh nhường nhịn Ất, thế này gọi là “nhượng ba xá”. Nhưng cũng có thể dùng câu thành ngữ này để nói cái ý tránh xa kẻ khác như: “Mọi người đang chơi đùa, bỗng gặp phải kẻ dữ tới phá đám cuộc chơi, họ bèn nhượng ba xá.”

## **194. PHÔ THANH DỌA NGƯỜI**

### **(Tiên thanh đoạt nhân)**

Trong “Ta Truyện” có đoạn truyện thế này:

Thời Chiến Quốc, Đại Tư Mã Hoa Phi Toại nước Tống có ba người con trai : Hoa Đa Liêu, Hoa Khâu và Hoa Đăng. Ông luôn khen ngợi tài năng quân sự của người con thứ hai là Hoa Khâu. Việc này đưa đến sự ganh tị của người con trưởng là Hoa Đa Liêu.

Ngày nọ, Hoa Đa Liêu phịa chuyện tâu với Tống Nguyên Công rằng : “Hoa Khâu và Hoa Đăng đang trốn ở nước Ngô, thường ngấm ngấm liên lạc với nhau, e có hành động làm loạn.” Tống Nguyên Công nghe vậy liền lệnh cho Hoa Phi Toại phải trục xuất Hoa Khâu ra khỏi nước Tống. Hoa Khâu vì không muốn có sự xích mích với anh dè phụ thân đau lòng, nên nín lặng ồm lòng ra đi. Không dè ngày lên đường, Hoa Đa Liêu lại can không cho Hoa Khâu đến từ biệt phụ thân, vì vậy đưa đến việc hai người xung đột nhau. Trong lúc đánh nhau, Hoa Đa Liêu bị gia tướng của Hoa Khâu giết chết.



Khi Hoa Phí Toại biết rõ sự thật mọi việc, ông rất bất mãn về việc Tống Nguyên Công ca tin theo lời xao trá và gây rối của Hoa Đa Liễu. Do đó, ông cùng Hoa Khâu dờ lảnh gia tướng làm phản. Nhưng họ đã bị binh mã của Tống Nguyên Công vây chặt. Người con thứ ba là Hoa Đăng mượn binh Ngô về giải vây thì lại phải đương đầu với binh Tề đến cứu nguy cho Tống Nguyên Công. Bấy giờ quan Đại Phu Trù Nhân Bộc nước Tống bàn với tướng Điều Chi Minh nước Tề rằng : “Dụng binh nên phô thanh dọa người, thừa lúc binh



Ngô mới đến, nên tấn công ngay”. Điều Chi Minh đồng ý lời nói ấy, quả nhiên đã đánh bại binh Ngô ở Hồng Khẩu.

Người đời sau lấy câu nói của Trù Nhân Bộc dẫn ra câu thành ngữ “phô thanh dọa người” này, ý nói nên dùng thanh thế lớn mạnh làm cho đối phương khiếp sợ trước. Ví như các người khôi huyênh hoang thế lực mạnh của mình, đó chẳng qua là ý đồ “phô thanh dọa người” thôi ; trận cầu này ai thắng ai bại, còn phải chờ xem thực tế thi đấu trên sân cỏ đã.

## **195. ĐEM LÒNG ĐẶT DẠ (Thôi tâm tri phúc)**

Truyện xuất xứ từ “Hậu Hán Thư”.

Sau khi Vương Mãng đoạt lấy thiên hạ của Hán triều, nên chính trị bắt đầu hư nát, chuyện làm quàng xiên, không đầu ra đầu, khiến cho thiên hạ có nhiều người hưng binh chống lại. Lưu Tú là dòng dõi cuối đời Hán, cũng đem binh chinh phạt. Vương Mãng sai Đại Tướng Cự Vô Bá lãnh binh chống ngăn, lại dẫn theo sư tử, cọp, beo cùng ra trận. Nhưng Lưu Tú dùng mưu

đánh úp ban đêm. Cự Vộ Bá đã bị loạn tên bắn chết, toàn quân Vương Mãng bị giết sạch. Tin tức truyền về kinh thành, cả kinh thành xáo trộn. Vương Mãng trốn chạy trong loạn quân, nhưng cũng bị giết chết.



Bấy giờ Lưu Tú tiếp tục tiến quân, các lộ hào kiệt ùn ùn về theo. Lưu Tú đối đãi với binh thua tướng hàng rất khoan hồng, tự ông đến thăm hỏi, vỗ về, lại xung họ vào quân đội của mình ; các tướng quan trước kia ai cũng được phân bổ chức vị. Tuy nhiên cũng còn

một số quan binh tuy đầu hàng, nhưng trong lòng vẫn còn có điều lo nghĩ, họ sợ sau này Lưu Tú giết đi. Lưu Tú hiểu biết tình cảnh này nên lập tức gọi các tướng quan của mình trở về doanh trại hết, và giao cho họ tự thống suất binh đội của họ trước kia. Đồng thời, chính ông thường đi với một số rất ít người tùy tùng, đến các doanh trại để chỉ huy tuần sát. Binh hàng tướng bại thấy Lưu Tú đối đãi với họ có lòng tín nhiệm, chẳng có chút phòng bị, mà còn xem họ như người của ông, họ đều không khỏi cảm động sâu xa, tự đáy lòng thốt lên : “Đại Vương đã đem tấm lòng con dỏm đặt vào dạ mọi người, bọn tôi há không thể hết sức vì Đại Vương sao?!” Về sau, quả nhiên Lưu Tú thống nhất thiên hạ, sáng lập ra nhà Hậu Hán.

Từ đó, người đời sau căn cứ vào câu nói của quan binh đầu hàng xưng tụng Lưu Tú trong truyện này, dẫn ra câu thành ngữ “đem lòng đặt dạ” để nói cái tâm ý dỏm người hết sức thành khẩn và tín nhiệm. Ví như bạn bè chúng ta “đem lòng đặt dạ” trong vấn đề bàn luận, không ai ngại ngần rào đón lời nói, thành thử những gút mắt đều được giải quyết.

## 196. NĂM CƯƠNG THANH LỘC (Giảo bí trường thanh)

Đời Hậu Hán có một danh sĩ tên Phạm Bàng, tự Mạnh Bác, người Nhữ Nam. Thuở niên thiếu, Phạm Bàng đã có thanh danh, rất được người làng tôn sùng nể phục. Thời Hoàng Đế, vùng Ký Châu phát sinh tham nhũng, dân chúng nhiều nươg, những cuộc bạo động lần lượt dấy lên ; triều đình phái Phạm Bàng đi tuần hành Ký Châu để thanh tra những tham quan phạm pháp. Khi Phạm Bàng lên xe xuất phát, ông nghĩ tới thời cuộc rối ren, dân chúng lao khổ, nên chẳng khỏi cảm khái trong lòng, bèn quyết chí thanh lọc thiên hạ, quét trừ gian ác. Bọn quan sử nghe nói Phạm Bàng là người chính trực nghiêm minh tới thanh tra, chúng lại làm thêm nhiều điều xấu xa nữa rồi không chờ Phạm Bàng tới, cứ lần lượt từ chức bỏ đi.

Sau này Phạm Bàng nhậm chức Thái Úy trong Hoàng Quỳnh phủ, ông tấu về triều những phần tử bất lương trong quan sử, tất cả có trên hai mươi người, đều là hạng tai to mặt lớn. Triều đình cho rằng ông làm như vậy hơi quá đáng, ắt hẳn có ý riêng tư. Ông nói :

“Nếu không phải là hạng tham quan tàn bạo, làm hại nhân dân, thì tôi đâu phí bút mực kể tội trạng của chúng làm gì ? Bất quá đây mới chỉ là những tên ác ôn đầu sỏ. Ngoài ra còn một số nữa, tội trạng chưa được rõ, cần điều tra lại để xử lý. Trung thần vì đất nước trừ gian, giống như nông phu bảo vệ mùa màng, cần phải nhổ sạch cỏ gây hại. Ví bằng tôi tấu sai điều chi xin chịu tội vậy”. Nhưng triều đình chẳng khứng nghe lời ông nói. Phạm Bàng thấy thời cuộc khó bề sửa đổi, chí nguyện mình không thể thực hiện được, nên lột áo mão từ quan lui về ở ẩn (Hậu Hán Thư - Phạm Bàng Truyện).

Sau này, người ta đem câu nói : “Lên xe nắm cương, phải có chí thanh lọc thiên hạ” của Phạm Bàng dẫn ra câu “nắm cương thanh lọc” để chỉ người bắt đầu phụ trách một việc gì, cần có tinh thần làm việc cho nó được thành công tốt đẹp. Ví như công ty nọ, nhân vì ông giám đốc trước không rành việc quản lý, làm nhiều điều sai lầm, khiến cho công ty lỗ lã gặp khó khăn. Ông Tổng giám đốc quyết định thay giám đốc khác. Trước khi ông giám đốc mới nhậm chức, được nhận lời khuyến khích như vậy : “Hy vọng ông về công ty ấy có thể “nắm cương thanh lọc”, đưa công ty đi lên, ngày một sáng sủa tốt đẹp hơn”.



## 197. NGUYỆT LÃO SE TỜ (Nguyệt hạ lão nhân)

Trong cổ thư, “Tục U Quái Lục” có câu truyện thần thoại như thế này :

Đời Đường có anh chàng tên Vi Cố, lần nọ đi chơi ngoài thành Tống và ngụ ở điểm mệ Nam. Tối bữa

ấy, chàng thấy có một cụ già cầm cuốn sách vừa to vừa dày, ngồi soi bóng trăng mà đọc. Vi Cố đến gần hỏi ông: “Này ông ơi, ông đọc cuốn sách gì đó ?” Cụ già trả lời : “Đây là cuốn hôn phổ của nam nữ trong thế gian”. Vi Cố lại hỏi : “Còn bao nhiêu dây tơ đỏ trong túi ông kia, dùng để làm gì?” Cụ lại đáp : “Những dây tơ này dùng để se chân đôi vợ chồng, bây giờ, tuy nam nữ là cừu gia, hoặc còn cách trở núi sông, chỉ cần dùng dây tơ đỏ này se lại, nhất định rồi họ sẽ kết hợp nên đôi vợ chồng”.

Vi Cố và cụ già cùng đi vào một chợ gạo, thấy một bà mù bồng đứa bé gái nhỏ trạc ba tuổi, cụ già bèn chỉ mà nói với Vi Cố : “Đứa bé gái mà bà mù bồng kia, chính là vợ cậu đấy”. Vi Cố nghe nói liền nổi giận, cho rằng cụ già này có ý trêu ghẹo chàng. Chàng bèn mài một chiếc dao sắc nhọn, sai đứa gia nô đi giết đứa bé gái ấy. Tên gia nô cầm dao nhọn đi tới giữa đám đông người, đâm đứa bé một nhát, rồi co giò phóng chạy.

Mười bốn năm sau sự việc xảy ra, Vương Thái, Thứ Sử Tương Châu gả đứa con gái của ông cho Vi Cố. Dung mạo cô gái này rất đẹp, chỉ hiem ở giữa mày có vết sẹo. Vi Cố hỏi : “Vì sao nàng có vết sẹo này ?” Vương Thái nói : “Cách đây mười bốn năm, Trần thị là vú nuôi của em, bồng em ra chợ gạo, bị một tên lưu manh đâm bị thương”. Vi Cố lại hỏi thêm : “Người vú nuôi ấy có phải là một bà mù không ?” Vương Thái nói: “Phải”. Do đó, Vi Cố bèn thuật lại câu chuyện gặp gỡ

cách đây mười bốn năm. Vợ chồng Vương Thái nghe chuyện hết sức lạ lùng. Từ đó, tình vợ chồng của Vi Cố càng thêm nồng đượm. Câu truyện này, người thành Tống ai cũng biết, bây giờ người ta gọi lữ điểm mé Nam kia là điểm hôn nhân.



Sau này, những người giới thiệu cho trai gái cưới nhau gọi là “cụ già dưới trăng” hoặc “nguyệt lão” hay là “nguyệt lão se tơ”.



## 198. THẬT GIẢ KHÓ PHÂN (Phác sọc mê ly)

Thành ngữ này nguyên xuất xứ từ “Mộc Lan Thi” của nước Trung Quốc cổ đại.

Bài thơ thuật lại câu chuyện như vậy :

Khi xưa ở nước Bắc Ngụy có gia đình họ Hoa nọ, người cha tên Hoa Hồ, có người con gái tên Hoa Mộc Lan. Từ nhỏ cô thích học tập đao thương và đã trở nên một tay võ nghệ cao cường.

Bấy giờ, nước Bắc Ngụy thường đánh nhau với quân ngoại tộc, triều đình hạ lệnh trưng binh. Phụ thân Hoa Mộc Lan tuy tuổi đã già, thế mà trên bàn trưng binh lại có tên ông. Người nhà họ Hoa biết được tin này, ai nấy đều lo lắng không yên. Mộc Lan nghĩ, phụ thân tuổi đã già mà người em trai hãy còn nhỏ, vậy mình nên giả dạng nam trang, thay cha đi tòng quân. Thế rồi, nàng mang khôi giáp của cha, lấm liếm oai phong đến ra mắt cha, nói ra cái ý nghĩ của mình. Hoa Hồ thật cảm động, song không đành dè con gái đi. Mộc

Lan yêu cầu được tì vớ cùng cha, nếu như nàng thắng thì hãy để cho nàng đi tòng quân. Hoa Hồ còn chưa thấy mình già, nghe lời đề nghị của Mộc Lan, ông liền chấp nhận ngay. Hai cha con so tài ở vườn hoa phía sau, kiếm qua gươm lại, một tới một lui thật vô cùng quyết liệt. Hoa Hồ vì tuổi đã già, sức đã yếu nên phải thua con và đành đồng ý để Mộc Lan thay mình đi tòng quân.



Mộc Lan võ nghệ cao cường, trí dũng song toàn, đánh đâu thắng đó, lập được nhiều công lớn. Nàng đi chinh chiến gần mười hai năm, trải qua trăm trận mà không ai biết nàng là nữ lang.

Ke địch đã đầu hàng, Mộc Lan khai hoàn về triều.

Trở về gia đình, nàng thay chiến bào, mặc nữ phục. Những người bạn cùng đi chinh chiến vô cùng ngạc nhiên, nói rằng : “Chúng ta cùng đi chinh chiến trên mười năm, thế mà không ai biết rõ cô vốn là nữ lang !” Mộc Lan bắt một cặp thỏ, một đực một cái, thả ra đất cho chúng chạy, sau đó cười mà bảo : “Thỏ đực chân tung tăng, thỏ cái mắt chớp chớp, hai thỏ lẫn lộn chạy bên nhau, làm sao có thể phân biệt con nào là đực con nào là cái?”

Thành ngữ “thật giả khó phân” vốn ý chỉ khó phân biệt được nam hay nữ, nhưng bây giờ thành ngữ này còn dùng để chỉ tình huống mơ hồ, không rõ ràng, khiến người không cách chi đoán được chân tướng của nó.

## 199. NHÀ CHỈ CÒN PHÊN VÁCH (Gia đồ bích lập)

Thời Tây Hán, Tư Mã Tương Như là một danh sĩ đất Tứ Xuyên. Thuở Tương Như chưa đắc chí, của tiền túng bán, thiếu trước hụt sau, có được miếng cơm ăn cũng là cả một vấn đề.

Tương Như có một người bạn tên Vương Cát, làm Huyện Tể ở Lâm Cung. Lân cận, Tương Như tìm đến, định nương nhờ Vương Cát, nhưng hắn ta là một ngụy quân tử, muốn dựa vào tiếng tăm của Tương Như để đề cao danh giá mình. Do đó, ngày ngày hắn mặc áo quan đến quán dịch, làm ra vẻ thân tình, viếng thăm Tương Như. Lâu ngày Tương Như cảm thấy khó chịu, và rồi chàng mượn cớ bị bệnh, không ra tiếp nữa.

Tin đồn đến tai mấy vị tài chủ ở Lâm Cung, bọn họ không ai mà không có lòng ngưỡng mộ Tương Như. Trác Vương Tôn là một đại tài chủ giàu có nhất ở Lâm Cung, trong bữa tiệc thân mật, ông mời Tư Mã Tương Như đến tham dự, lại nhờ Vương Huyện Tể tiếp khách.



Tương Như vốn nghe Trác Vương Tôn có một người con gái tên gọi Văn Quân, tài mao song toàn, gần đây sớm làm quá phụ và đã trở về nhà cha mẹ. Chàng ái mộ ngắm nghé Văn Quân đã lâu, có điều khó mà có dịp tiếp xúc. Giờ được Trác Vương Tôn mời dự tiệc, tuy trong lòng Tương Như mừng khắp khời song ngoài mặt còn làm ra vẻ khó khăn, để cho Trác Vương Tôn mời mọc nhiều lần rồi chàng mới chịu tới nhập tiệc.

Vương Cát biết Tương Như thích đàn, bèn mời chàng gảy một khúc để góp vui bữa tiệc. Tương Như thấy cơ hội ngàn năm đã đến, do đó bèn dạo khúc “Phượng Cầu Hoàng”. Chàng gảy khúc này không ngoài việc cầu được yêu đương với Trác Văn Quân. Văn Quân lại là người thông hiểu tiếng đàn, sao chẳng hiểu lòng Tương Như cho được ?! Đêm đó, Văn Quân lén lút gặp Tương Như và hai người đã tùy tiện ra đi. Họ trở về Thành Đô, chỗ ở cũ của Tương Như.

Không dè nhà của Tương Như nghèo xơ xác, ngoại trừ bốn vách xiêu vẹo còn thì trống trơn, chẳng còn một thứ gì khác nữa. Dĩ nhiên hai người không cách chi duy trì cuộc sống, và đành trở về Lâm Cung bán rượu để tìm sống qua ngày. Trác Vương Tôn sợ mất thể diện, chỉ còn cách giúp Tương Như của cải đến kinh thành tìm chức danh. Về sau, Tương Như đã trở thành văn sĩ nổi tiếng khắp thiên hạ.

Truyện này xuất xứ từ “Hán Thư”. Người đời sau lấy gia cảnh cùng khổ của Tư Mã Tương Như mà nói “nhà chỉ còn phen vách” và câu này đã trở nên thành ngữ để ví trong nhà trống trơn, chỉ thấy ngoài mấy bức vách còn thì không thấy gì hơn nữa.

## **200. NUÔI CỌP ĐỂ MỐI LO**

### **(Dưỡng hổ di hoạn)**

Cuối đời Tần, Lưu Bang và Hạng Võ đều khởi binh công phá nước Tần. Lưu Bang đánh tiến vào Hàm Dương, quốc đô của nước Tần trước. Hạng Võ không nhượng, chuẩn bị công phá Lưu Bang. Bấy giờ, nhân vì binh lực của Lưu Bang còn yếu mà thế lực của Hạng Võ thì rất mạnh, nên Lưu Bang không dám ứng chiến, chỉ còn cách lui về Hán Trung (Bây giờ là Nam bộ tỉnh Thiểm Tây) cố thủ.

Về sau, thế lực của Lưu Bang lớn mạnh dần, trái lại Hạng Võ càng ngày càng bị cô lập. Lúc này, Hạng Võ biết không thể nào đánh bại Lưu Bang được nữa, nên đề nghị chia cắt đất nước : vùng đất về phía Tây sông Hồng thuộc Hạng Võ, còn bên kia thì thuộc Lưu Bang. Từ nay, không ai được xâm lấn ai.

Công việc được thỏa thuận xong xuôi, Lưu Bang cảm thấy như thế là quá đầy đủ, toan rút binh về nơi ước định. Bọn Trương Lương, Trần Bình khuyên rằng : “Nay ngài đã lấy được hai phần ba đất đai của

thiên hạ, và lại chư hầu không ai không tâm phục ngải. Quân của Hạng Võ đã quá mỏi mệt, lương thực lại không còn, đúng vào lúc suy yếu, nếu không thừa dịp này tiêu diệt Hạng Võ thì khác chi nuôi cợn cho lớn, chính mình lại bị hại".



Lưu Bang cho lời khuyên của Trương Lương và Trần Bình rất phải, do đó bèn hủy bỏ lời hứa, hạ lệnh cho quân đuổi theo đánh Hạng Võ tại phần đất thuộc



phía Tây. Hạng Vô không đề phòng, một phen bị Lưu Bang đánh bại, buộc phải tự sát bên bờ Ô Giang.

Truyện này xuất xứ từ “Hạng Vô Bản Kỳ” trong “Sư Ký”. “Nuôi cạp đề mỗi lo” có ý nói nuôi cạp cho tới lớn đề rồi nó lại hại mình ; đó cũng chính là nhân nhượng kẻ địch để rồi rước họa vào thân, cách làm thế này chẳng phải không nguy hiểm lắm ư ? Sau này người ta hẳn muốn nói rõ cái nguy hiểm của cách làm như vậy và cảnh tỉnh sự chú ý của người, thường dẫn dụng thành ngữ “nuôi cạp đề mỗi lo”.

## **201. RỂ TỐT CỐI RỒNG**

### **(Thừa long giai tể)**

Thời Xuân Thu, Tân Mộc Công có một cô con gái út tên Lộng Ngọc. Lộng Ngọc đẹp tuyệt vời lại thổi tiêu rất hay. Tân Mộc Công vì cưng nàng rất mực nên quyết chọn cho nàng một tấm chồng xứng đáng.

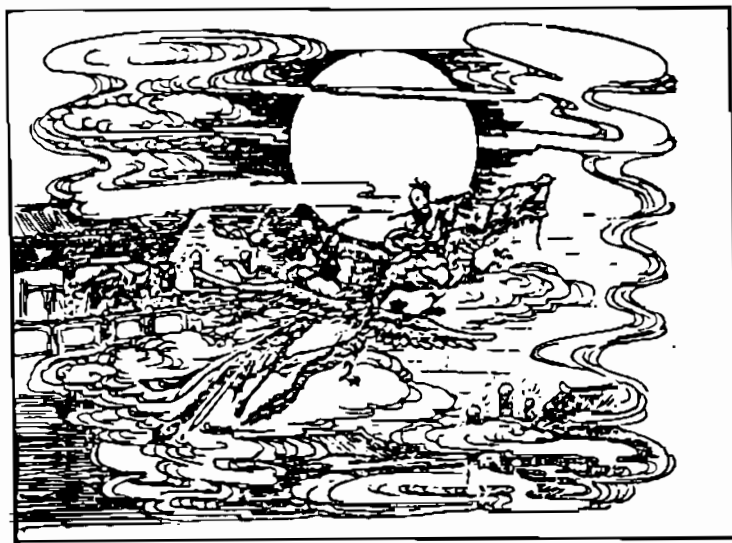
Vào một đêm nọ, Lộng Ngọc nằm mơ thấy một chàng trai tuấn tú xuất hiện ở phía Tây Nam Thiên Sơn, cỡi phụng ngũ sắc đến phượng đài trước lầu của nàng ở. Chàng bảo với nàng :

— Tôi là chủ nhân núi Thái Hoa, Ngọc Đế sai tôi đến đây kết duyên vợ chồng với nàng. Vào ngày Trung Thu ta gặp lại.

Nói xong, chàng rút chiếc sáo ngọc đồ giắt bên mình ra thổi, âm điệu du dương dịu dặt hết sức hay khiến Lộng Ngọc nghe đến mê mẩn tâm thần. Hôm sau, nàng kể lại giấc mơ với phụ thân. Mộc Công liền cho người đến núi Thái Hoa tìm người thổi sáo ấy. Sau cùng, ở tại núi Thái Hoa này, người của Mộc Công đã

tìm ra được một chàng trai tên Tiêu Sứ, bèn dẫn chàng về ra mắt Mục Công. Mục Công bảo chàng thổi sáo. Lần này, tiếng sáo của chàng thổi ra lại còn hay hơn tiếng sáo mà Lộng Ngọc được nghe trong giấc mộng. Mục Công hết sức vừa lòng. Lộng Ngọc núp ở phía sau bình phong nghe lén, cũng không khỏi thốt lên :

— Chàng chính là người chồng lý tưởng của ta!



Hôm ấy là ngày rằm tháng tám, đúng tiết Trung Thu, họ đã làm lễ kết hôn. Sau ngày kết hôn không lâu, Tiêu Sư dạy Lộng Ngọc thoi sáo. Chưa nửa năm sau, vào một đêm nọ, trong lúc hai vợ chồng đang thoi sáo dưới trăng bỗng có một con phụng lông tím bay đến đậu ở mé tả phượng đài, lại có một con rồng đỏ cũng tới dừng lại bên mé hữu phượng đài. Bây giờ Tiêu Sư mới nói, chàng vốn là thần tiên trên trời, nhân vì có nhân duyên tiền định với nàng, cho nên mới đến kết hôn, giờ thì không nên ở lâu dưới nhân gian nữa, do đó Tiêu Sư cỡi rồng, Lộng Ngọc cỡi phụng, song song bay lên không mà đi.

Đây là một câu truyện thần thoại. Nhân vì trong truyện này Tiêu Sư cỡi rồng bay trở về trời, mà chàng lại là chàng rể tốt được Tấn Mục Công thương yêu, cho nên người đời sau, phàm khen con rể của ai thường dùng câu thành ngữ “rể tốt cỡi rồng” hoặc “chàng rể cỡi rồng”.

## 202. CHÂU VỀ HỢP PHỐ (Hợp Phố châu hoàn)

Truyện xuất xứ từ “Mạnh Thường Truyện” trong “Hậu Hán Thư”.

Thời Đông Hán, trên bờ biển mé Tây Nam tỉnh Quảng Đông có một vùng đất gọi là quận Hợp Phố. Quận này phía sau là núi, phía trước là biển, sản vật rất dồi dào, đồng thời cũng sản xuất nhiều trân châu. Thế nên thương nhân các nơi đều đổ về Hợp Phố để mua châu, và đồng thời cũng chờ đến một số lớn lương thực, hàng hóa để trao đổi. Chợ Hợp Phố vì thế mà rất phồn vinh, người người an cư lạc nghiệp.

Về sau, triều đình bổ đến một quan Thái Thú, tên này là một tham quan, hắn thấy đất Hợp Phố giàu có sung túc, trân châu nơi này sản xuất vừa nhiều vừa nổi tiếng, bèn đặt ra bao nhiêu điều lệ hà khắc, lại còn xem thường ngư dân bắt châu. Hắn qui định ngư dân phải nộp thuế rất nặng và còn qui định khi bắt được trân châu, phải đưa đến quan phủ kiểm tra trước, rồi mới có thể đem bán sau. Do đó những trân châu do ngư

dân cay đắng khổ cực bắt được đều rơi vào túi bọn tham quan. Đám ngư dân căm tức trong lòng, thà chịu đói chứ không chịu ra biển bắt châu. Trần châu giảm đi, bọn tham quan cuống lên, cưỡng bách ngư dân phải ra biển bắt châu. Ngư dân đối gạt chúng : “Trần châu Hợp Phố đã bỏ sang Việt Nam hết cả rồi, có bắt nữa cũng không bắt được đâu !” Từ đó Hợp Phố không còn gì, thương nhân các nơi cũng không tới buôn bán nữa, thành thử nơi này trở nên vắng vẻ đìu hiu.



Triều đình rõ việc, tức thời thay đổi tên tham quan này, phái Mạnh Thường tới làm Thái Thú quận Hợp Phố, Mạnh Thường vốn là vị quan thanh liêm, sau khi đến nhậm chức, liền bỏ hết mọi điều hà khắc, lại khuyến khích ngư dân ra biển bắt châu, ai bắt được nhiều thì ban thưởng. Ngư dân vô cùng vui sướng, nức lòng cùng nhau ra biển. Nhân vì lâu ngày không bắt châu, trên châu bây giờ vừa lớn vừa tròn, số lượng lại nhiều, bọn họ thích thú, phấn khởi mà nói : “Trên châu đã trở về quận Hợp Phố của chúng ta rồi !”

Truyện này chủ yếu là ca tụng công đức của Mạnh Thường đã vì dân đem lại ấm no hạnh phúc. Người đời sau căn cứ vào truyện này dẫn ra câu thành ngữ “châu về Hợp Phố” để chỉ một vật đã mất đi rồi mà lấy lại được. Ví như có một học sinh bị mất cây bút, qua hai ngày sau, nhà trường tra lại vật đánh rơi cho cậu ta, có thể nói đó là “châu về Hợp Phố”.

## **203. NGHĨA LỚN DIỆT THÂN TÌNH**

### **(Đại nghĩa diệt thân)**

Thời Chiến Quốc, bá tánh nước Vệ nhân vì Châu Hu giết Vệ Hoàn Công tự lập lên ngôi, lại lừa bắt họ đi ra trận nên họ rất bất mãn, định phái người tới Lạc Dương tâu cáo lại với vua nhà Chu. Châu Hu lo sợ cuống cuống, bèn bàn tính với Thạch Hậu là kẻ đồng mưu để tìm cách ổn định nhân tâm. Thạch Hậu nói : “Phụ thân tôi ở triều đình đức cao vọng trọng, nếu mời được người ra thì mọi chuyện đều êm đẹp”.

Thạch Thước là phụ thân của Thạch Hậu, ông vốn là trọng thần của Vệ Hoàn Công, nhân vì bất mãn việc làm sai trái của Châu Hu nên cáo lão về làng. Nay thấy Thạch Hậu về hỏi, ông bèn nói : “Chư hầu lên ngôi nên tấu báo về vua nhà Chu, nếu được vua nhà Chu bằng lòng thì không còn chi đề nói”. Thạch Hậu lại hỏi : “ Làm sao mới có thể được vua nhà Chu bằng lòng ?” Thạch Thước nói : “Trần Hoàn Công rất được vua Chu tin yêu, lại tốt với chúng ta, nếu bọn người được Trần Hoàn Công nói giúp vài câu, nhất định Chu Vương ưng thuận thôi”.



Thạch Hậu đem lời nói của cha chuyển lại với Châu Hu, hai người rất lấy làm mừng, lập tức mang lễ vật tới nước Trần.



Thạch Thuộc cũng viết một phong thư, ngầm sai người đem trao cho Trần Hoàn Công, đại ý nói : “Nước Vệ không may khiến loạn thần gieo họa, việc này đều do hai tên Châu Hu và Thạch Hậu chủ mưu. Tôi già nua rồi nên không cách chi sửa trị bọn chúng được, chỉ nghĩ ra cách bao bọn chúng tới quý quốc, xin

ngài vì chính nghĩa bắt bọn chúng trị tội, vì nước Vệ mà trừ hại, thật vô vàn tội ơn”.

Châu Hu và Thạch Hậu vừa tới nước Trần liền bị Trần Hoàn Công bắt ngay. Trần Hoàn Công phái người đến nước Vệ, hỏi xem nên xử trí hai tên này thế nào. Nước Vệ phái Hữu Tề Xu đến nước Tề giết Châu Hu. Việc Thạch Hậu liên can, mọi người vì nể tình Thạch Thuộc nên chủ trương giảm khinh. Thạch Thuộc nói : “Thằng con tôi bất trung bất nghĩa, để nó sống mà làm gì ? !” Ông lập tức sai quan gia Nhụ Dương Kiên đến nước Trần bắt Thạch Hậu giết luôn. Thạch Thuộc lấy đại nghĩa quốc gia dứt tình riêng cha con, rất được người đời ca ngợi.

Người đời sau nhân chuyện Thạch Thuộc vì đại nghĩa quốc gia mà giết Thạch Hậu bèn dẫn ra câu thành ngữ “nghĩa lớn diệt thân tình”.

## **204. BỤNG ĐÁ SẴN TRÚC**

### **(Hung hữu thành trúc)**

Triều Tống có một thư sinh họ Văn tên Đồng tự Dư Kha. Chàng thích dùng thuy mặc để vẽ những loại hoa điều trùng ngư, ưng bay yền lượn, mặt trời lúc bình minh, ánh sáng buổi chiều tà.

Trong cuộc sống hằng ngày, chàng lại rất yêu trúc. Trước nhà chàng trồng rất nhiều trúc, tự chăm sóc vun trồng những thứ mà lòng yêu dạ thích. Từ đầu xuân cho đến cuối đông, từ trời lạnh cho đến trời mưa, từ sáng sớm tinh sương đến chiều tà rắng trai, chàng cứ mãi ngồi bên cửa sổ chăm chú quan sát, phẩm bình về tư thái biến hóa và bất động của lá trúc, cành trúc vào mỗi mùa, mỗi thời tiết. Thời gian mãi kéo dài, đối với các thứ biến hóa và tư thái của trúc, có thể nói, chàng hết sức quen thuộc, thậm chí có thể nhắm mắt mà vẫn có thể vẽ được lá trúc, cành trúc từng chi tiết một. Hơn nữa, mỗi tác phẩm của chàng đều rất sinh động, cam được lòng người.

Ngày nọ, người bạn tri kỷ tên Triều Bô Chi tới chơi, thấy được điều này, bèn để tặng một bài thơ, trong thơ có câu : “Dư Khả vẽ trúc, bụng đã sẵn trúc”. Ý nói trước khi Văn Dư Khả đặt bút vẽ trúc thì trong lòng sớm đã thai nghén hình tượng trúc rồi. Nhà thi họa Tô Đông Pha trong bài “Họa trúc ký” cũng có câu: “Vẽ trúc tất đã có sẵn trúc ở trong lòng”.



Sau này, phàm thấy ai nắm lấy sự tình đã có trước đề có thể dễ dàng xử lý sự tình sau, người ta nói

ke đó là “bụng đã sẵn trức” hoặc “sẵn trức trong bụng”. Ví như người nọ gặp phải sự việc khó khăn, sau khi đã tỉ mỉ phân tích nghiên cứu và suy nghĩ, anh ta cảm thấy đã nắm được nhiều vấn đề có thể ứng phó và giải quyết, bây giờ chúng ta có thể nói anh ta đã “sẵn trức trong bụng” và không còn khó khăn nữa, cứ “giơ đao mà chém” thôi.

Thành ngữ này có ý nhắc chúng ta : xử lý bất cứ chuyện chi thì phải phân tích kỹ lưỡng trước, nắm chắc nội dung sự tình và cần nghiên cứu, suy nghĩ thêm, như thế có thể nói tuy chưa giải quyết công việc được hoàn toàn nhưng kết quả thì cũng chẳng còn quá xa vời đối với chúng ta.

## **205. GIỜ ÁN NGANG MÀY**

### **(Cử án tề mi)**

Thời Đông Hán, ở huyện Bình Lăng có chàng thư sinh tên Lương Hồng, tự Bá Loan. là học sinh Thái Học, học vấn rất quảng bá. Sau khi học thành tài rồi, nhân vì nhà nghèo nên Bá Loan phải làm nghề chăn heo ở vườn Thượng Lâm, nhưng chàng là người rất có chí khí.

Lần nọ, người hàng xóm nấu cơm chín rồi, bảo chàng nên thừa lúc bếp lò còn than đỏ, hãy nấu cơm cho chàng đi. Chàng lại nói : “Tôi không nhờ vả than củi của người khác, hay chiếm lấy ánh sáng của người khác”. Chàng vừa nói vừa dập tắt than dư ở đáy lò, rồi lại nhóm lửa khác nấu cơm.



Không lâu, chí khí của Lương Hồng được truyền khắp, nhiều nhà giàu bằng lòng cho chàng ở rẽ, song chàng khẳng khái từ chối. Cũng trong huyện đó

có một cô gái - con của một phú hộ họ Mạnh - dáng vừa xấu vừa đen, song khí lực lại khiếp người. Tuy diện mạo không đẹp nhưng nàng lại có đức tính đẹp của người con gái xưa mà bất cứ người con gái nào cũng cần thế nên rất nhiều người muốn cầu hôn, có điều nàng chưa chịu lấy ai. Mãi cho đến năm nàng ba mươi tuổi, cha mẹ nàng hỏi nàng về việc trăm năm, nàng nói : “Nếu con lấy chồng thì chồng con phai là người như Lương Bá Loan. Người thế ấy mới hợp với ý con” Lương Hồng nghe được, liền có cam tình của người tri kỷ, bèn cưới nàng đem về. Nhưng sau bảy ngày cưới, Lương Hồng trước sau chưa dòm dở gì tới nàng bởi nàng vẫn còn mặc lụa là theo kiểu con nhà giàu. Khi nàng mặc quần thô áo vải, cần mẫn làm việc, Lương Hồng bèn cười mở nói : “Ấy, thế mới thật là người vợ của Lương Hồng”. Về sau, hai người sống ẩn trong núi sâu ở Bá Lăng (mé đông huyện Trường An tỉnh Thiểm Tây), chồng cày bừa làm ruộng, vợ dệt vải thêu thùa. Những khi nhàn rỗi, họ cùng đọc sách đánh đàn, anh kính em yêu, cuộc sống hạnh phúc trôi qua với ngày tháng. Sau lại, họ rời cố hương, trở về Lạc Dương. Lương Hồng thấy triều đình bấy giờ quá mục nát, bèn làm bài ca “Ngũ I” để trút ra cái phẫn hận của chàng. Chẳng dè Hoàng Đế biết được, thật không hài lòng, bèn cho bắt chàng. Chàng phai ân tước mai danh trốn sang đất Ngô, đi giã gạo ở nhà Niết Bá Thông để sống qua ngày. Mỗi lần xong việc trở về nhà, vợ chàng đã

chuân bị cơm canh, cứ là cung cung kính kính giờ mâm cơm ngang mày mời chàng ăn. Niết Bá Thông thấy thế nói : “Tay thợ giã gạo này có thể làm cho vợ kính trọng như vậy, nhất định không phai là bậc tâm thường”. Từ đó ông mời vợ chồng chàng về nhà ở (xem “Lương Hồng Truyen” trong “Hậu Hán Thư”).

Chức mâm gỗ đầy thức ăn thời xưa gọi là “án”. Người đời sau bèn dựa vào truyện này, đem việc vợ chồng kính trọng lẫn nhau gọi là “giờ án ngang mày”.

## **206. QUÍT HÓA THÀNH HẠNH**

### **(Quất hóa vi chí)**

Thời Xuân Thu, nước Tề có một nhà chính trị rất nổi tiếng, tên gọi Yến Anh, tự Bình Trọng, làm Tế Tướng triều Tề Cảnh Công. Cuộc sống bình thời của Yến Anh rất đạm bạc, ăn không trọng thịt, vợ không cần phai lụa là sang trọng. Riêng ông thì một chiếc áo da hổ, mặc đã ba năm mà vẫn chưa đổi. Cả đời tận trung báo quốc, vì nước mà ra sức sửa chữa lỗi lầm của quân vương, vì thế tiếng tăm vang dội khắp chư hầu. Lần nọ, ông đi sứ sang nước Sở. Vua Sở đã bàn tính kế hoạch trước với quần thần, định làm nhục ông.



Hôm Yến Tử đến nước Sở, Sở Vương bày tiệc mời ông. Rượu qua được ba tuần, thì thấy có hai sai dịch giải một phạm nhân bị trói tới trước mặt Sở Vương. Sở Vương hỏi : "Tên bị trói này là ai vậy ? Phạm tội gì mà đưa về đây ?" Sai dịch thưa : "Hắn là người nước Tề, phạm tội ăn trộm". Lúc này Sở Vương nhìn chòng chọc vào Yến Tử với cặp mắt khinh miệt, hỏi : "Bộ người nước Tề thích trộm cắp đồ đạc của kẻ khác lắm hả ?" Yến Tử không vội vã, ung dung trả lời : "Tôi từng nghe người ta nói : quýt mà sanh trưởng ở mé Nam sông Hoài thì mới gọi là quýt, còn sinh trưởng ở mé Bắc sông Hoài thì gọi là hạnh, hai thứ cây này có lá giống nhau, nhưng mùi vị trái của chúng thì khác nhau, ấy là vì duyên cớ chi ? Phải chăng hoàn toàn là vì quan hệ hoàn cảnh đất nước không như nhau. Hiện tại người này, khi ở ở nước Tề thì không trộm cắp, hà cớ gì sang nước Sở lại bày trò đạo tặc thế này ? Há chẳng phải là vì hoàn cảnh đất nước của nước Sở khiến người sinh trộm cắp đó ư ?" Vua Sở bị Yến Tử biện bác đến không còn lời chi đáp lại được.



Đoạn truyện này xuất xứ từ "Nội Thiên" trong "Yến Tử Xuân Thu". Từ đó, người ta bèn dẫn ra câu thành ngữ "quýt hóa thành hạnh" để chỉ sự thay đổi hoàn cảnh (dời đổi địa phương) mà bị ảnh hưởng cái phong khí bất lương nên trở thành xấu. Ví như có thanh niên nọ, tâm tánh vốn hiền lành trong sạch, sau khi rời ghế nhà trường bước chân vào xã hội, nhân vì bị ảnh hưởng cái phong khí bon chen của xã hội nên dần dần xấu đi và trở nên một kẻ đua đòi, ham ăn, thích mặc mà lại nhác làm. Ta có thể nói, đây là "quýt hóa

thành hạnh". Thanh niên này ý chí không kiên định nên bị sự lôi cuốn của hoàn cảnh, hết biết đạo lý của con người là gì nữa.

## **207. CHÚNG DIỆN DIÊM DỨA** **(Tu sức biên phúc)**



"Mã Viện Truyền" trong "Hậu Hán Thư" có đoạn thế này :

Cuối thời Vương Mãng, Mã Viện và Mã Viên, anh của ông, đều là Quận Thú. Sau khi Vương Mãng thất bại, hai người đều đến Kinh Châu tị nạn. Mã Viên chết trước, Mã Viện về đầu dưới tay Vĩ Tiêu. Vĩ Tiêu rất kính trọng ông, có chuyện chi cũng đến bàn soạn với ông cả. Công Tôn Thuật làm Hoàng Đế ở Thành Đô, Vĩ Tiêu phái Mã Viện qua bên ấy xem tình hình ra sao để mà liệu. Mã Viện khắp khơi cho rằng mình và Công Tôn Thuật là bạn cũ cùng quê, khi gặp mặt hẳn là vui vẻ lắm. Ai dè vừa tới Thành Đô, Công Tôn Thuật cho bày loan giá rình rang rồi bao ông lên điện. Hành lễ xong xuôi, Công Tôn Thuật bảo ông tới quán dịch chờ, lại may cho ông một bộ áo mào đặc biệt, sau đó mở cuộc hội triều đình trọng thể, Công Tôn Thuật tự mình ngồi ngự xa, do thị vệ võ sĩ tiên hô hậu ứng mà tới, canh vệ nghiêm trang, nghi thức long trọng, xem Mã Viện là bạn nối khố (tức bạn bè trong thờ hân vi), mặt mày hết sức niềm nở, nói muốn phong Mã Viện chức tước, làm Đại Tướng Quân. Bọn tùy tùng của Mã Viện đều vui mừng muốn ở lại, Mã Viện thì không lấy đó làm vui, ông nói với bọn họ : "Thiên hạ còn chưa định, ông ta không lấy lễ đãi hiền là gấp, chi biết chung diện diêm dúa, bày vẽ lắm điều, trau tria đến độ y hết tượng gỗ ngừ nghêch, người thế này sao có thể cộng sự với họ được." Mã Viện trở về bẩm báo với Vĩ Tiêu rằng :

“Công Tôn Tử Dương chẳng qua là ếch ngồi đáy giếng, hoàn toàn không hiểu thế cuộc lớn, vậy mà tự tôn tự đại, chỉ bằng ta một lòng qui theo Quang Vô Đế đi !”

Người đời sau mượn truyện Mã Viện gặp Công Tôn Thuật, dùng câu “chung diện diêm dúa” để chỉ người thích chú trọng cái dáng vẻ bên ngoài mà trong bụng không một giọt mực (thành ngữ, chỉ người không có học thức).

## **208. KHÔNG ĐÁNG MỘT ĐỒNG**

### **(Nhất tiền bất trị)**

Quán Phu, tự Trọng Nhụ là người thời Tây Hán. Tánh tình Quán Phu cương trực, rất chuộng tín nghĩa, hễ đã nói là làm. Ông thường khinh khi những quan viên có địa vị cao hơn ông, còn đối với những người mà địa vị thấp hơn ông, càng nghèo thì ông càng kính trọng. Vì thế, bao nhiêu người có tài năng mà không có địa vị bấy giờ đều ưa thích gần gũi ông.

Quán Phu thích uống rượu, và lại thường nhân uống say mà nói chuyện. Ngày nọ, Thừa Tướng Điền Phần kết hôn, ông uống đã hơi nhiều. Chợt ông đi tới

trước mặt Diên Phấn mời rượu. Diên Phấn nói : “Tôi không thể uống chén đầy được”.



Quán Phu thấy Thừa Tướng không chịu uống cơi mồi, bèn nói kháy một câu : “Tuy ông là một người phú quý thiệt, nhưng cũng nên cạn chén đầy với tôi một lần đi”. Diên Phấn vẫn chưa chịu cạn chén. Quán Phu cảm thấy mất hứng, bèn xê qua Nhữ Hầu Quán Hiến mời rượu. Bấy giờ Quán Hiến đang kể tai xầm xì chi đó với Trình Bát Thức (từng làm Thái Thú biên

cảnh, sau nhậm chức Trung Đại Phu) nên không nghe lời mời rượu của Quán Phu và vì vậy mà không tò về chi là hưởng ứng hay không.

Trong lòng Quán Phu vốn đã hơi bực, thấy sự tình này liền nhin hết nổi, buột miệng mắng ngay : “Ta vốn nói lâu rồi, Trình Bất Thức chẳng đáng một đồng xu, bữa nay chú mày và hần học thói đàn bà, kể tai thêu thi ở đây !...”

Từ đấy về sau, người ta đối với kẻ khác có cái ý khinh thị ghét bỏ, mà muốn nói kẻ này không xứng đáng gì hoặc không ra gì, bèn nói : “Một đồng không đáng”, hoặc “không đáng một đồng”, tức là ý nói chẳng có một giá trị chi hết.

Ví như những kẻ đối với người mình thì ngạo mạn vô lễ, còn đối với kẻ ngoài thì cung kính qui lụy, hoặc những kẻ thấy dễ xem bề ngoài nhưng thực tế ra thì “xài” không được, chúng ta đều có thể gọi kẻ đó là “không đáng một đồng”.

## **209. NẾN TÀN TRONG GIÓ**

### **(Phong trung tàn chúc)**

Lưu Nhân, tự Mộng Ký là người Dung Thành (bây giờ là huyện Dung Thành tỉnh Hà Bắc) vào thời đầu nhà Nguyên. Ông rất thông minh mẫn tiệp, mà lại siêng năng học tập, có trước tác bộ “Tĩnh Tu Tập”, “Tứ Thư Tập Nghĩa Tinh Yếu”,...

Cha mất sớm khi ông còn bé thơ nhưng ông luôn hiếu kính với mẹ. Sau khi thành người, ông từng làm Hữu Tán Thận Đại Phu trong triều đình. Thế rồi vì mẹ bệnh mà ông từ quan trở về nhà phụng dưỡng mẫu thân.

Không lâu, triều đình lại kêu ông ra làm quan, ông lại thoái thác không chịu ra nữa. Có người hỏi ông vì sao bỏ lỡ cơ hội làm quan, ông trả lời : “Mẹ tôi đã chín mươi tuổi rồi, ấy khác chi nến tàn trong gió, tôi sao có thể tham phú quý công danh mà bỏ đi được ?”

“Nến tàn trong gió” ví cây nến sắp tàn mà ở trước gió rất dễ tắt. Người ta dùng thành ngữ này để



chỉ những cụ già đã suy yếu khô kiệt, không còn sống tại thế bao lâu nữa. Đồng thời câu này cũng có thể chỉ mọi vật đã đến thời kỳ suy thoái khô kiệt. Như ở thương trường, người ta than thở: “Gần đây thương trường bất ổn, công ty chúng tôi chi ra thì nhiều mà thu vô chẳng được bao nhiêu, thật như *nến tàn trong gió*, không biết có thể duy trì được bao lâu nữa ?”



## 210. NGU CÔNG DỜI NÚI

(Ngu Công di sơn)

Xưa kia có một ông lão, tuổi đã xấp xỉ chín mươi, tên gọi là Ngu Công. Nhà của Ngu Công ở phía Bắc một quả núi, trước cửa bị núi Thái Hàng và núi Vương Ốc che chắn. Thành thử mỗi ngày ra vào đều phải đi vòng một con đường rất xa, đi lại thật hết sức bất tiện. Do đó, Ngu Công quyết chí ban dời hai quả núi lớn này đi để cho việc tới lui trước cửa được thuận tiện.

Từ đó, ngày ngày ông dậy sớm, dẫn đàn con cháu đi đào đất bưng đá, công việc dời núi tiếp nối ngày này qua ngày khác không ngừng nghỉ.

Gần bên có một ông cụ tên Trí Tẩu, thấy ca nhà Ngu Công làm việc mệt nhọc như thế, bèn tự cho mình là người thông minh, cười nhạo Ngu Công rằng : “Anh thiệt là người lẩm cẩm, với tuổi tác sắp sửa vô hòm của anh như vậy mà còn dời núi cái nỗi gì ? Sợ e anh đào tới đến chết cũng còn chưa dời được một tí tí.”

Ngư Công nói : “Người lắm cảm không phải là tôi, mà là anh kia. Tôi chết đi có kẻ gì, còn có con tôi nữa chi ! Con tôi đẻ cháu, cháu tôi lại đẻ con nó, chúng tôi, con con cháu cháu, đời đời ban đời núi, cứ thế mà tiếp mãi. Còn núi kia ư ? Đào đời một ky, nó sẽ mất đi một ky, nó đâu phai cứ lớn lên theo năm tháng, chi cần ý chí của chúng tôi kiên định, sợ chi hai quả núi này không ban đời được !



Đây là bài ngụ ngôn trong “Liệt Tư” ngầm ý nói nhân lực thắng thiên, một người chỉ cần có chí lớn, có hăng tâm, kiên trì làm việc mà không chán nản, thì cho trời to sự khó đến đâu cũng có thể khắc phục được. chúng ta làm bất cứ việc chi, nhất định phải có tinh thần “Ngu Công dời núi”. Núi tuy lớn, há không có chí khí Ngu Công lớn ? Đá tuy rắn, há không có chí khí Ngu Công rắn ? Bài ngụ ngôn này đã dạy chúng ta một bài học lớn. Ví như trong học tập, chúng ta không thể nào tránh khỏi những khó khăn phải gặp, song nếu có hăng tâm và ý chí “Ngu Công dời núi”, vững lòng không nản, thì cho dù khó khăn chi ta cũng đều có thể “giơ dao mà che”.

## **211. NĂM GAI NẼM MẬT**

### **(Ngọa tân thưởng đảm)**

Thời Xuân Thu, nước Ngô và nước Việt đánh nhau. Nước Việt thua. Ngô Vương Phù Sai bắt Việt Vương Câu Tiễn làm tù binh đem về nước, ra lệnh cho Câu Tiễn phải giữ mô ma và nuôi ngựa. Mỗi khi Phù Sai ra ngoài du ngoạn thì sai ông cầm roi ngựa chạy trước xe để mờ đường. Câu Tiễn nhẫn nhục gắng chịu,

già ý rất thuận lòng. Một hôm, Phù Sai bị bệnh, Câu Tiễn già vờ nói biết y lý, chỉ cần nếm phân của bệnh nhân là có thể biết được bệnh tình. Ông nếm qua phân của Phù Sai, nói bệnh này chẳng bao lâu nữa hẳn khỏi. Phù Sai vốn không bệnh chi nặng lắm, qua vài ngày quả nhiên khỏi hẳn. Do đó, Phù Sai cho là Câu Tiễn dối với ông rất trung thuận, bèn thả Câu Tiễn trở về nước.

Sau khi trở về nước, Câu Tiễn quyết tâm báo hận cừu mất nước, rửa sạch mối sỉ nhục đã hứng chịu. Mỗi đêm, ông đều nằm ngủ trên một đồng cây, khi ngủ và ăn lại còn nếm trước mặt đắng. Câu Tiễn cứ dùng cách này để giữ vững tinh thần phấn đấu của mình. Ông chăm sửa trị chính sự, khuyến khích mọi người sinh sản. Mười năm dạy dỗ, nước Việt dần dần cường thịnh trở lại.

Lúc bấy giờ, Ngô Vương Phù Sai kéo quân ra Bắc tranh giành ngôi bá chủ, Câu Tiễn thừa cơ nước Ngô bỏ trống, lập tức đem binh tập kích nước Ngô. Binh Ngô vì không đề phòng nên bị đánh tan tác, Phù Sai bị bức bách phai chạy lên núi Dương Sơn và đâm cổ tự vẫn. Nước Việt lại dần dần biến thành một quốc gia cường thịnh thời bấy giờ.

Truyện xuất xứ từ “Sử Ký”. Từ đó về sau, người ta dựa vào truyện này, lấy câu “nằm gai nếm mật” làm thành ngữ, để chỉ những người khắc khổ tự

khuyến khích mình, quyết tâm phục hồi nghiệp cũ, hoặc đạt được chí nguyện hoài bão của mình.

Truyện có ý nghĩa giáo dục rất tốt, sự việc trên đời, không việc nào không từ trong nỗ lực mà ra. Cầu học vấn, sáng tạo sự nghiệp, chẳng là đều phải khắc khô tự khuyến khích mình, mới có hy vọng thành công đó sao ? Rèn một con dao bén tất phải qua sự tôi luyện trong lò lửa vậy !



## 212. BÓ RƠM MƯỢN LỬA (Thúc uẩn thỉnh hỏa)

Câu thành ngữ “bó rơm mượn lửa” nảy xuất xứ từ “Khoái Thông Truyện” trong “Hán Thư”, muốn nói cầm bó rơm đi mượn lửa, hàm ý cầu sự giúp đỡ của người khác.



Thời Tể Điện Huệ Vương, Tào Tham làm Tể Tướng, ông rất xem trọng những hiền sĩ có tài năng, mời Khoái Thông làm thượng khách. Tào Tham muốn Khoái Thông tùy thời chu ra những lỗi lầm sai trái của ông, và tiền cứ cho ông những người giỏi giảo.

Bấy giờ, nước Tề có hai vị xử sĩ là Đồng Quách Tiên sinh và Lương Hữu Quân, nhân vì bất mãn Tể Vương Điện Đan bực bực nhân sĩ nước Tề nên bỏ trốn vào núi sâu ở ẩn. Có một người khách nói với Khoái Thông : “Tiên sinh đã biết Lương Hữu Quân và Đồng Quách Tiên sinh là hiền sĩ mà thế tục khó có người sánh kịp, sao không tiến cử họ cho Tào Tướng Quốc ?” Khoái Thông nói : “Ông đề cập tới hai người này làm tôi nhớ tới một chuyện : trong họm tôi ở có cô họ đối đãi rất tốt với người hàng xóm. Một bữa tối kia, cô làm mất một miếng thịt, bà chủ nhà cho rằng cô đã ăn vụng miếng thịt ấy, nên phạt câu, đuổi cô ra khỏi nhà. Sáng hôm sau, cô đến một hàng xóm kể lể khúc nói chuyện này cho họ biết, và lại cũng là đề tu gia lên đường. Một người hàng xóm nói : “Tạm thời cô khoan đi đã, tôi có cách khiến bà chủ phải tìm mời cô về.” Nói đoạn, người này liền cầm một bó rơm lớn, đi qua nhà người mất thịt hỏi mượn lửa, nói : “Tôi qua, hai con chó nhà tôi tìm ở đâu được một miếng thịt, chúng tha về tranh ăn, cắn nhau đến nỗi bị thương nặng và đều chết cả, giờ tôi muốn nhờ miếng lửa để đem về thui chúng.” Người mất thịt nghe nó vậy, liền vơ veng bốc con dầu đi theo cô



kia về. Tòì nghĩ, người hàng xóm này không phải là nhà du thuyết, cầm bó rơm đi mượn lửa, tuyệt không phải là biện pháp căn bản kêu cô trở về, nhưng vật có tương cảm, sự có tương hợp, tôi chỉ biết mượn lửa Tào Tướng Quốc vậy".

Bây giờ, phạm gặp việc nhờ người giúp đỡ, bèn có thể dùng câu thành ngữ "bó rơm mượn lửa" này. Ví như : "Bây giờ tôi bệnh hoạn nghèo nàn, chỉ còn cách đến anh *bó rơm mượn lửa* để qua khỏi cơn ngặt nghèo này."

## 213. MẶC ÁO NGƯỢC CHO TRÉ (Đảo băng hài tử)

Thời Tống Nhân Tông có một người học trò tên Miêu Chấn. Lần nọ anh lên kinh ứng thí, may mắn đỗ đệ tứ danh, đã làm quan được mấy năm. Về sau, triều đình mở cuộc thi quán chức (nay là Viện sĩ Viện Nghiên cứu), Miêu Chấn lại ghi danh ứng thí. Trước ngày thi, ông đến ra mắt đương triều Thừa Tướng Yến Thù. Yến Thù nói với ông : "Ông làm quan đã mấy năm rồi, chữ nghĩa hẳn là ít khi ngó tới, bây giờ lên kinh thi, nên ôn tập lại."



Miêu Chấn hiểu lầm ý câu nói của Yến Thù, cho rằng Yến Thù xem thường ông, cho nên không vui, nói : “Có gì phải đáng ngại, chẳng lẽ một người đã làm vú nuôi ba mươi năm mà mặc áo ngực cho trẻ ư ?!”

Hôm thi, đề ra như vậy : “Trạch cung tuyển sĩ phú” (Trạch cung : tên cung, thời xưa là chỗ Hoàng Đế tập bắn, cũng chính là nơi chọn lựa kẻ hiền tài. Trạch cung là chọn kẻ sĩ). Miêu Chấn lấy câu “Phổ thiên chi hạ mạc phi vương sĩ”(Khắp thiên hạ, há không vương

sử viết thành "Phô thiên chi hạ mặc phi vương" (khắp thiên hạ, há không vua). Kết quả là Miêu Chấn bị đánh hỏng.

Sau này, khi Yến Thủ gặp Miêu Chấn, bên nói : "Miêu Chấn, anh mặc áo ngược cho đứa bé rồi!" Miêu Chấn mặc cỡ không nói gì được.

Truyện này xuất xứ từ "Quyển Du Lục". Cái thất bại của Miêu Chấn chủ yếu là sự kiêu ngạo tự mãn của ông, tự cho mình đã đủ. Nhưng truyện này cũng muốn nói với chúng ta rằng : sự việc tuy đa rất quen, song cũng có lúc bị sơ sót. Ví như một diễn viên đã có kinh nghiệm diễn xuất mười mấy năm mà có khi lại diễn chằng ra trò. Một bác sĩ đã dày dạn kinh nghiệm bao nhiêu năm, có lúc cũng chẩn bệnh không trúng. Chỉ có những người dốc lòng cầu tiến, luôn học tập không ngừng mới có thể không đến nỗi thất bại sai lầm. Khi dùng câu thành ngữ này ta có thể có hai trường hợp. Một là đề cảnh tỉnh người khác, như : "Tuy anh đã rất quen với công việc này, co điều nếu không cẩn thận, cũng dám có thể mặc áo ngược cho trẻ lắm." Một ý khác nữa là tự khiêm nhường, như : "Tuy trước kia tôi đã rất quen với công việc này, nhưng bữa nay cũng có thể mặc áo ngược cho trẻ, xin mọi người chỉ dạy cho".

## 214. CẦU NGƯỘC NƠI MÌNH

### (Phân cầu chư kỷ)

Tương truyền cách đây hơn ba ngàn năm, bấy giờ là triều đại nhà Hạ của lịch sử nước Trung Quốc. Quốc vương là Vũ có công trị thủy giúp dân. Lân nọ, một chư hầu họ Hữu Hồ bội phản, khởi binh xâm nhập, Hạ Vũ Vương sai Bá Khai, con ông, ngăn chống sự xâm phạm của họ Hữu Hồ. Hai bên đánh nhau một trận tại Cam Trạch. Kết quả, Bá Khai đã bị bại. Bộ hạ của Bá Khai đều tức giận, không cam lòng chịu được, nhất trí yêu cầu tái chiến. Bá Khai nói : “Khôi phải đánh nữa. Địa bàn ta không nhỏ hơn hẳn, binh mã ta không yếu hơn hẳn, mà kết quả ta bị thua. Thế là thế nào ? Đây tất là đức hạnh của ta kém hẳn, cách giáo dục bề thuộc của ta cũng tệ hơn hẳn. Ta phải từ bản thân ta tìm ra chỗ yếu, và từ đó ra sức sửa đổi lại mới đúng”.

Thế rồi, Bá Khai quyết tâm làm nước mạnh. Sáng sớm, mỗi ngày ông dậy sớm làm việc, bữa cơm không cần phải có mỹ vị, y phục mặc trên người chỉ sao đơn giản lành lặn, yêu thương bá tánh, tôn trọng người có phẩm đức, nhậm dụng người có tài cán. Trai qua

một năm như vậy, họ Hữu Hồ biết được, hấn chẳng những không dám tới xâm phạm, đảng này còn cam tâm tình nguyện hàng phục qui thuận.



Truyện này rất có ý nghĩa, nó nói với chúng ta cho dù làm bất cứ việc gì, đều nên tự xét lại mình, tìm ra những sai trái của mình mà gắng sức ra công sửa đổi. Chỉ có nắm lấy thái độ khiêm nhường mới có thể không ngừng đi lên, mới có thể thành công trên mọi lãnh vực. Về sau, đối với những người thường tự mình

ăn với những người khác, khi chuyện làm ăn thua lỗ, y chỉ biết trách móc người khác mà không xét lại mình có chỗ nào làm chưa phải. Như thế, ta có thể nói y chỉ cần câu ở người mà không "câu ngược nơi mình". Thái độ xử sự của người thế này là hoàn toàn không đúng.

Câu thành ngữ này tuy chỉ vắn vắn có bốn chữ, thực ra nó dạy chúng ta rất nhiều, có thể dùng nó để tự xét mình, cũng có thể dùng nó để trách người, đối với cách xử sự làm người của chúng ta, nó có ý nghĩa rất tích cực.

## 215. CƯỜNG TỪ ĐOẠT LÝ (Cường từ đoạt lý)

Trong sách “Lã Thị Xuân Thu” có đoạn truyện thế này :

Thời Chiến Quốc, nước Tống có một Đại Phu tên là Cao Dương Ứng. Cao Dương Ứng là một người hay cãi bướng, tuy sự việc sai trái rành rành ra đó mà ông cũng muốn cãi cho bằng được. Người khác tuy miệng nói không bằng ông, nhưng trong lòng không ai phục ông cả. Lần nọ, Cao Dương Ứng muốn cất một căn nhà. Một thợ mộc rất có kinh nghiệm, thấy vật liệu cất nhà dở đó, bèn nói : “Bây giờ chưa khời công được, cây còn chưa ráo kia mà ! Dùng cây tươi mà dựng cột thế này, không thể nào chống đỡ nổi ngôi nhà, sau này nhà sẽ bị sập thôi. Phải chờ cây khô ráo rồi mới có thể khời công được”. Cao Dương Ứng cãi lại, nói : “Sao ông lại nói ngược thế ? Dùng gỗ tươi làm cột, nhà không chỉ sẽ không sập, ngược lại nó còn chắc chắn hơn. Ông xem, do, cây mà càng khô thì càng rán chắc, gạch ngói mà càng khô thì càng nhẹ. Bây giờ, khi gỗ còn đang tươi, đưa lên nóc gác dầm, qua một thời gian, sức nặng của nó

giảm đi, và bây giờ cây đã khô, chẳng là có thể chắc chắn hơn không ? Sao mà sụp đổ cho được ?"

Người thợ mộc bị ông vận vẹo thế này, hết biết đường đáp lại, chỉ còn cách y theo ý kiến của chủ nhân mà làm. Nhà dựng chẳng mấy chốc thì xong, nhưng chẳng bao lâu thì y như người thợ mộc nói, quả nhiên nhà bị sụp.



Người sau căn cứ vào đoạn truyện này, lấy câu  
cải bường của Cao Dương Ứng dẫn làm thành ngữ



“cường từ đoạt lý” để chỉ những người cãi bướng vô lý. Ví như bọn cường hào dựa quyền thế chiếm lấy ruộng đất của người, mỗi lần chiếm đất ruộng của ai thì dùng lý này lẽ nọ để biện minh, chúng ta gọi bọn chúng là “cường từ đoạt lý”. Chân lý chỉ có một, thế mà có những kẻ bóp méo vo tròn sự việc, mạo xưng đó là chân lý. Chúng đưa ra toàn những lời vô lý, đợi đến khi lý “cùng” từ “kiệt” rồi thì mới chịu ngậm miệng.

## **216. LẤY BỘ LÀM XE**

**(An bộ đương xa)**

Đời Chiến Quốc, nước Tề có một ẩn sĩ tên gọi Nhan Trú. Ông tự làm ruộng, câu cá, đốn củi, đọc sách, cuộc đời cứ bình thản trôi qua, thật thung dung thanh đạm. Dù vậy, ông hằng để tâm nghiên cứu tình thế chính trị thời bấy giờ.

Lần nọ, Tề Tuyên Vương sai người tới mời ông, ông đội nón cỏ, đi giày cỏ mà đến, lại lấy lễ ngang hàng mà đối đãi với Tề Tuyên Vương. Tề Tuyên Vương thấy vậy, trong lòng thật không vui, bèn hỏi : “Theo ông, quân vương cao quý hay ẩn sĩ cao quý ?” Nhan Trú đáp lại : “Ẩn sĩ đương nhiên cao quý hơn quân vương. Khi

xưa, vua Tần đánh nước Tề có ra lệnh rằng, nếu người nào dám hủy hoại một cây cò trên nấm mồ ẩn sĩ Liễu Hạ Huệ, tất bị xử tử hình, lại nói, nếu có người nào có thể lấy được đầu của vua Tề thì được thưởng ngàn vàng và phong tước Vạn Hộ Hầu. Hai việc này chẳng phải là bằng chứng rõ ràng sao ?” Tề Tuyên Vương rất bội phục tài trí của ông, nên nhiệt liệt hoan nghênh và rồi mở tiệc đãi đằng ông.



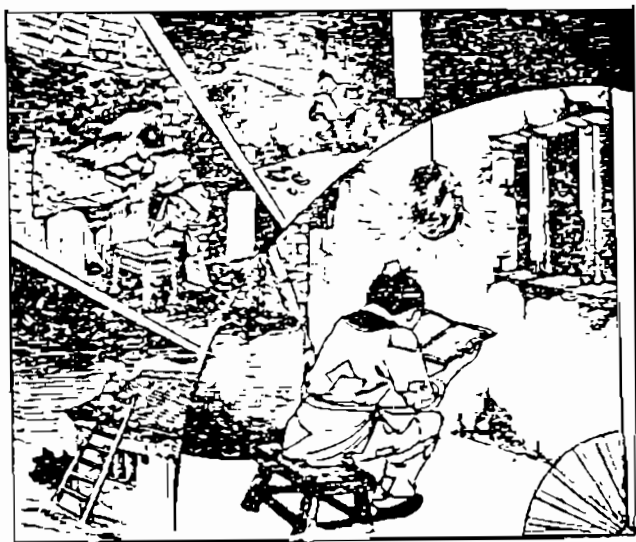
Tê Tuyên Vương cố ý muốn học hỏi ở Nhan Trúc nên định bái ông làm thầy, nói : "Ông thu nhận tôi làm đồ đệ nhé ! Từ nay về sau, ông có thể sống cuộc đời vinh hoa phú quý". Nhan Trúc nghe vậy, liền đứng dậy nói : "Đa tạ lòng tốt của Đại Vương, tôi là người làm lủ cháo rau dăm bạc nên chỉ biết lấy bộ làm xe, lấy cơm hăm làm thịt, và nghĩ miếng ăn do sức mình làm ra vẫn là tốt hơn". Nói xong ông quay qua ra về, đầu không ngoảnh lại.

Truyện này thấy ở "Tê Sách" trong "Chiến Quốc Sách". "Lấy bộ làm xe" tức là lấy việc đi bộ thay cho việc ngồi xe, ý chỉ sự tiết kiệm. Người đời sau dẫn câu "lấy bộ làm xe" làm thành ngữ để chỉ người không tham phú quý, không chuộng hư vinh, cam lòng với cái nghèo trong sạch.

## **217. ĐOM ĐOM RỌI SÁCH** **(Nang huỳnh chiếu thư)**

Đời Tần, Xu Dận người Nam Bình, thuở nhỏ rất ham mê đọc sách, kiến thức rộng lại lắm tài. Chàng học không biết chán không biết mệt, ngặt nỗi gia đình nghèo, thường không có tiền mua dầu đốt đèn để học.

Lâu ngày, chàng cảm thấy nếu kéo dài như vậy chẳng hóa ra là lãng phí thời giờ, cho nên mới định phải tìm cách giải quyết.



Một tối nọ, Xa Dận trông thấy bảy dom đóm lập loè trên dột trần, con bay qua con bay lại làm sáng cả một vùng, chàng bèn nghĩ, nếu bắt hết bảy dom đóm này dựng vô một cái túi thì chẳng là có thể rọi sách đọc được sao ? Từ đó, mỗi đêm chàng đều bắt dom đóm.

ngồi dưới ánh sáng chớp lập lòe mà học, có lúc học luôn đến trời sáng tỏ. ("Xa Dận Truyện" trong "Tấn Thư")

Sau này, đề ví những người nghèo mà chăm chỉ học hành, người ta bèn dùng câu thành ngữ "đom đóm rọi sách" này.

Ngoài câu thành ngữ này ra còn có rất nhiều câu thành ngữ khác cùng ý nghĩa như "khoét vách trộm ánh sáng" (tạc bích thấu quang). Chuyện kể rằng xưa kia có chàng Khuông Hành, cũng là một học trò nghèo mua không nổi đèn để học mà nhà bên thì đèn đuốc sáng choang, chàng bèn khoét một lỗ vách, mượn nhờ ánh sáng để học. Thành ngữ này xuất xứ từ "Tây Kinh Tạp Ký" trong cổ thư.

"Ánh tuyết đọc thư" do truyện chàng thư sinh nghèo tên Tồn Khang thường ngồi bên tuyết, nhờ ánh sáng phản chiếu của tuyết mà đọc sách. Thành ngữ này xuất xứ từ "Văn Tuyên" trong cổ thư.

"Nương trăng đọc sách" (tùy nguyệt độc thư) do truyện chàng học trò nghèo tên Giang Bí ở nước Nam Tề, suốt ngày mãi làm việc, chỉ có tối đến mới có thì giờ học hành. Vì nghèo không có tiền mua dầu đèn, chàng chỉ còn cách nương theo ánh trăng mà học. Khi ánh trăng ngả về tây, chàng bắc chiếc thang kê dựa tường, đứng trên nấc thang mà học. Trăng dần rơi rụng, chàng cũng theo đó mà bước lên bậc thang cao

hơn, cứ thế mà bò lên tới nóc nhà. Có những lúc học quá mệt, chàng từ nấc thang cao té lăn cù xuống đất, nhưng ngay bụi đất trên người chàng cũng không phui, lại lồm cồm chỗi dậy mà học tiếp.

## **218. BA LẦN ĐẾN NHÀ CỔ**

### **(Tam cố thảo lư)**

Cuối đời Hán, giặc Huỳnh Can nổi dậy, thiên hạ đại loạn, Tào Tháo soán lấy triều đình, Tôn Quyền chiếm Đông Ngô, Lưu Bị - tôn thất nhà Hán-nghe theo Từ Thử (người Trường Xá đất Dĩnh thời Tam Quốc, là một mưu sĩ nổi danh) mang lễ vật cùng Quan Vũ, Trương Phi đến Ngọa Long Cương ở Long Trung (nay là huyện Tương Dương tỉnh Hồ Bắc) thỉnh Gia Cát Lượng ra giúp sức. Lưu Bị và hai em đến nơi thì nhằm lúc Gia Cát Lượng đi chơi nên Lưu Bị chỉ còn mang thất vọng trở về.

Không lâu, Lưu Bị lại cùng Quan Vũ, Trương Phi đội gió tuyết mà tới thỉnh nữa. Không ngờ Gia Cát Lượng nhân du vẫn chưa về. Trương Phi vốn không muốn tới, thấy Gia Cát Lượng không có nhà, bèn giục già đòi về. Lưu Bị chỉ còn cách để lại một phong thư, tỏ

cái xác thì kinh Gia Cát Lượng và muốn mời ông giúp  
nó làm nên văn cuộc diệt trừ nguy vong của nước nhà.



Qua một thời gian sau, Lưu Bị trai giới ba  
ngày, chuẩn bị đi thỉnh Gia Cát Lượng nữa. Quan Vũ  
nói Gia Cát Lượng bất quá là người chu có hư danh chứ  
không có thực tài, cần chi phải khó nhọc đi cầu như  
vậy. Trương Phi lại chu trương để một mình ông đi kêu  
thôi, nếu như không chịu tới thì lấy dây trói gô lại mà  
khiêng về. Lưu Bị trách Trương Phi một trận, lại cùng

hai người đi thỉnh Gia Cát Lượng lần thứ ba. Khi đến thì Gia Cát Lượng đang ngủ, Lưu Bị không dám kinh động ông, đứng bên ngoài chờ cho tới khi Gia Cát Lượng thức dậy, mới vào bàn chuyện với ông.

Gia Cát Lượng thấy Lưu Bị một lòng vì nước, và lại còn thành khẩn mời ông ra giúp, bèn đem hết sức mình ra giúp Lưu Bị kiến lập nhà Thục Hán.

“Tam Quốc Diễn Nghĩa” nhân chuyện Lưu Bị ba lần đi thỉnh Gia Cát Lượng mà gọi là “ba lần đến nhà cò”. Trong “Xuất Sư Biếu” nổi tiếng của Gia Cát Lượng cũng có câu : “Tiên đế không coi thân là thấp hèn, mà tự cúi mình, ba lần đến nhà cò...” Do đó, người đời sau thấy ai đi mời thỉnh người nọ họ kính trọng, giúp việc, và mời luôn mấy lần, bèn dẫn dụng câu thành ngữ này để chỉ sự khao khát và thành khẩn của người đi mời thỉnh, cũng là ý không then cúi mình cầu người tài giỏi.



**219. BA LẦN RA LỆNH,  
NĂM LẦN NHẮC NHỞ**  
(Tam lệnh ngũ thân)



Thời Xuân Thu, Tôn Võ là người có học thức, tinh thông quân sự, đã biên soạn mười ba thiên binh pháp. Ông đã huấn luyện cho Ngô Vương Hạp Lư một

đội quân chiến đấu rất mạnh, kỷ luật nghiêm minh mà chỉ trong vòng thời gian hơn kém một tháng, Ngô Vương rất đẹp dạ, phong ông làm Đại Tướng Quân.

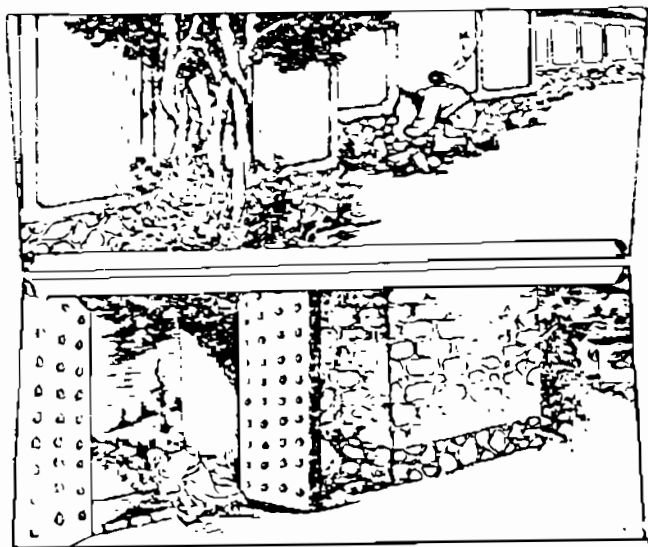
Ngô Vương lại tuyển một trăm tám mươi cung nữ trong cung, nhờ Tôn Võ huấn luyện làm một đội nữ binh cho ông. Lại phái hai sủng cơ của vua để đảm nhận chức đội trưởng. Trước mặt đám nữ binh, Tôn Võ căn dặn kỹ lưỡng, rành mạch về cách đứng nghiêm trang, cách đi tề chỉnh, xoay trái xoay phải, tiếp theo đó lại ba lần nói rõ việc huấn luyện quân sự không phải là trò đùa của con trẻ, tất cả phải chú ý nghiêm túc nhận lệnh cho đúng. Sau đó bèn ra lệnh quay về bên phải. Chẳng ngờ hai sủng cơ của vua thấy cách thức, điệu bộ của Tôn Võ thì buông tiếng cười rộ. Tôn Võ xét lại điều mình dặn dò, chắc chưa được rõ lắm, bèn vút bỏ mũ mình, biểu thị việc tự xử, rồi lại một lần nữa giải thích minh bạch về qui tắc thao luyện, xong hạ lệnh quay về bên trái. Hai nàng sủng cơ chẳng những không quay về bên trái mà còn ôm bụng cười ngặt nghẽo. Tôn Võ nghiêm khắc nói : “Ta đã ba lần hạ lệnh, năm lần nhắc nhở mà các người còn cố ý vi phạm, vậy trước nhất đem đội trưởng chặt đầu”. Ngô Vương vội vàng đến xin Tôn Võ tha cho hai nàng sủng cơ nhưng Tôn Võ vẫn cứ đem hai nàng này ra giết. Từ đó về sau, dù hương tiên hương hậu, hương tà hương hữu, thậm chí quì xuống đứng lên, những động tác có phức

tập đến mấy, bọn nữ binh cũng đều nhận rõ va làm đúng ca, không còn dám đùa cợt nữa.

Truyện này xuất xứ từ “Tôn Tư Ngộ Khẩu Truyện” trong “Sử Ký”. Về sau, người ta lấy cách gài thính ba lần cho bọn nữ binh của Tôn Tư dẫn thành “ba lần ra lệnh năm lần nhắc nhở”, ý muốn nói đã cảnh cáo trước nhiều rồi. Ví như nhà nước đã kêu gọi và cảnh cáo nhiều lần các xí nghiệp thực phẩm là phai làm sản phẩm hợp vệ sinh để bảo đảm sức khỏe cho mọi người. Chúng ta có thể nói : “Nhà nước đã *ba lần ra lệnh, năm lần nhắc nhở*, hẳn các xí nghiệp đều biết và không ai dám mạo phạm đâu !”

## 220. GÀ GÁY CHÓ TRỘM (Kê minh cầu đạo)

Thời Chiến Quốc, Tần Chiêu Tương Vương vì ngưỡng mộ tài năng Tướng Quốc nước Tề Mạnh Thường Quân Điền Văn, nên mời ông đến kinh thành Hàm Dương, và muốn phong ông làm Tướng Quốc, sau đó lại nghe theo lời Thư Lý Tật - vị Tướng Quốc cũ - nên muốn giết ông.



Mạnh Thường Quân nghe được tin này, vội sai người ra mắt Yên Cơ, nàng cơ mà Tần Vương sung ái dè cầu cứu. Yên Cơ đòi hỏi ông một chiếc áo bào bằng da hổ trắng làm thù lao. Nhưng Mạnh Thường Quân chỉ có một chiếc và đã tặng cho vua Tần rồi, biết phai làm sao ? Mạnh Thường Quân đang lo nghĩ thì có một môn khách bước ra nói : “Ngài khỏi phai lo, tôi có cách”. Ngay đêm ấy, vị môn khách này bắt chước tiếng chó sủa, leo tường nhảy vào kho quần áo trong cung Tần

Người giữ kho ngô là chó thật nên không phòng bị, ông liền thừa cơ lấy cắp chiếc áo da hổ trắng vốn đã tặng cho vua Tần đem về. Mạnh Thường Quân rất mừng, lập tức đem chiếc áo da hổ trắng này sang tặng cho Yên Cơ. Sau đó nhờ Yên Cơ tâu với vua Tần mà Tần Chiêu Tương Vương chịu cho Mạnh Thường Quân được trở về nước Tề.

Mạnh Thường Quân liệu biết vua Tần nhất định sẽ ân hận việc này, liền hối hả cùng bọn thực khách, một mạch bôn đào đến cửa Hàm Cốc. Trong khi họ tới cửa thành thì cửa thành vẫn còn bế chặt, phải chờ đợi đến khi có tiếng gà gáy sáng mới mở. Ngay lúc mọi người đang nôn nóng, bỗng có một môn khách già tiếng gà gáy, làm cho bao nhiêu gà quanh vùng cũng gáy vang lên. Người giữ cửa thành nghe tiếng gà gáy bèn mở hoác cửa để bọn họ đi ra. Lúc bình truy nã của vua Tần đến cửa thành thì Mạnh Thường Quân đã cao bay xa chạy hơn trăm dặm rồi.

Sau này, người ta lấy chuyện thực khách của Mạnh Thường Quân học tiếng chó sủa để trộm đồ vật, lại mượn tiếng gà gáy để gạt qua cửa thành câu thành ngữ “gà gáy chó trộm”. Câu thành ngữ này chỉ những người, vì muốn đạt được mục đích riêng tư nên không ngại sử dụng mọi kỹ xảo bất chính, cũng có thể dùng chỉ những kẻ lưu manh chuyên lường gạt. Ví như ta nói : “Bọn này ban ngày thì ngủ, ban đêm thì dậy,

không chịu làm ăn chân chính, chỉ biết *gà gáy chó trộm*, sao có thể sống chung với người khác được !?"

## 221. XÔ HAY GỖ

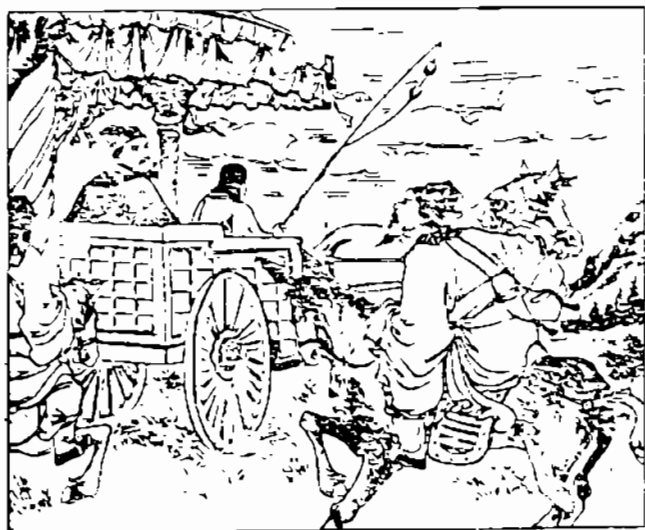
(*Thôi sao thôi sao*)

Đời Đường có một thư sinh tên Già Đào, lần nọ chàng ta cưới con lừa lên kinh ứng thí. Đêm ấy chàng phải băng qua một cánh rừng, bốn bề thật vắng vẻ đìu hiu, trong rừng có một ngôi chùa, dưới ánh trăng, cảnh sắc thật là hữu tình. Già Đào cảm xúc, thi hứng trào dâng, buột miệng ngâm hai câu thơ :

*Chim đậu cành bên nước*

*Sư xô cửa dưới trăng.*

(Điều tức trí biên thụ, tăng thời nguyệt hạ môn).



Hôm sau, Gia Dao lên đường, đi được một đoạn, chợt chàng cảm thấy chữ “xô” (thôi) trong câu thơ thứ hai dùng không được chính, vì ở dưới trăng kia cửa chùa hẳn đã đóng chặt rồi, sao lại có thể xô cửa được ? Vậy thì câu này chưa thuận lắm. Do đó chàng nghĩ, chỉ bằng thay chữ “xô” (thôi) bằng chữ “gõ” (sao). Không lâu, chàng lại cảm thấy chữ “gõ” (sao) này cũng chưa được thuận, vì dưới trăng u tĩnh kia mà trên đèn rỗng hồi tiếng gõ cửa, thì chẳng là quá ngược với phong cảnh. Cuối cùng chàng không cách

chỉ nắm hay buông được, cứ ngồi trên lưng lừa mà tay thì cứ ra dấu “gõ”, “xò”, xem coi chữ nào thích hợp.

Bây giờ, Đại Duẩn (chức quan) Hàn Dũ (tự Thoái Chi, người đất Nam Dương tỉnh Hà Nam, là một đại thi hào) giơng xe đi qua, Già Đào ngẩn ngẩn ngơ ngơ không tránh. Kề tả hữu cho rằng Già Đào xúc phạm tới quan viên triều đình, bèn bắt chàng tới trước mặt Hàn Dũ. Hàn Dũ trách chàng sao đi nghênh ngang giữa đường. Già Đào biết người này là đại thi hào Hàn Dũ đương triều, nên vội đem hai chữ “xò”, “gõ” (thôi, sao) mà chàng đã khổ sở suy nghĩ nên bỏ hay nên lấy để hỏi Hàn Dũ. Hàn Dũ nghe vậy, nghĩ giây lát bèn nói với Già Đào : “Theo ta chữ gõ (sao) thì hay hơn”. Sau đó, Hàn Dũ chẳng những không bắt tội Già Đào mà còn bàn luận thơ văn với chàng.

Truyện này xuất xứ từ “Đường Thi Kỳ Sự”. Người đời sau, khi thấy ai đắn đo chằm chước câu văn thì nói “xò hay gõ”. Ví như anh viết một thiên văn chương, khi đặt câu dùng từ, cứ đắn đo suy nghĩ để lựa chọn, có thể nói đó là “xò hay gõ”. Đồng thời, câu thành ngữ này cũng chỉ sự nghiên cứu, bàn luận vấn đề. Giả như có ai hỏi anh chuyện này nên làm thế nào, anh chưa có ý kiến dứt khoát, cần suy nghĩ kỹ mới trả lời được thì anh có thể nói : “Chuyện này để tôi xem coi nên xò hay gõ đã”.



## 222. CUỐN CỜ IM TRỐNG (Yểm kỳ tức cổ)



Thời Tam Quốc, Tào Tháo kéo hai mươi vạn quân binh đánh Thục để báo thù cho Hạ Hầu Huyền. Gia Cát Lượng nghĩ : “Chỉ cần đốt lương thảo của binh Tào, dù không đánh, binh Tào cũng tự vỡ”. Do đó ông

sai Huỳnh Trung và Triệu Vân cùng đi đốt lương của Tào Tháo, chẳng may Huỳnh Trung bị vây, tình thế nguy hiểm khẩn cấp, may sao Triệu Vân hùng dũng giết được hai viên tướng địch, chọc thủng được hai nơi của vòng vây và đã cứu được Huỳnh Trung.

Tào Tháo thấy Triệu Vân đã phá vỡ được vòng vây, liền tự mình kéo rốc đại đội nhân mã ra trợ chiến. Bộ hạ của Triệu Vân đề nghị nên ra lệnh đóng chặt cửa doanh trại để ngăn địch. Triệu Vân chẳng những không nghe, chẳng nấy lại còn ra lệnh mở toang cửa trại, cuốn cờ im trống, những chiến hào ở ngoài trại đều mai phục cung thủ. Minh ông cỡi ngựa cầm thương rào trước doanh trại để phòng ngăn địch.

Bộ tướng của Tào Tháo rượt đến doanh trại Thục, thấy tình hình như vậy, nghi ngờ có binh mai phục nên không dám xông vào. Lát sau, Tào Tháo cũng đến, cho rằng đây là kế nghi binh, liền ra lệnh tấn công, toàn quân reo hò, nhắm cửa trại đánh thẳng tới. Triệu Vân vẩy tay làm hiệu, trong chiến hào tên liên tủa ra như mưa, chiêng trống bây giờ mới gióng lên tứ phía. Lúc này trời đã tối, Tào Tháo không rõ thực hư lực lượng binh mã mai phục của Triệu Vân nhiều hay ít thế nào, vội vàng bỏ trốn, còn bọn tướng binh cũng đều tranh nhau chạy thực mạng. Triệu Vân và Huỳnh Trung thừa thế tấn binh, đuổi theo mà giết, đoạt lấy lương thực và vũ khí của binh Tào vô số kể.

Người đời sau lấy câu “cuốn cờ im trống” dẫn làm thành ngữ để chỉ việc ngưng nghỉ của chiến tranh hay của một cuộc cãi vã xáo động. Cũng còn có thể dùng nói rõ chuyện phi pháp, nhân bị truy tra ráo riết và bây giờ tạm thời được đình hoãn.

## **223. NGỌC CHÂU Ý DĨ**

### **(Ý dĩ minh châu)**

Mã Viện là người huyện Mậu Lăng, quận Phù Phong. Ban đầu Mã Viện làm thủ hạ cho Xi Hiêu, sau qui phục Hán triều, đã vì Hán triều Quang Võ Đế lập được nhiều chiến công. Nhưng vì Quang Võ Đế cho rằng ông đã bội phản chu cũ, nên không mấy hài lòng. Vì vậy dù ông đã tận tụy vì giang sơn nhà Hán nhưng ông vẫn không nhận được một sự đãi ngộ tốt đẹp nào.



Năm Kiến Võ 24, Võ Oai Tướng Quân Lưu Hưởng xuất binh thảo phạt bộ lạc đất Võ Lăng thất bại. Bảy giờ Mã Viện đã sáu mươi tuổi, lại tự cho mình còn hùng dũng, xin được xuất chinh. Nhưng trên đường hành quân, do bởi khí trời oi bức, binh sĩ nhuộm bệnh chết càng ngày càng nhiều, chính Mã Viện cũng bị bệnh đến xác xơ. Có người đem tin tức quân đội thất lợi báo về với Quang Võ Đế. Hoàng Đế phái Lương Tông và Trình Trì tới trách móc Mã Viện và đi chỉ việc quân của ông. Nhưng khi bọn Lương Tông đến trước quân

thì Mã Viện đã không còn chống nổi với bệnh thế và đã chết. Trước kia Lương Tông và Mã Viện có cừu hận, ông ta bèn đặt điều vu hãm để gây sự giận dữ của Quang Võ Đế, đương nhiên chức tước của Mã Viện bị bãi hết thôi.

Lúc đầu, khi Mã Viện còn ở Giao Chỉ (lúc đó nhà Hán sang xâm lăng nước ta), ông thường ăn hạt ý dĩ, vì đây là món thuốc có thể trị những thứ chứng khí ẩm thấp. hạt ý dĩ của phương Nam rất tốt, cho nên khi trở về, ông có chở theo về một xe lớn. Những kẻ ganh ghét, bao đó là châu báo của phương Nam, có điều khi Mã Viện còn sống thì không ai dám chỉ trích bởi móc gì. Khi ông đã chết rồi thì bấy giờ có thư gửi về triều nói ông đã trang trải châu báo về làm của riêng, khiến Hoàng Đế lại càng phẫn nộ. Gia thuộc của Mã Viện quá hoảng sợ, cơ hồ không dám cử hành lễ chôn cất.

Người đời sau, phàm chỉ việc vốn không có nhận hối lộ mà bị phi báng oan uổng, bèn mượn truyện Mã Viện, lấy câu “ngọc châu ý dĩ” hoặc “nỗi niềm ý dĩ” làm ví dụ. Ví như viên cảnh sát đuổi theo, bắt hai tên bị hô nghi, nhưng tới một ngã quẹo thì chạy vượt mất hết một tên, có người xấu miệng bảo là viên cảnh sát này đã nhận hối lộ cho nên mới để tên đó chạy thoát. Như vậy có thể nói, đây là điều mà người không rõ sự

thực đặt điều vu hãm, quả là “ngọc châu ý dĩ”, hàm hồ hại người tốt.

## 224. NGHIÊNG THÀNH ĐỔ NƯỚC (Khuyh quốc khuyh thành)

“Ngoại Thích Truyện” của “Hán Thư” có câu truyện thế này.

Lý phu nhơn của Hán Võ Đế vốn là một ca kỹ. Lý Diên Niên - anh nàng - là người rất thông hiểu âm luật, được làm trưởng đàn ca vũ. Võ Đế rất hài lòng ông. Có lần, trước mặt Võ Đế, Lý Diên Niên vừa múa vừa ca:

*“Phương Bắc có người đẹp*

*Tuyệt thế chỉ riêng nàng*

*Liếc qua nghiêng thành người*

*Dòm lại đổ nước người*

*Há chẳng biết nghiêng thành với nước đổ sao ?*

*(Ngất nổi) người đẹp khó tìm được !”*

(Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập, nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc. Ninh bất tri khuynh thành dữ khuynh quốc ? Giai nhân nan tái đắc !)

Vô Đế nghe ca, cảm khái vô ngần, nói : “Tuyệt vời ! Trên đời khó có người đẹp thế này ?” Bình Dương công chúa, chị của Vô Đế, nhân đó nói : “Lý Diên Niên có người em gái đẹp như vậy đó”. Vô Đế liền cho vời tới, quả nhiên đẹp đẽ khác phẩm, mà lại còn biết ca múa. Từ đó nàng rất được sủng ái, rồi sanh được một đứa con trai, sau này chính là Xương Ấp Ai Vương.



Lý phu nhơn còn trẻ mà đã chết. Lúc nàng bị bệnh nguy kịch, Võ Đế thân tự đến thăm nàng, nàng úp mặt trong chăn nói : “Thiếp bệnh đã lâu, dung nhan tiêu tụy rất khó nhìn, thật không dám ra mắt Hoàng Thượng. Mong sao khi thiếp mất, Xương Ấp và anh thiếp được chiếu cố !” Võ Đế nói : “Nàng bệnh nặng, e khó thuyên giảm, bây giờ sẵn có ta, nàng cứ giấu mặt mà phó thác Xương Ấp và anh nàng, chẳng là không tiện sao ?” Lý phu nhơn nói : “Nữ nhân chưa trang điểm, chưa thể ra mặt quân vương”. Võ Đế cứ khẳng khẳng muốn nhìn thấy mặt nàng, song nàng cuốn mình trong chăn, hu hu khóc mùi mẫn mà không nói tiếng nào. Võ Đế không vui bèn bỏ đi. Chị em nàng trách nàng sao không ra mắt Võ Đế, nàng nói : “Hoàng Thượng thương yêu mình, không phải là vì vẻ đẹp ngày thường của mình sao. Nếu để ông nhìn thấy lúc đau yếu, nhất định ông sẽ chán ghét mình thôi, thậm chí có thể ruồng bỏ, và đâu còn nhớ mà chiếu cố tới anh mình ?”

Về sau, người ta dẫn dụng câu chuyện của Lý phu nhơn và câu ca “nghiêng thành đổ nước” của Lý Diên Niên làm thành ngữ để hình dung vẻ đẹp của người phụ nữ.



## **225. PHONG MÃ NGƯU** **CHẲNG DÍNH LÍU** **(Phong mã ngư bất tương cập)**

Thời Xuân Thu, Tề Hoàn Công đem binh xâm lược nước Thái và đã đánh bại được nước Thái. Tiếp theo đó Tề Hoàn Công lại tiến công qua nước Sở. Sở Vương phái người đến nói với Tề Hoàn Công : “Ngài coi vùng biển Bắc, quã nhân coi vùng biển Nam, thế thì phong mã ngư chẳng dính líu”. Ý nói : ngài ở ngoài Bắc xa xôi, còn tôi thì ở trong Nam này, hai nước vốn chẳng có mối quan hệ nào !

Đoạn truyện xuất xứ từ “Tả Truyện”, chữ “phong” trong câu có nghĩa là tự do, không can dự tới, “mã ngư” là ý sống mái với nhau. Ý toàn đoạn là : nước Tề ở mé Bắc Hoàng Hà, nước Sở ở mé Nam Trường Giang, khoảng cách hai nước xa xôi thế này, bỗng dưng lừa binh quyết sống mái với nhau, thật không biết nói sao ! Hay là Tề, Sở cách nhau xa, những lợi hại chẳng mấy may gì quan hệ, thì không nên dẫn binh đánh nhau.

Do đó người đời sau khi thấy hai sự việc không liên quan nhau, bèn gọi là “phong mã ngư chẳng dính liú”. Ví như có người nói : “Việc hấn tự chuyên làm đó, với tôi thì phong mã ngư chẳng dính liú”. Câu này chính là nói mọi hành động việc làm của hấn, chẳng một chút gì quan hệ tới tôi. Lại như có kẻ bảo, nếu một người cố học, thể thì thân thể anh ta nhất định sẽ không tốt. Thực ra việc cố gắng học và thân thể không tốt hoàn toàn là hai sự việc “phong mã ngư chẳng dính liú.”



Câu thành ngữ "phong mã ngư chẳng dính líu" này lại có người nói thành "phong mã ngư không tương can", hay còn nói gọn hơn là "phong mã ngư".

## **226. NĂM MƯƠI BƯỚC CƯỜI TRĂM BƯỚC (Ngũ thập bộ tiểu bách bộ)**

Thời Chiến Quốc, Lương Huệ Vương là một quốc quân hiếu chiến. Ông thường vì một chuyện nhỏ nhặt mà đánh nhau với nước khác. Một hôm, ông có việc cần nhờ Mạnh Tử giải đáp : "Đối với việc quản lý quốc gia đại sự, kể ra tôi đã làm hết sức mình. Hà Nội (khi xưa gọi mạn Bắc Hoàng Hà là Hà Nội, Hà Nam là Hà Ngoại) năm rồi, đồng khô cỏ cháy, mùa màng thất bát, tôi đã di dân nghèo khó của Hà Nội về Hà Đông, đồng thời còn lấy lương thực của Hà Đông cứu tế cho Hà Nội. Nếu mùa màng của Hà Đông thất bát, dân tình khốn khó, thì tôi cũng theo cách ấy mà làm. Theo tôi thấy ra, vua của các nước lân cận đâu có ai lo cho dân như tôi thế này ! Vậy mà bá tánh của các nước lân cận không thấy giảm thiểu, và bá tánh của nước tôi cũng chẳng thấy tăng gia, thế thì vì cớ gì ?"



Mạnh Tử nói : "Đại Vương, ngài thích đánh nhau thì để tôi kể cho ngài nghe một câu chuyện làm ví dụ nhé. Quân đội hai bên ra chiến trường, chiến trống vang dậy, giáo gươm chan chát, kết quả của một trường chém giết hầu tàn chẳng tránh khỏi cảnh quăng khỏi lột giáp, kẻ thua trốn chạy trời chết để tìm đường thoát thân. Trong lúc sĩ binh chạy thực mạng ấy, có kẻ chạy nhanh, có người chạy chậm. Có một binh sĩ chỉ chạy được có năm mươi bước, dòm thấy đằng trước có một binh sĩ chạy rất nhanh, đã chạy được một trăm bước. Do đó y bèn cười

nhạo người ta là ham sống sợ chết, không phải anh hùng, và tự cho mình là gan mật lớn, cho dầu quân địch đang theo cũng không sợ. Như vậy có đúng không?"

Lương Huệ Vương nghe xong, nói : "Đương nhiên không đúng, binh sĩ ấy chẳng qua là vì quá chậm nên chỉ chạy được có năm mươi bước thôi."

Theo đó Mạnh Tử nói : "Phải ! Đại Vương đã hiểu rõ đạo lý này, thế thì vấn đề của ngài lại có gì mà chưa rõ ? Tuy ngài rất chiều cố đến bá tánh ở hậu phương, có điều ngài thích đánh nhau. Trong một trận đánh thì hàng ngàn hàng vạn người phải chết, nếu so với lân quốc thì khác gì năm mươi bước cười trăm bước đau ?"

Truyện này xuất xứ trong sách "Mạnh Tử". Người sau lấy câu thành ngữ "năm mươi bước cười trăm bước" để chỉ những trình độ tuy không đồng nhưng thực chất cách làm lại giống nhau. Ví như có một học sinh thường đi học trễ, bữa nọ có một học sinh khác đi học trễ hơn, cậu ta bèn cười nhạo người. Đối với cậu học sinh thường đi học trễ này, chúng ta nói : "Chuyện này chẳng qua năm mươi bước cười trăm bước mà thôi".

## **227. KHÔNG VÀO HANG CỌP, SAO ĐƯỢC CỌP CON ? (Bất nhập hổ huyết an đắc hổ tử)**

Đời Đông Hán, Ban Siêu theo Phụng Xa Đô Úy Đạu Cố đánh với Hung Nô, lập được nhiều chiến công. Về sau được phái làm sứ đi Tây Vực (nay là toàn tỉnh Tân Cương, một phần Cam Túc và một phần Trung Á mé Tây Thông Lĩnh). Đầu tiên ông đến nước Thon Thon. Quốc vương nước này sớm biết Ban Siêu là người thế nào rồi nên đối với ông hết sức kính trọng. Nhưng một thời gian sau quốc vương bỗng dưng trở nên nhạt nhẽo. Ban Siêu họp ba mươi sáu người đi theo ông, nói: "Quốc vương Thon Thon gần đây đối với chúng ta rất lạnh nhạt, nhất định là Hung Nô phương Bắc đã phái người tới lung lạc ông ta, khiến ông ta trù trù không biết thuận tòng về bên nào. Người thông minh cần phải ở sự tình còn chưa manh nha mà phát hiện trước, hà huống sự tình bây giờ rất rõ ràng".

Lại dò theo tin tức, quả nhiên như vậy. Do đó, Ban Siêu lại nói với người của mình : "Chúng ta hiện

giờ lâm vào cảnh ngộ rất nguy hiểm. Sứ giả Hung Nô mới tới mấy ngày mà quốc vương Thôn Thôn đổi đãi với chúng ta lãnh đạm thế ấy, nếu ở lâu hơn nữa, quốc vương Thôn Thôn dám có thể trối chúng ta giao cho Hung Nô lắm. Các người nghĩ xem giờ chúng ta nên làm thế nào ?” Lúc này mọi người cương quyết theo chu trương của Ban Siêu. Ông lại tiếp tục nói : “Không vào hang cọp, sao được cọp con ? Bây giờ biện pháp duy nhất chính là đêm nay dùng hòa công đánh vào bọn sứ Hung Nô, chớp nhoáng giết chúng. Chỉ có như vậy quốc vương Thôn Thôn mới thành tâm qui thuận Hán triều”.



Trong đêm, Ban Siêu và ba mươi sáu người cùng theo ông xông vào trụ sở người hung Nô, ra sức tử chiến, lấy sức thiểu số mà thắng người Hung Nô đa số, đạt được mục đích dự định.

Người sau dựa vào truyện nầy, lấy câu nói : "Không vào hang cọp, sao được cọp con ?" làm thành ngữ để nói rõ, phạm chúng ta làm việc gì, nếu không hạ quyết tâm, không dấn thân trong nguy hiểm, không trải qua sự gắng sức gian khổ thì không thể đạt được mục đích.

## **228. MỘT CHỮ NGÀN VÀNG**

### **(Nhất tự thiên kim)**

Thời Chiến Quốc, nước Tần có một đại thương nhân tên Lã Bất Vi. Khi ông qua nước Triệu buôn bán, nghe nói Dị Nhân là cháu đích tôn của Tần Chiêu Tương Vương bị sanh cầm làm con tin ở nước Triệu, nhận thấy đây là một cơ hội có thể dùng được về sau, nên ông liền bỏ vàng bạc châu báu ra để tiến hành việc mua bán nầy. Cuối cùng ông đã đưa được Dị Nhân về nước Tần, lại còn dâng người thiếp đang có mang



cho Dị Nhân. Chẳng bao lâu thì người thiếp ấy sanh được một trai - đó là Tần Thủy Hoàng sau này.

Dị Nhân được thừa kế ngôi báu nhà Tần, ông hết sức cảm ơn sự giúp đỡ của Lã Bất Vi, nên dùng Lã Bất Vi làm Thừa Tướng, lại phong Văn Tín Hầu. Ba năm sau Dị Nhân mất, Tần Thủy Hoàng lên nối ngôi, phong Lã Bất Vi làm Tướng Quốc, và gọi là Trọng Phụ - chức cao nhất của triều đình.

Lã Bất Vi đã có tiền lại có thế, chi hiểm danh chưa có mà thôi. Bấy giờ ông ta nghe nói các nước Ngụy, Sở, Triệu, Tề có bốn công tử nổi tiếng khắp chư hầu, nên cũng học đòi mà trọng dụng kẻ hiền, thu nạp thực khách, tất cả có hơn ba ngàn. Lã Bất Vi muốn nêu danh với thiên hạ, đề lại tiếng thơm muôn đời, nên cho vời các thực khách dưới trướng, bảo họ soạn bộ sách "Lã Thị Xuân Thu", sau đó điền tên mình vào, lại đề cao bộ sách "Lã Thị Xuân Thu" ấy. Ông cho treo sách ở cửa thành Hàm Dương, mời gọi các danh sĩ trong nước đến xem và nói rằng : "Nếu người nào có thể bớt đi hay thêm vào được một chữ thì thưởng ngàn vàng". Mọi người đều sợ quyền thế của Lã Bất Vi nên chẳng ai dám sửa đổi chỉ cả, và theo đó mà danh ông được nổi lên.

Đoạn truyện trên thấy ở phần "Lã Bất Vi Truyện" trong "Sử Ký". Người đời sau dựa vào truyện

này dẫn ra câu "một chữ ngàn vàng" làm thành ngữ để hình dung giá trị cực cao của một thiên văn chương, hoặc giã đề khen một thiên văn chương đã dùng những tu từ hết sức đặc biệt và xuất sắc, từng chữ như nhả ngọc phun châu. Ví như chúng ta đã đọc được tác phẩm của một nhà văn nổi tiếng, ông ta đề xuất một phương pháp giáo dục mới chẳng những có thể nâng cao trình độ học vấn và phẩm chất của học sinh mà còn có thể giúp ích cho các giáo sư vững thêm tay nghề. Với cuốn sách có giá trị văn chương cực cao như vậy, chúng ta gọi đó là "một chữ ngàn vàng".



## **229. NĂM NGÀY KINH TRIỆU**

### **(Ngũ nhật kinh Triệu)**

Giữa năm Tuyên Đế đời Tây Hán, cướp bóc nổi dậy liên miên ở kinh đô Trường An. Bá tánh thường bị cướp, xáo trộn đến nỗi nhà nhà không yên. Lo việc trị an của kinh đô đều do Kinh Triệu Duẩn (tương đương chức thị trưởng bây giờ) phụ trách, nhưng những Kinh Triệu Duẩn đến nhậm chức ở đây thì không ai có thể dẹp yên bọn cướp được cả. Tuyên Đế nghe nói Trương Sương làm quan ở Liêu Đông là người rất giỏi, bèn gọi Trương Sương về và giao cho chức Kinh Triệu Duẩn. Trước hết ông đi sâu sát vào quần chúng, gạn hỏi ngọn ngành, biết được bọn tặc này là một tập đoàn có tổ chức, do mấy tên cầm đầu. Mấy tên đầu sỏ, bình thời chúng ra đường, thường cỡi ngựa ngồi xe, nhà cửa sang trọng, nô tỳ hầu hạ rất nhiều. Trương Sương bèn mua chuộc mấy tên đầu sỏ này, lập kế bắt trọn mấy ò cướp trong thành. Từ đó, kinh đô Trường An không còn bọn trộm cướp gây án nữa.



Trương Sương làm Kinh Triệu Duẩn được mấy năm thì bạn của ông là Dương Uân phạm tội đại nghịch nên bị giết. Nhân đó các Đại Phu trong triều tấu thỉnh với nhà vua rằng hễ ai là thân hữu của Dương Uân đang làm quan tại triều đều phải bị cách chức, do đó Trương Sương cũng không tránh khỏi vạ lây. Bây giờ, trong đám thu hạ của Trương Sương có một anh chàng phu sứ coi về các vụ án tên Nhữ Thuấn, Trương Sương bao hấn đi phá án, hấn

chẳng khứng đi mà còn nói với người ta rằng : “Ông Trương bất quá còn tại chức Kinh Triệu năm ngày nữa thôi, tôi công đầu đi phá án cho ông !?” Trương Sừng biết được, hết sức tức giận, liền kết tội Nhữ Thuấn đã chống lệnh và tổng giam vào ngục, vài ngày sau đem ra xử tử.

Truyện này thấy trong phần “Trương Sừng Truyện” của “Hán Thư”.

Người đời sau lấy câu nói : “Bất quá còn tại chức Kinh Triệu năm ngày nữa thôi, tôi công đầu đi phá án !?” của Nhữ Thuấn dẫn ra câu thành ngữ “năm ngày Kinh Triệu” để chỉ việc không yên ổn trong chức vị làm quan, hay chức vị khó có thể kéo dài, tức là sự tình không làm lâu dài, một là bị bãi chức, hai là xin nghỉ việc. Ví như một viên chức làm việc ở một công ty nọ, bữa nay thì đi trễ, ngày mai thì về sớm, làm việc không một trách nhiệm, như vậy nhất định không thể làm lâu dài được, chúng ta có thể nói : “Người này làm việc như vậy, bất quá chỉ *năm ngày Kinh Triệu* nữa thôi, đâu làm lâu dài được !”

## **230. OANH OANH LIỆT LIỆT**

**(Oanh oanh liệt liệt)**

Câu thành ngữ “oanh oanh liệt liệt” này nguyên lai là do hai từ “oanh oanh” và “liệt liệt” tạo thành. Từ “oanh oanh” dùng để hình dung tiếng xe tiếng ngựa rập rình hoặc hình dung các thứ tiếng nổ to, có thanh thế lan rộng. Ở “Thục Đô Phú”, một trong “Tam Đô Phú” của Tã Tư, một học giả uyên thâm nổi danh triều Tấn có câu : “Xe mã rập rình, oanh oanh sấm động”, đây chính là nghĩa gốc của từ “oanh oanh”, ý nói : ngựa xe dập dồn, tiếng vang như sấm. Tiếng xe, tiếng sấm, tiếng băng vỡ,... nói chung đó là tiếng chi những thanh âm to lớn. “Liệt liệt” dùng để hình dung sức lửa cháy mạnh, lưỡi lửa bốc cao, ánh lửa xán lạn. Thiệu “Trường Phát” của “Thương Tung” trong “Kinh Thi” có ngữ “liệt liệt như lửa”.



Hai từ “oanh oanh”, “liệt liệt” được dùng chung với nhau không phải là một sự ngẫu nhiên, mà vì “oanh oanh”, “liệt liệt” đều mang dáng dấp của một sự lớn đầy, tráng lệ và uy vũ. Văn Thiên Tường triều Tống, trong bài từ “Thẩm Viên Xuân” đề ở miếu trung thần Trương Tuấn đã vì triều Đường mắng giặc mà chịu chết, có câu : “Mắng giặc Trương Tuấn, đồng tâm Hứa Viễn, đều được tiếng thơm muôn thuở. Khí tiết đó, sau này chưa có hai, và cái cứng rắn ấy là phải

trăm tôi ngàn luyến. Nhân sinh tại thế như ánh chớp qua mau, thật là một trường oanh oanh liệt liệt. Kẻ bán nước đương thời đã cam tâm hàng giặc, bị người đời nguyên rủa, sao được tiếng thơm ?....”. Trong bài từ này, từ “oanh oanh liệt liệt” được Văn Thiên Tường dùng để ca tụng chánh khí bất khuất và uy vũ của Trương Tuấn (cả Hứa Viễn), cũng là bộc lộ sự chính đại quang minh, tinh thần dân tộc sáng ngời của chính Văn Thiên Tường.

“Oanh oanh liệt liệt”, câu thành ngữ vô cùng xuất sắc, tuy là điệp từ, nhưng nó hợp thành một thể hết sức sít sao ! Nó có thanh, có sắc, có quang, có thế, có uy. Hình tượng sấm xuân chớp nhoáng, lửa cao ngun ngút, muôn ngựa chạy bay, sóng to ngất trời, thứ oai thanh sống động và cường liệt ấy như một thứ ngôn ngữ tuyệt vời, trên đời này e không lời nói hay văn chương nào có thể sánh kịp. Phạm vi ứng dụng câu thành ngữ này rất rộng, có thể dùng để hình dung nhân dân của một nước đều đồng tâm hiệp lực trong một khí thế sôi động. Hoặc đề chỉ thanh thế lớn mạnh và đẹp đẽ của quốc gia trong sự kiến thiết đang tiến bước đi lên. Hoặc như dùng nó để khuyến khích người khác nên tạo lập một sự nghiệp “oanh oanh liệt liệt” v.v....



## 231. CHIA HAI PHẦN TRĂNG SÁNG (Nhị phân minh nguyệt)

Đời Đường có một nhà thơ tên Đỗ Mục. Ông rất nổi tiếng với bộ “Thông Điển”. Đỗ Mục có rất nhiều bài thơ hay, người đời sau xưng tụng thi thánh Đỗ Phủ là Đại Đỗ thì cũng xưng tụng Đỗ Mục là Tiểu Đỗ. Trong thi tập “Phản Xuyên Tập” (cả thảy 22 quyển) của Đỗ Mục có một bài thơ, trong đó có hai câu viết thế này :

*Thiên hạ ba phần trăng sáng tỏ*

*Hai phần đã trải tại Dương Châu*

(Thiên hạ tam phân minh nguyệt dạ, nhị phân minh nguyệt tại Dương Châu)

Vì sao ông phải nói trăng sáng của thiên hạ chỉ có ba phần mà vùng đất Dương Châu đã chiếm trọn hết hai phần? Vì đất Dương Châu vào đời Tùy, đời Đường là nơi rất phồn hoa đô hội.



Vào thời cổ đại, Dương Châu tuyệt không phải là một huyện như bây giờ, mà theo “Vũ Cống”, nó là một trong chín châu (lúc vua Hạ Vũ trị thủy, chế định chín châu địa lý). Bây giờ, chẳng những dải Hải Hoài được gọi Dương Châu, mà dải Giang Nam cũng kêu Dương Châu. Thời Chu Tần, các tỉnh Giang Tô, An Huy, Giang Tây, Triết Giang và Phước Kiến bây giờ đều thuộc Dương Châu. Giữa năm Đông Hán, khi Tùy Văn Đế thống nhất Nam Bắc mới đổi Dương

Châu làm một huyện, và cũng chính là Dương Châu hôm nay. Vì Dương Châu là yếu đạo vận chuyển đường thủy mà cũng là trục lộ giao thông Nam Bắc nên các triều đại Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều lấy nó làm trung tâm. Lúa gạo, muối, hàng hóa của các tỉnh miền Giang Nam đều mượn nó làm trạm chuyển vận. Rốt lại, Dương Châu là khu hết sức phồn hoa, sầm uất. Nói : “Thiên hạ ba phần trăng sáng to; hai phần đã trải tại Dương Châu” cũng chính là để hình dung sự phồn thịnh của Dương Châu, đã chiếm hai phần ba phong quang của thiên hạ.

Người đời sau biến hai câu thơ trên làm thành câu thành ngữ “chia hai phần trăng sáng” để chỉ sự phồn hoa của một phần đất nào đó trong nước, hoặc của cả thế giới. Ví như chúng ta nói : “Nước Việt Nam cực kỳ phồn hoa, riêng vùng Đông Nam Á mà nói, nước ta có thể xưng là “hai phần trăng sáng”. Lại có khi chúng ta cũng có thể lấy câu thành ngữ này để chỉ vùng đất sinh sản nhân tài, ví như nói : “Đất này thật lắm nhân tài, có thể nói nơi đây đã *chia hai phần trăng sáng*”.

## **232. CON ĐƯỜNG TẮT CHUNG NAM**

### **(Chung nam tiếp kính)**

Đời Đường có một chàng tên Lư Tàng Dụng, sau khi thi xong thì rất muốn được làm quan ngay, chàng ta bèn nghĩ ra một cách “lấy thoái làm tiến”. Chàng ta đi vào núi Chung Nam, vùng phụ cận Trường An để ẩn cư. Người bấy giờ có một thứ quan niệm lạ lùng, họ cho rằng hễ đã là kẻ ở ẩn thì nhất định là cao nhân, hẳn là một người có học vấn mà chẳng màng công danh phú quý. Cho nên, Lư Tàng Dụng vừa đến ẩn cư trong núi Chung Nam thì lập tức được các công khanh trong thành Trường An chú ý. Không lâu sau, họ mang lễ vật tới, mời hẳn xuống núi làm quan to.

Sau đó, có một người tên Tư Mã Thừa Trinh cũng ẩn cư trong núi Chung Nam và ông cũng được công khanh đương triều mời ra làm quan. Nhưng Tư Mã Thừa Trinh lại là người ưa đạm bạc, không chịu nhận quan tước. Ở Trường An được ít hôm, ông ngộ ý

muốn trở về núi. Lư Tàng Dung đưa ông ra khỏi thành, chỉ núi Chung Nam mà nói : “Trong ấy cũng có cái hay hay !” Tư Mã Thừa Trinh cười nhạt và nói: “Theo tôi thấy, núi Chung Nam chỉ là con đường làm quan tắt mà thôi !” Lư Tàng Dung biết câu nói này hàm ý mỉa mai nhạo báng hẳn, cho nên chẳng khỏi nộ khí xung thiên, nhưng lại không làm gì ông được. (Xem truyện Lư Tàng Dung trong Đường Thư).



Săn lấy công danh mà phải nghĩ ra cách như vậy kể ra cũng lắm công phu. Tuy hoàn cảnh buộc vậy, nhưng dù sao cũng không được đường đường chính chính lắm. Về sau, câu “con đường tắt Chung Nam” được dùng làm thành ngữ để chỉ một cách săn lấy công danh phú quý. Nhưng hiện nay, khi chúng ta ứng dụng thành ngữ này, đã không còn chuyên chỉ về phương cách của người muốn ra làm quan nữa. Phàm lấy bất cứ cách nào để đạt mục đích đều có thể gọi đó là “con đường tắt Chung Nam”. Có điều cần nói rõ, vì bản thân của câu thành ngữ này mang tính châm chích sâu cay cho nên người và việc được nói tới không phải là người chánh trực, không phải là việc ngay thẳng. Khi sử dụng nó cần thận trọng, nếu dùng bừa bãi, chẳng những không thích hợp mà còn đắc tội với người khác. Ví như viên chức của một công xưởng nọ không chứa một thủ đoạn nào để nịnh bợ giám đốc hòng được lên lương, chúng ta có thể nói người này thực hành “con đường tắt Chung Nam”. Nhưng nếu người này năng nổ làm việc, tất cả vì lợi ích của cả công xưởng, mong đem lợi ích cho mọi người, và anh đã được mau chóng lên lương thì ở đây ta không thể lấy câu “con đường tắt Chung Nam” mà nói anh ta được.

## **233. CÒ NGHÊU TRANH NHAU**

### **(Duật bạng tương tranh)**

Hai nước Yên, Triệu thường xảy ra chiến tranh liên miên, hết tháng này đến năm nọ, làm cho sinh linh đồ thán.

Nước Yên có một người tên Tô Đại xin ra mắt Yên Huệ Vương, nói : “Lần này lặn lội tới đây, giữa đường khi qua sông Dịch, thần thấy có một con nghêu đang há miệng hứng ánh sáng mặt trời bên bờ sông. Chợt lúc ấy có một con cò bay tới, mổ lấy thịt con nghêu. Con nghêu tức thời khép hai vỏ cứng của nó lại, kẹp chặt lấy mồi cò. Hai bên cứ giằng co ghì kéo một hồi. Rốt lại cò nói với nghêu : “Bữa nay mày không há miệng, ngày mai mày không há miệng, thì mày sẽ thành con nghêu thúi thối”. Con nghêu cũng nói lại : “Bữa nay mày mồm rút ra không được, ngày mai mồm mày cũng rút ra không được, thì mày sẽ thành con cò chết thối” Hai con lại cứ lòi lòi kéo kéo, không con nào nhường nhịn con nào. Bây giờ, kíp lúc có một ngư ông đi tới, thuận tay bắt cả

hai con bọ vô gió. Hiện tại, nước Triệu lại sắp đánh nước Yên, nếu hai nước cứ chiến tranh dai dẳng thì bá tánh cả hai bên đều thọ khổ, và như vậy có khác chi cò nghêu tranh nhau không thôi. Thần e sợ nước Tần hùng mạnh đang ngấp nghé dòm dò, rồi họ sẽ đóng vai ngư ông, thừa cơ tiêu diệt cả nước Yên và nước Triệu mà thôi". Yên Huệ Vương nghe nói mấy lời này, cảm thấy rất hợp lý, liền phái Tô Đại làm sứ giả sang nước Triệu nói chuyện hòa giải.





Người đời sau lấy câu truyện Tô Đại mà dẫn thành “cò nghêu tranh nhau” hoặc “cò nghêu giằng nhau” (Duật bạng tương tri) làm thành ngữ để chỉ sự bất hòa giữa hai bên, cứ mãi giằng co tranh nhau không thôi mà để cho kẻ thứ ba thụ lợi. Truyện này rất có ý nghĩa giáo dục. Nó dạy anh em, bạn bè phải xử sự tốt với nhau, đừng vì một chuyện xích mích nhỏ nhặt mà sanh ra tranh giành mãi, chẳng thế sẽ là cái dịp cho kẻ thứ ba có dã tâm nhảy vào hưởng lợi. Ấy là “cò nghêu tranh nhau, ông câu được lợi” vậy.

## **234. MỘT NÓNG MUỖI LẠNH**

### **(Nhất bộc thập hàn)**

Thời Chiến Quốc, bách gia tranh tiếng, việc du thuyết hết sức thịnh hành. Một kẻ sĩ đi du thuyết chẳng những phải có học vấn rất cao, sự hiểu biết thật dồi dào mà còn có sự nhạy bén để đưa ra những ví dụ sâu sắc, sinh động, để khuyên và làm xiêu lòng người chấp chính một cách đột xuất. Mạnh Tử cũng là một biện sĩ nổi tiếng thời bấy giờ. Ở thiên “Cáo Tử” trong sách “Mạnh Tử” có đoạn truyện thế này :



Mạnh Tử thấy sự tối tăm, làm việc không có tính kiên trì, cả tin theo ke dua nịnh của vua Tề, bèn không ngại ngần nói với ông : “Vương há không phai không biết, tuy trên đời có sinh vật mà sức sống của nó rất mạnh, song ngài bắt nó một ngày phơi nắng rồi lại mười ngày ủ lạnh thì dù nó mạnh cách nào cũng không thể sống được ! Thời gian thần ơ bên Vương rất ngắn ngủi, cho dầu Vương có một chút quyết tâm hướng thiện, nhưng một khi thần xa

Vương thì gian thần lại tới dụ gạt Vương, Vương sẽ tin nghe theo lời của chúng, thế thì thần biết phải làm sao ?” Đoạn, ông lại đưa ra một ví dụ sinh động : “Đánh cờ, xem ra là một chuyện nhỏ, nhưng già sử Vương không chuyên tâm trí chí thì sẽ chơi không hay, đánh không một ván thắng. Dịch Thu là tay cờ cao của cả nước, ông ta có dạy hai học trò, một đứa thì chuyên tâm trí chí, mỗi mỗi đều nghe theo sự chỉ dẫn của Dịch Thu, một đứa thì ngó mông trông ngổng bay trên trời, dợm lấy tên bắn ngổng. Hai đứa tuy cùng học một thầy, thế mà thành tích của đứa sau thì tệ hẳn hơn đứa trước nhiều. Ấy không phải do sức nhớ của chúng có sự khác biệt, mà trình độ chuyên tâm không như nhau !”

Truyện trên đây có một ý nghĩa giáo dục rất lớn, chúng ta học bất cứ điều gì, làm bất cứ điều gì, nếu không chuyên tâm trí chí, không khổ tâm gắng sức thì không việc gì thành tựu. Ví bằng hôm nay làm qua loa lấy lệ rồi bỏ đi, cách mười ngày sau mới làm lại, thế thì sự tình sao có thể làm tốt cho được ?

Người đời sau lấy câu Mạnh Tử nói : “Một ngày phơi nóng, mười ngày ừ lạnh” giản lược thành “một nóng mười lạnh” làm thành ngữ để chỉ sự học hành, làm việc tùy hứng. Ví như có một học sinh học hành rất tùy tiện, thời gian học tập thì ít mà thời

gian bỏ phí thì nhiều. Chúng ta có thể nói đó là cái cách học “một nóng mười lạnh”, chẳng bao giờ nên trò trống gì.

## **235. KHÔNG CÁNH MÀ BAY**

### **(Vô dục nhi phi)**

Thời Xuân Thu, Tể Hoàn Công chuẩn bị đến đất Phi (tức Yên Đài ở Sơn Đông) gần Đông Hải để thưởng ngoạn biển hồ, lại theo đường thủy đến Lang Gia (tên núi mé đông nam huyện Chư Thành tỉnh Sơn Đông) ở phương Nam để ngắm cảnh. Bấy giờ có người nói mĩa rằng : “Cuộc xuất du của Hoàn Công lần này có thể sánh với cuộc xuất hành của hiền quân đời trước”. Hoàn Công nghe được, bèn hỏi Tể Tướng Quan Trọng của ông : “Ta có đức năng chi mà có thể so với hiền quân đời trước ?” Quan Trọng nói với Hoàn Công : “Cuộc xuất du của quân vương có hai mục đích : một là đi ra để xem xét việc nông tang, quan tâm đến sinh hoạt của bá tánh; một là đi ra ngoài săn bắn, ngắm cảnh tìm vui, quên cả việc trù

về. Tính chất xuất du của hiền quân đời trước thuộc về mục đích trước chứ không phải mục đích sau”.



Tê Hoàn Công nghe lời giải thích của Quân Trọng, cảm thấy rất có ý tứ và chuẩn bị bắt chước làm theo hiền quân. Tiếp đó Quân Trọng lại nói : “Không cánh mà bay, tiếng đồn vậy”. Ý câu này nói : lời nói thoát ra cửa miệng, chẳng khác gì một vật không cánh mà có thể bay, cho dầu ngoài nghìn dặm cũng có ảnh hưởng. Ấy nhằm chỉ một lời nói, một hành động

của quân vương có ảnh hưởng rất lớn, khuyên Hoàn Công nên thận trọng. Hoàn Công nhút nhút nghe theo (xem thiên “Giới” trong “Quân Tử”).

Câu nói : “Không cánh mà bay, tiếng đồn vậy ” của Quản Trọng rất giàu hình tượng nên người sau lấy đó làm thành ngữ để chỉ sự truyền bá lan rộng của lời nói, văn tự. Ví như một quốc gia bị xâm lược, sau này kẻ xâm lược đã bị đánh bại, tin này bay mau ra khắp nước, khắp thế giới. Như vậy cũng có thể gọi là “không cánh mà bay”.

Câu thành ngữ “không cánh mà bay” với câu “chẳng giò mà chạy” (bất hình nhi tẩu) có chỗ không giống nhau. “Chẳng giò mà chạy” là ý nói về học vấn, văn chương, kỹ thuật rất nhanh chóng được người truyền tụng, học tập và chỉ thịnh hành nhất thời. Cho nên khi vận dụng, cần nên phân biệt.

Lại thêm, câu thành ngữ “không cánh mà bay” có khi chuyển ra câu “chẳng cánh mà bay”, thường dùng để chỉ một món đồ vật bỗng dưng bị mất. Ví như bạn nọ tìm kiếm mãi cuốn truyện mới để đó mà đã mất tiêu, cậu ta có thể nói : “Cuốn truyện này thiệt là *chẳng cánh mà bay*, không biết đã thất lạc đi đâu ?”

## **236. MỘT THƠM MỘT THỐI**

**(Nhất huân nhất du)**

Thời Xuân Thu, Tấn Hiến Công muốn lập Ly Cơ làm phu nhơn bèn sai người dùng mai rùa để bói, kết quả ra quẻ xấu; sau đó ông ta sai dùng cỏ huân để bói, kết quả lại ra quẻ tốt. Hiến Công nói : “Thế thì y theo quẻ cỏ huân vậy.” Thấy bói nói : “Không thể được ! Vì quẻ có nói : thay đổi, có gây rối, một thơm một thối, mười năm còn lại thối.” Ý nói Hiến Công yêu Ly Cơ thái quá, tất sắp có thay đổi Thái Tử. Hiến Công vốn đã có ba người con trai, tức Thái Tử, Trùng Nhĩ và Di Ngô. Bây giờ ông sùng ái Ly Cơ thì nhất định ông sẽ dần bớt thương đám con dòng chánh mà sẽ san tình thương về phía đám Ly Cơ. Như vậy, đám người tốt và đám người xấu không thể sống yên với nhau. Cho dù trải qua mười năm dài, cái xú khí (chỉ tội ác mà Ly Cơ đã tạo nên) vẫn trừ không sạch. Bây giờ Tấn Hiến Công nhất tâm yêu Ly Cơ, cho nên chối bỏ lời khuyên cáo của thầy bói, cứ lập Ly Cơ lên làm phu nhơn.



Về sau, quả Ly Cơ ráp tâm lập con nàng là Hê Tê lên làm Thái Tử, nàng liên kết với bọn quan sử nội đình, lập kế mưu hại Thái Tử. Tuy Thái Tử đã trốn đến Tân Thành, nhưng vẫn bị giết chết; Trùng Nhĩ và Di Ngô hoảng sợ, theo đó liền bỏ chạy sang nước khác. Nhưng khi Hiến Công mất, Hê Tê cũng bị các đại thần giết chết. Chính cuộc nước Tấn luôn xáo xáo hơn mười năm, quả là trùng hợp với quẻ đã báo trước.



Truyện này thấy trong “Tà Truyện”.

“Một thơm một thối” cũng giống như một thiện một ác, một tốt một xấu, tuyệt bất tương đồng, không thể đề cập hay bàn cùng một lúc. Ví như một bên là bọn học sinh ham gây gỗ, làm điều xấu, còn một bên là những học sinh ngoan ngoãn, thường làm việc tốt, như vậy hai bên tuyệt bất tương đồng, không thể hợp nhau được. Trường hợp này chúng ta có thể lấy câu “một thơm một thối” để chỉ. Lại như trong xã hội, kẻ thiện người ác khó có thể đi chung, chúng ta cũng có thể nói : “Trong xã hội này *cái thơm cái thối* sao mà ở chung cho được ?”

Khi ứng dụng cần nhớ rõ tính chất câu thành ngữ này là chỉ một tốt một xấu, chứ không chỉ một thắng một bại. Ví như việc hai đội bóng tranh nhau thắng bại, hoặc nói về thành tích giỏi dở của hai nhóm học sinh mà dùng câu “một thơm một thối” thì chẳng những đáng cười mà còn sỉ nhục người. Vậy không thể dùng lầm lẫn được.

## **237. NHỜ NGƯỜI MÀ THÀNH VIỆC**

### **(Nhân nhân thành sự)**

Thời Xuân Thu, có lần nước Triệu bị nước Tần vây khốn. Bình Nguyên Quân, tướng Triệu, phụng mệnh đi liên lạc với nước Sở cùng tìm cách đối phó với nước Tần. Sau khi Bình Nguyên Quân đến nước Sở, đã cùng hai mươi quan viên tùy tùng đàm phán với Sở Vương. Nhưng từ sáng sớm bàn đến giữa trưa mà sự việc vẫn chưa ngã ngũ vào đâu. Đám tùy viên bèn cử ra một người tên Mao Toại, kêu ông bước tới trước để tham gia cuộc đàm phán. Mao Toại án kiếm bước lên bực thêm, nói : “Sự quan hệ lợi hại mà chúng ta liên hợp đánh lui nước Tần này là hết sức minh bạch, chỉ cần nói một vài câu là có thể giải quyết ngay. Thế sao bữa nay, từ sáng sớm cho đến trưa trời như vậy mà vẫn chưa có một quyết định dứt khoát, vậy là vì cố gì ?” Sở Vương nghe nói thật hết sức không vui, ông trách Mao Toại không nên xen vào. Mao Toại án kiếm lên, nói : “Đại Vương trách tôi, phải chăng là ý vào nước Sở người đồng ? Nhưng bây

giờ chỉ cần trong vòng mười bước, tôi có thể khiến ngài không còn là vua nước Sở nữa, tánh mạng ngài treo trên tay tôi.... Lấy cái cường thịnh của nước Sở đánh một trận với tướng Bạch Khởi nước Tần mà đã mất đi hai đất Yên, Dĩnh; lại đánh một trận nữa thì Di Lăng bị thiêu sạch, đến trận thứ ba thì đã làm nhục tới tiên nhân, đây là điều mà trăm đời sau còn oán hận ! Bây giờ nước tôi liên hợp với nước ngài, chẳng phải là vì nước ngài rửa hận đó sao ? Há chẳng chỉ riêng vì nước Triệu !”



Rốt lại, vua Sở đã bị Mao Toại thuyết phục, và đã cùng Bình Nguyên Quân cắt huyết ăn thề, Mao Toại cũng ký tên. Cuối cùng ông nói với những tùy viên kia : “Các người cũng cùng ký tên vào đi ! Các người là tùy tòng, nhưng nhờ người khác mà thành việc vậy.”

Đoạn truyện này trích từ trong “Sử Ký”. Người đời sau lấy lời cuối cùng của Mao Toại dẫn ra câu thành ngữ “nhờ người mà thành việc”. Ý nói : chính mình không thể tự làm được việc, mà phải hoàn toàn nhờ vào sự nỗ lực của người khác mới thu được thành công.

## **238. MẮT ONG TIẾNG SÓI**

### **(Phong mục sài thanh)**

Trong “Tả Truyện” có câu truyện thế này :

Thời Xuân Thu, Sở Thành Vương định lập đứa con lớn là Thương Thân làm Thái Tử, nhưng

nhất thời chưa có quyết định, bèn tìm Lệnh Doãn (tên quan, tương đương Tế Tướng) Tử Thương để hỏi ý kiến. Tử Thương nói : “Bây giờ Đại Vương còn rất trẻ, tình cảm thương con cái còn chưa dứt khoát, nếu như sớm lập Thái Tử như vậy, e sau này tình cảm đổi thay, ngài lại phế Thái Tử đi thì rất dễ phát sinh biến loạn. Và lại, truyền thống bao đời của nước Sở ta, người chân chính kế thừa vương vị thường là con út. Riêng lấy tướng mạo bên ngoài của công tử Thương Thân mà nói, thần cảm thấy mắt của công tử hệt như mắt ong, rất đáng sợ ; tiếng nói thì mừng tượng tiếng cáo tru, thật hết sức khó nghe. Theo tướng pháp mà nói, người có hình mạo thế ấy thì rất hung tàn, nếu để làm Thái Tử, nhất định sẽ xảy ra điều bất nghĩa.

Thành Vương bất chấp lời nói của Tử Thương, vẫn cứ lập Thương Thân làm Thái Tử. Thương Thân oán hận Tử Thương đã chê mình, bèn lợi dụng cơ hội lúc đất nước có chiến tranh, ở trước mặt Thành Vương, vu cáo Tử Thương đã nhận hối lộ của nước địch. Thành Vương u mê, không cần hỏi nguyên lai căn cớ, liền giết chết Tử Thương. Về sau, khi Thành Vương hiểu rõ sự thật thì đã không còn hối kịp. Không lâu, Thành Vương lại yêu đứa con nhỏ tên Chúc, và muốn lập Chúc lên làm Thái Tử. Thương Thân bèn hợp mưu với thầy dạy là Phan

Sùng, dẫn binh vây hãm vương cung, buộc Thành Vương phải chết và tự lập mình lên làm vua, chính là Sở Mục Vương.

“Mắt ong tiếng sói” chính là thành ngữ để chỉ một kẻ có dáng vẻ rất hung ác. Mắt như mắt ong, tiếng như tiếng sói, người thế này đa số là rất tàn nhẫn !



Lời xưa có câu : “Con người không thể dựa vào tướng mạo” mà nói tướng mệnh, ấy là vọng ngôn, cho nên bản thân câu thành ngữ này chưa chính xác lắm, song lấy nó để hình dung hạng người hung ác lang độc, tàn nhẫn không còn tánh người thì rất là xác thực. Ví như khi ta hình dung một tên ác bá tàn nhẫn hại người hoặc giả một kẻ cay quyền ý thể hiếp đáp dân tình, đều có thể dùng câu “mắt ong tiếng sói” để hình dung.

## **239. DƯƠNG DƯƠNG TỰ ĐẮC**

### **(Chỉ cao khí dương)**

Thời Xuân Thu, Sở Võ Vương có người con tên gọi Khuất Hà. Lần nọ, Võ Vương sai ông lãnh quân đi đánh nước Giảo. Khuất Hà dùng kế đánh bại được kẻ địch, buộc nước Giảo phải ký minh ước dưới thành. Từ đó, Khuất Hà tự nghĩ hẳn không còn ai bằng mình nữa nên tỏ ra kiêu ngạo, tự mãn.

Chẳng bao lâu, Sở Vương lại sai ông lãnh quân đi đánh nước La. Lúc lên đường, các quan đại

thần đều ra cửa thành vui vẻ tiễn đưa, chúc ông sớm thu thắng lợi trở về. Khuất Hà kèn kiệu tự mãn, đường thê xem dưới mắt không người, ngênh đầu nói : “Quân ta hùng dũng như vậy, còn quân nước La thì quá suy nhược, chỉ cần một trận ra quân là có thể thu thắng lợi ngay”. Bấy giờ có một vị Đại Phu tên Đấu Bá Tí thấy ông có vẻ khinh địch như vậy, bèn không khỏi thở dài, nói : “Hôm nay Khuất Hà dương dương tự đắc, ngạo mạn như vậy, nhất định sẽ không am tường được phương pháp tác chiến. Lần này ra quân hẳn phải thua thôi”.

Quả nhiên, Khuất Hà ra tiền tuyến với thái độ tự cao khinh địch, không nắm vững được tình hình từng bộ phận, rốt cuộc bị nước La và nước Lư Nhung đánh tập kích hai mặt trước sau. Quân binh tức thời kinh hồn vỡ mật, hè nhau chạy tán loạn, đạp giẫm lên nhau. Thế là cả đoàn quân đều bị giết sạch. Khuất Hà cũng tự thất cổ chết.

Đoạn truyện trên xuất xứ từ “Ta Truyện”. Người đời sau lấy cái tư thái khi sắp lên đường xuất chinh của Khuất Hà, dẫn ra câu thành ngữ “dương dương tự đắc” để chỉ những kẻ ngạo mạn tự đắc, không hiểu được thực tài của mình. Trên đời này thường có những kẻ như vậy, đối với người nào, việc nào cũng không để vào mắt, chừng như trên đời này



ngoài mình ra, chẳng ai bằng mình cả, đều như vô dụng cả. Thứ tác phong tự cao tự đại này, chúng ta gọi đó là “dương dương tự đắc”. Ví như có một viên chức của một cơ quan nọ, nhân vì bình thời hấn chu toàn mọi việc cho giám đốc, thế nên nhất thời ông giám đốc rất tin cậy hấn, bảo hấn là người mẫn cán trong công việc và xem hấn đặc biệt hơn những người khác. Hấn thấy vậy bèn sinh ra kiêu ngạo, tự mãn. Viên chức này có thể gọi là kẻ “dương dương tự đắc”.

Câu thành ngữ này thường dùng chung với bốn chữ “trong mắt không người” để tăng thêm ngữ khí, càng trở nên hình tượng hóa và hoàn chỉnh hơn.



## **240. GIẾT LỢN DẠY CON**

### **(Sát trư giáo tử)**

Về sự giáo dục con cái, từ xưa ở Trung Quốc đã hết sức xem trọng. Trước “Mạnh mầu ba lần dời nhà” thì vào đời Xuân Thu, Tăng Sâm - học trò của Không Tử - một nhà đại giáo dục là người điển hình xem trọng việc giáo dục. Câu thành ngữ “giết lợn dạy con” này là do bởi truyện Tăng Sâm dạy con, được người đời sau dẫn dụng và xưng tụng.

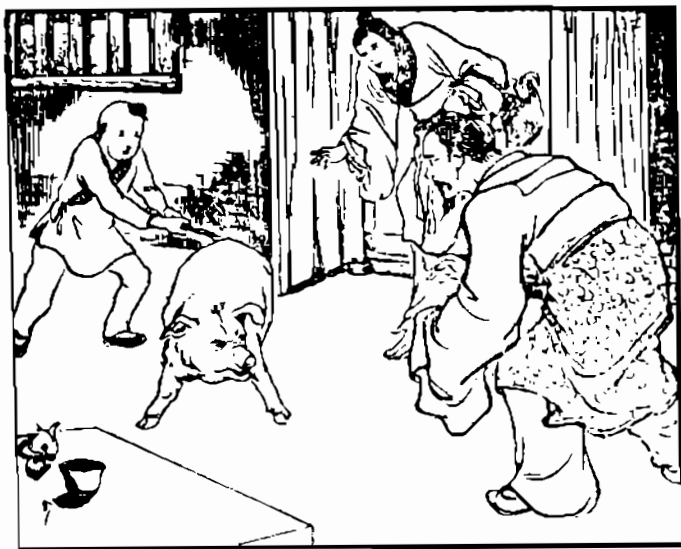
Tăng Sâm là một trong những người nổi danh nhất trong số học trò của Không Tử. Ông là người hết sức hiếu thảo, cũng là người truyền đạo của Không Tử, thuật “Đại Học”, làm “Hiếu Kinh”. Vào thời bấy giờ, ông cũng là một nhân tài lỗi lạc. Do bởi ban thân ông đã hấp thụ một nền giáo dục nghiêm cách, thế nên đối với việc dạy dỗ con cái, ông hết sức xem trọng.

Lần nọ, vợ của Tăng Sâm có chuyện cần ra chợ, đứa con nhỏ biết được, bèn cũng muốn theo mẹ cùng đi. Vợ Tăng Sâm không ưng cho con đi, nên gạt nó, bảo : “Con ở nhà ngoan nhé ! Đợi mẹ về, mẹ mổ lợn cho con ăn”. Đứa bé nghe nói vậy, liền ngoan ngoãn ở nhà, không đòi theo nữa. Được một lát, bà trở về, vừa xô cửa bước vào, đã thấy chồng và đứa con đang ví bắt con lợn nuôi trong nhà. Điều này khiến bà quýnh lên, bà xô đứa bé sang một bên, nói với chồng: “Lời nói hồi nãy chẳng qua tôi xí gạt con đó thôi, sao ông lại cho là thật ?” Tăng Sâm thông thả nói : “Nói đùa con trẻ phải liệu chừng mà nói, không phải hứng lúc nào nói bừa lúc đó. Con trẻ lúc nào cũng cho lời nói của người lớn là thật, bởi thế nói mới nghe lời cha mẹ, bắt chước theo việc làm của cha mẹ. Nay bà dối gạt nó, thực tế ra, ấy là bà đã dạy nó nói dối bà, bà nghĩ, cách dạy dỗ như vậy có đúng chăng ?”

Vợ ông, sau khi nghe nói vậy, thì lặng thinh không lời nào đáp lại. Rốt cuộc phải để cho Tăng Sâm giết con lợn ấy vậy. .

Người đời sau dẫn từ truyện này ra câu thành ngữ “giết lợn dạy con” để chỉ việc dạy dỗ của bậc cha mẹ đối với con cái. Một lời đã nói ra tất phải làm. Ví như vị thầy nọ luôn thi hành đúng với học trò những lời đã thốt ra, ta có thể nói : “Ông thầy đã lấy tác

phong giết lợn dạy con đề răn dạy học trò, cho nên bọn học trò đối với ông trước sau vẫn một lòng tôn kính và tin tưởng”. Câu thành ngữ này rất có giá trị về mặt giáo dục. Với trẻ con, ngay từ nhỏ, ta cần trang bị cho chúng niềm tin để chúng kính yêu mình, tôn trọng mình, học tập lấy truyền thống tốt đẹp của mình, và như vậy chúng mới có niềm tin học tập. Đằng này, nếu ta không thù tín với chúng, để chúng tập tánh nói ngoa, thì việc học tập, công tác của chúng sau này sẽ không chân thành, không một trách nhiệm, và sẽ trở nên phần tử xấu trong xã hội.



## **241. NHẮC MỘT THÀNH BA**

### **(Cử nhất phản tam)**

Trong lịch sử văn hóa Trung Quốc, Khổng Tử được coi là thánh nhân cổ đại. Chẳng những ông là nhà lịch sử học kiệt xuất cổ đại Trung Quốc mà còn là nhà giáo dục vĩ đại. Truyền thuyết nói, học trò dưới cửa của ông có hơn ba ngàn. Trong sách “Luận Ngữ” có ghi lại những cuộc đối thoại giữa ông và các học trò, có rất nhiều kiến giải về giáo dục và học tập, tới nay có thể nói đó là những tấm gương sáng rất quý giá.

Theo thiên “Thuật Nhi” trong “Luận Ngữ” : một hôm Khổng Tử nói với đệ tử : “Nhắc một góc mà không biết ba góc kia (cử nhất ngưng, bất dĩ tam ngưng phản) thì chưa được vậy”. Ý nói : ông thầy đưa ra một góc cạnh, học trò nên tự liên tưởng loại suy, hay phản chứng đến ba góc còn lại để thông suốt trọn vẹn. Nếu không dụng tâm, vận dụng linh hoạt vấn đề trong học tập như thế thì ông thầy tất không dạy nữa.



Truyền xem ra rất gian đơn song rất phong phú, thực ra đó là một cách dạy sâu sắc. Khi học tập quyết không thể “nuốt trọn trái táo” (thành ngữ), không cầu lý giải. Tuy trong sách nói vậy nhưng không phải cứ nuốt trọn như vậy, mà cần phải vận dụng trí não, dày công suy nghĩ, nghiền ngẫm, tiêu hóa cho kỹ, đạt cho kỳ được *nhức một thành ba*. Chỉ có vậy mới có thể nắm được tri thức, linh hoạt vận dụng tri thức và phát triển tri thức.

Người sau, dựa vào đoạn truyện trong “Luận Ngữ” này dẫn ra câu thành ngữ “nhắc một thành ba” để nói rõ, học cái nào cũng vậy, nên loại suy sự tình có liên quan đến với nó, đồng ý nghĩa với nó, để mà hiểu rõ hơn. Học tập mà biết suy ra những điều khác hơn, như thế có thể gọi là “nhắc một thành ba”. Có người dùng câu “nghe một biết mười” thì ý nghĩa cũng vậy thôi.

Trên đường học tập, chúng ta nên suy nghĩ, vận dụng câu “nhắc một thành ba”, nhất định nó sẽ giúp ta không ít trong sự lý luận.

## **242. RÀN TRƯỚC NGŨA SAU**

### **(Trường tiền bế hậu)**

Sau khi Vô Vương nhà Chu (vua khai quốc triều đại nhà Chu) mất. Con ông là Thành Vương kế thừa ngôi vị. Bấy giờ, vì tuổi ông còn rất nhỏ, chưa biết quân lý đại sự quốc gia nên do người chú là Chu Công nhiếp chính. Thành Vương còn có hai người chú khác nữa là Quân Thúc và Thái Thúc. Hai ông này

rất xem thường Thành Vương nhỏ tuổi, cung phát động phản loạn, toan tiêu diệt Chu Thành Vương. Truyền thuyết nói rằng, lúc Thành Vương tế lễ ở tông miếu có làm ra bài thi tụng, dùng tâm lý gây khủng hoảng và quyết tâm bình loạn đề biểu đạt lòng mình. Về sau, rốt lại đã bình được loạn và do đó đã cung cố được chính quyền nước nhà. Bài thơ này là thiên “Tiêu Bê” trong “Chu Tụng” của “Thi Kinh”, mở đầu có hai câu : “Dư kỳ trùng, nhi bế hậu hoạn”.





Ý hai câu thơ này nói : từ trong cái răn phạt, ta lấy ra sự giáo huấn, cần thận để tránh gặp phải họa hoạn khác. Người đời sau lấy hai câu thơ này nói gọn lại là “răn trước ngừa sau” làm thành ngữ dè khuyen răn người. Lấy đó nói rõ trước đã nhận sự răn phạt, nay nên nhìn cái gương xe trước mà gắng gỏi, đừng dè rơi vào vết xe cũ nữa.

Câu thành ngữ này rất có ý nghĩa giáo dục. Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, cho dù học tập, công tác, xử thế, ta thường gặp trở ngại hoặc là phạm sai lầm. Thế thì dùng câu thành ngữ “răn trước ngừa sau” để tránh những điều không tốt ấy sẽ xảy ra chính là có bệnh dùng đúng thuốc, thuốc vào thì bệnh thuyên giảm ngay. Ví như có một bạn đồng học, nhân vì hằng ngày không chuyên cần học tập, cuối học kỳ nhà trường gởi giấy báo về cho biết bạn ấy bị xếp loại yếu. Sau khi bạn này nhận biết như vậy, liền từ đó quyết tâm cố gắng. Dần dần thành tích của bạn đã có tiến bộ, sau này chẳng những bạn không bị ở lại lớp mà còn trở thành một học sinh chăm ngoan và giỏi nữa. Với tinh thần học tập thế ấy, có thể dùng câu “răn trước ngừa sau” để hình dung.

Lại như một người trong công tác phạm phải sai lầm. Vấn đề không phải ở sai lầm ấy mà quan trọng là đối với sự sai lầm ấy phải nên như thế nào ?

Một là người nầy không phục thiện để sửa chữa sai lầm, để rồi phải phạm sai lầm nữa, thậm chí từ sai lầm nhỏ trở thành sai lầm lớn. Hai là người ấy phạm phải sai lầm, liền tự xét lại việc làm của mình sai sót ở chỗ nào, từ đó sửa chữa lại cho tốt hơn, để khỏi phải sai lầm nữa. Trường hợp nầy cũng chính là “răn trước ngừa sau” vậy.

## **243. BÚT ĐỒNG HỒ**

### **(Đồng Hồ chi bút)**

Đồng Hồ là quan Sứ nước Tấn đời Xuân Thu, nhân vì ông viết sách sử không thiên lệch, không a tòng, hoàn toàn căn cứ vào sự thật mà viết nên Không Tư cũng khen ông là “nhà viết sử tốt thời cô”. Sau nầy những người cầm bút nghị luận phê bình mà lời lẽ công chính không thiên lệch, không vì cái ác cam, cái lợi hại của cá nhân mà thoát ly sự thật, ta gọi đó là “bút Đồng Hồ”.



Theo “Ta Truyện”, vua Linh Công nhà Tấn dời Xuân Thu hết sức tàn bạo, lại không tiếp nhận lời trung, đối với nhân dân chẳng một chút gì thương xót, vơ vét của cải bá tánh để cung ứng những lạc thú riêng của mình. Có lần, nhà bếp dâng cơm lên, ông cảm thấy cơm không được dẻo, liền ra lệnh giết người nhà bếp do, lại kêu nữ cung nhân lấy đất bôi lên xác và đưa ra ngoài. Nhân vì vô ý, chiếc xác bị lộ khiến cho Tề Tương Triệu Thuần phát hiện được Triệu

Thuần bèn ra mắt Linh Công, thỉnh cầu ông nên thay đổi tác phong đối đãi với người. Linh Công rất không vui, lại sai một người tên Tư Nghê ngấm đi giết ông. Tư Nghê len vào trong phủ Triệu Thuần, thấy Triệu Thuần đã dậy sớm, đang ngồi bên đèn đọc sách đề đợi trời sáng, trong lòng có mối cảm động, không nỡ hành thích nên Tư Nghê treo cổ lên cành cây tự vẫn.

Linh Công thấy Triệu Thuần chưa chết, lại mở tiệc mời Triệu Thuần, ngấm mai phục võ sĩ giết ông. May sao được kẻ tùy tùng của ông cứu được. Triệu Thuần bị bức phải đào vong. Nhưng còn chưa ra khỏi biên cảnh thì Linh Công đã bị con của Triệu Thuần giết chết. Sau khi vua mới tiếp vị, Triệu Thuần từ biên giới trở về, và vẫn giữ chức Tể Tướng. Thái Su Đông Hồ ghi vào sử chuyện này : “Triệu Thuần thí vua”. Triệu Thuần thấy vậy, nói : “Việc thí vua không phải là tôi, sao bảo tôi thí vua ?” Đông Hồ nói : “Ông làm Tướng Quốc, xuất vong còn chưa ra khỏi nước, sau khi trở về lại không giết tặc, nếu không phải là chu mưu của ông, thì có ai mà tin cho ?” Triệu Thuần nói : “Còn có thể sửa lại được chăng ?” Đông Hồ lắc đầu nói : “Đúng là đúng, sai là sai, đó là sử. Dẫu tôi có thể rơi, chứ điều này không thể sửa được !” Triệu Thuần chỉ biết thở dài mà thôi.

Câu thành ngữ này dùng để cung kính xưng tụng. Ví như tờ báo nọ không sợ quyền thế, không nhận hối lộ, y theo sự việc mà viết, y theo lẽ phải mà làm, chúng ta có thể nói : “Ngôn luận công chánh, không tư vị thiên lệch như vậy chính là *bút Đồng Hồ*, thật đáng ca ngợi”.

## 244. BỎ CÚ THEO MỐI (Xả cữu mưu tân)

Đời Xuân Thu, Tấn Văn Công bị anh em trong nước tranh đoạt vương vị nên phải lưu vong ở nước ngoài hết mười chín năm. Sau này nhờ được sự giúp đỡ của nước Tần, ông mới có cơ hội trở về nước làm quân vương. Bấy giờ nước Sở tự xưng là vương, bao nhiêu nước nhỏ khác đều hướng về Sở xưng thần. Tấn Văn Công vì muốn xưng bá chư hầu nên bước đầu đã giúp Châu Tương Vương khôi phục vương vị, bước sau mới lập uy với chư hầu. Kịp lúc bấy giờ nước đồng minh với Tấn là nước Tống bị nước Sở vây công, Tấn Văn Công bèn dùng biện pháp xâm Tào phạt Ngụy để giải vây cho Tống. (Tào, Ngụy là hai nước thần phục

638

nước Sở). Hai nước Tào, Ngụy bị nước Tấn nuốt chửng một cách dễ dàng. Sau khi nước Sở hay tin liền phái binh đến cứu, một mặt lại sai người tới gặp Tấn Văn Công nói điều phải quấy. Bảo rằng nếu sau khi Tào, Ngụy được khôi phục thì binh Sở cũng triệt thoái khỏi nước Tống. Tấn Văn Công bằng lòng nhưng ngầm xúi bả hai nước Tào, Ngụy nên đoạn tuyệt hàng giao với nước Sở.



Sau khi nước Sở biết tin, liền sai Tử Ngọc đem binh phạt Tấn, Tấn Văn Công cho quân đội lui chín mươi dặm để báo đáp lại sự ưu đãi của nước Sở đối với ông trước kia. Nhưng Tử Ngọc là người nóng nảy, cương quyết muốn đánh nhau với nước Tấn. Quân Tấn lui về đến thành Bộc, và Tấn Văn Công cũng hết sức khó tâm, ông nghe mọi người nói : “Đức hạnh quân vương của chúng ta như cỏ ở cao nguyên và đồng nội, thật tươi tốt mượt mà thế ấy, nên bỏ ân cũ với nước Sở mà kiến lập công lao mới vậy”. Rốt lại, với một trận đánh ở thành Bộc, quân của Tử Ngọc liền bị thua to, và theo đó Tấn Văn Công đã xưng bá với chư hầu.

Đoạn truyện trên xuất xứ từ “Tả Truyện”, người đời sau lấy câu nói của bộ hạ Tấn Văn Công mà nói gọn thành câu thành ngữ “bỏ cũ theo mới” để ví việc vứt bỏ kế hoạch hoặc nhân sự cũ trước kia mà theo qui hoạch mới, tạo dựng một sự nghiệp mới.

Câu thành ngữ này có tính tiến thủ, cho dù chúng ta làm việc chi, không thể khư khư giữ theo phép cũ mà không cải tiến; và phải ngày mới tháng lạ thì mới đuổi kịp theo đà tiến bộ được. Ví như khi chúng ta đang học tập, thấy phương pháp cũ đã không còn thích hợp nữa thì nên bỏ đi mà theo phương pháp mới. Học tập như thế mới có thể đạt kết quả tốt, và như thế gọi là “bỏ cũ theo mới” vậy.

## **245. ÔM CÙI CHỮA LỬA**

**(Bảo tân cứu hỏa)**

Chữa lửa tất phải cần dùng nước mới chữa được, điều này là thường thức rất giản đơn, rõ ràng. Nhưng “ôm cùi chữa lửa” thì thành ngữ này lại muốn nói : khi một người thấy nhà người ta bị cháy, lại ôm cùi nỏ tới để chữa. Như thế, đương nhiên chẳng những không thể dập tắt lửa được, mà còn khiến thế lửa càng cháy to thêm, thậm chí không thể thu dọn kịp đồ đạc trong nhà. Đoạn truyện này xuất xứ từ “Ngụy Thế Gia” trong “Sử Ký”.

Thời Chiến Quốc, phần đông nước nhỏ đều bị nước lớn tiêu diệt. Cuối cùng còn lại bảy nước lớn (Sử Ký gọi “Thất hùng Chiến Quốc”) nhưng trong đó nước Tần là mạnh nhất. Nước Ngụy thời Ly Vương, trước sau ba lần bị Tần công đánh, binh chết thành mất. Lần thứ tư, nước Tần lại xuất binh công nữa. Các nước chư hầu thấy nước Tần không ngừng tiến công Ngụy, đều vì sự an toàn của mình mà lo lắng. Do đó



các nước đều liên hợp, đầu lưng đối phó với sự xâm lược của nước Tần. Nước Hàn và nước Triệu viện trợ trước nhất, ba nước hợp binh lực kháng Tần. Nhưng kết quả vẫn bị quân Tần đánh bại. Binh ba nước chết hết năm mươi lăm vạn. Bây giờ nước Ngụy có Đại Tướng là Đoàn Vu Tử, thấy nước Ngụy bị bại nên đề nghị lấy đất Nam Dương của nước Ngụy dâng cho Tần để cầu hòa. Mưu thần Tô Đại tâu với Ngụy Vương : “Người muốn ấn Đại Tướng ấy là Đoàn Vu Tử, còn muốn đất nước Ngụy lại là nước Tần. Bây giờ cho dù Đại Vương có cắt đất cầu hòa, nhưng đất nước Ngụy còn chưa cắt hết thì chúng còn chưa thỏa lòng. Dùng biện pháp cắt đất để cầu hòa với Tần chẳng khác chi ôm cùi mà chữa lửa, cùi chưa cháy hết thì lửa vẫn chưa tắt”. Đáng tiếc vua Ngụy lần khần không dứt khoát, rốt cuộc nước Ngụy bị nước Tần tiêu diệt.

Một quốc gia cứ dựa vào việc cắt đất để cầu lấy hòa bình thì không thể lâu dài, rồi sẽ có một ngày nào đó bị diệt vong thôi. Chỉ có một mặt làm hung thịnh quốc gia, một mặt kháng cự xâm lược, mới có thể sinh tồn. Như vua Ngụy sợ thế này sợ thế kia, hy vọng cắt đất cầu hòa, nào khỏi thất bại ?

Người đời sau bèn dùng câu nói của Tô Đại mà rút gọn lại thành thành ngữ “ôm cùi chữa lửa” để chỉ những người xử sự không hợp cách, càng muốn trừ

hại thì hại cứ càng thêm lên. Ví như có một bạn đồng học nhân vì vào lớp không chịu nghe giảng, về nhà không làm bài được. Bạn ấy không chịu tìm hiểu tại sao, lại cứ loay hoay mò mẫm suốt đêm, kết quả ngày mai không còn tinh thần học tập, việc học lại càng tệ hơn, cách học thế này là “ôm cũi chữa lừa” vậy.



## 246. TÊ LỚN KHÔNG XÚNG ĐÔI (Tê đại phi ngẫu)

Thời xưa, việc hôn nhân của nam nữ phải vâng theo lời cha mẹ. Hai người phải “môn đăng hộ đối”, nếu không vậy thì việc hôn nhân không có chi phải đề cập hay bàn tới. “Tê lớn không xứng đôi” là nói : nhà cửa không xứng nhau, không thể bàn tới chuyện hôn nhân, hoặc là : hôn nhân mà nhà cửa không ngang hàng nhau thì không thể hài hòa, khó có thể đưa đến kết quả tốt. Thành ngữ này vốn xuất xứ từ “Tả Truyện : Hoàn Công năm thứ 6”.

Thời Xuân Thu, nước Tê là một nước lớn. Lấn nọ, nước Sơn Nhung (nay là dân tộc thiểu số ở phương Bắc) bỗng dựng phái binh xâm nhập vào biên cảnh nước Tê. Bấy giờ Hi Công, vua nước Tê, sai người đi qua chư hầu lân cận cầu cứu. Viện quân nước Trịnh được tin đến trước nhất. Thái Tử Hốt - con trai Trịnh Trang Công - thay nước Trịnh cầm quân. Chàng là một thanh niên mạnh khỏe lại đẹp trai, đã

đánh thắng quân Sơn Nhung khiến chúng phải bỏ chạy về nước. Hi Công đã cảm kích lại rất vừa lòng Thái Tử Hốt. Nguyên vì ba năm trước, lần đầu thoát thấy Trịnh Thái Tử, Hi Công đã có ý muốn gả đứa con gái của ông là Văn Khương cho chàng, lúc ấy Thái Tử Hốt đã chối từ cuộc hôn nhân này. Có người hỏi chàng, chàng nói : “Mỗi người đều có phôi ngẫu của mình, nhưng, nước Tê là một nước lớn, sự phôi ngẫu này thật không thích hợp với tôi vậy !” Đây là chuyện ba năm về trước. Bây giờ chàng lại đại diện Trịnh đánh đuổi Sơn Nhung, trực tiếp cứu Tê, Hi Công vì muốn thù tạc chàng, lại đem chuyện cũ nhắc lại, nhưng chàng đã cự tuyệt. Thế nên lại có người hỏi, chàng nói : “Khi trước chưa có xảy ra việc gì quan hệ với nước Tê, tôi còn chưa dám cưới công chúa nước Tê thay, bây giờ tôi phụng mệnh giúp Tê, chủ yếu là giải thoát nước Tê khỏi vòng vây của binh Sơn Nhung, nếu như tôi cưới con gái nước Tê đem về thì sẽ sanh ra sự hiềm nghi, cho rằng tôi cứu Tê chỉ vì mục đích riêng tư, ông nghĩ, bá tánh nước Tê sẽ dị nghị thế nào về tôi ?”

Ví như, ta thấy một tiểu thư con nhà giàu kết hôn với một anh chàng nhà nghèo. Khi cưới nhau rồi, có thể vì tình cảm nhất thời nên họ tỏ ra rất đầm thắm. Nhưng vì hoàn cảnh cuộc sống của hai người đã là bất đồng, và trên tư tưởng cũng có khoảng cách

không nhiều thì ít nên bấy giờ chàng gái có thể cảm thấy không hài lòng, dần dần tỏ ra kiêu ngạo và lấn lướt; chàng trai thì cũng có mặc cảm tự ti, như vậy vợ chồng rất khó hài hòa. Gặp phải tình trạng này, chúng ta có thể gọi là “Tê lớn không xứng đôi” vậy.



## 247. KỶ MINH ƯỚC DƯỚI THÀNH (Thành hạ chi minh)

Thời Xuân Thu, Đại Phu nước Sở là Thân Chu vượt qua biên giới nước Tống. Đại Tướng Hoa Nguyên nước Tống bắt ông giết đi. Sở Trang Vương và công tử Trắc hay được tin này, rất lấy làm tức giận, lập tức kéo binh tấn công nước Tống.

Quân Sở vây đánh ròng rã năm tháng trời, thế mà không hạ nổi thành nước Tống, lương thực từ hậu phương nước Sở vận chuyển tới không cung ứng đủ cho nhu cầu quân đội. Sở Trang Vương định lui binh. Bấy giờ có người hiến kế cho Sở Trang Vương, nói rằng : “Đồ thành nước Tống bị quân ta vây đã năm tháng trời, lương thảo chắc đã khô cạn. Nếu quân ta một mặt ở lại đây xây cất nhà cửa, một mặt di chuyển một phần binh trở về nước lo việc trồng trọt cấy cấy, người Tống biết được quân ta tính kế lâu dài này, ắt phải đến yêu cầu giảng hòa vậy”. Sở Trang Vương cho là phải, bèn theo kế ấy mà thi hành.



Tổng Văn Công lo sợ, Đại Tướng Hoa Nguyên muốn thâm nhập vào trại địch để hiểu tình hình cho rõ hơn. Thế nên vào một đêm tối trời, ông lén vào doanh trại Sở bắt lấy công tử Trắc, dọa rằng : “Người ‘Tống của chúng tôi thà chết chứ chẳng chịu bị bức phải ký mình ước dưới thành như thế, nếu ông bảo quân ông lui xa ba mươi dặm thì chúng tôi mới chịu giảng hòa”.

Công tử Trắc thấy tướng sĩ nước Tống có lòng dũng cảm như thế nên rất cảm động, chịu theo sự yêu cầu của Hoa Nguyên. Ông thuyết phục Sở Trang Vương lui binh ra xa ba mươi dặm, rồi cùng ký minh ước hòa hảo.

Đoạn truyện này xuất xứ từ “Tả Truyện”. Người đời sau lấy chuyện binh dịch mạnh kéo đến dưới thành, quân trong thành vô phương chống đỡ, phải chịu nhục ký hòa ước tương nhượng, gọi là “ký minh ước dưới thành”, đây là một điều rất nhục cho quốc gia. Như trong lịch sử thế giới, không ít các nước nhược tiểu bị cường quốc xâm lược hoặc già là chiến đấu mà bại, hoặc già không chiến mà hàng, cuối cùng phải ký điều khoản mất quyền nhục quốc. Tình hình thế này gọi là “ký minh ước dưới thành”.

Nhưng bây giờ khi ứng dụng câu thành ngữ này đã không đơn thuần hạn chế cuộc chiến tranh giữa hai nước. Phạm giữa hai tập đoàn trong thương trường, vì quyền lợi mà cạnh tranh, thậm chí cả tranh giải thể dục, có lúc cũng có thể dùng câu thành ngữ này để hình dung. Ví như trên thương trường, có sự cạnh tranh giữa hàng hóa cùng loại. Cuối cùng, xương ít vốn không cạnh tranh nổi với liên doanh nên phải phá sản, hay phải chịu thua mà đành hiệp thương vào liên doanh, chịu dưới quyền của đối phương và cũng có khi bị đối phương nuốt mất, thế cũng gọi là “ký minh ước dưới thành”.



## 248. MỘT NƯỚC BA VUA

### (Nhất quốc tam công)

Thời Xuân Thu, Tấn Hiến Công ơ tuổi về già mà cũng còn đi chinh phạt nước Ly Nhung. Nước Ly dâng hiến hai người con gái đẹp cho Hiến Công, một người là Ly Cơ, một người là Thiếu Cơ. Sau này cả hai người đều sanh được con trai. Ly Cơ được Hiến Công sùng ái hơn, nên muốn lập con trai mình lên làm Thái Tử. Bấy giờ Tấn Thái Tử Thân Sanh lập được nhiều công lớn, Hiến Công không lý do gì phế bỏ được, Ly Cơ liền nghĩ ra một kế, đưa Thái Tử Thân Sanh đi trấn thủ Khúc Ốc (thành lớn của nước Tấn), còn hai người con trai lớn là Trùng Nhĩ và Di Ngô thì bị phái đi giữ thành Bồ và thành Quật - cả hai thành ấy đều còn là vùng đất trống. Hiến Công sai đại thần Sĩ Vi đi xây cất thành. Sĩ Vi tới nơi, sai người dọn cây lá cất sơ sài. Có người thấy vậy hỏi : “Thành trì mà ông xây cất đó, e không được kiên cố chăng ?” Sĩ Vi cười mà rằng : “Sau vài năm, nơi này sẽ là thành của kẻ địch, cần chi phải kiên cố !” Di Ngô biết được

chuyện này, bèn tâu lại với Hiến Công. Hiến Công sai người đến trách Sĩ Vĩ. Sĩ Vĩ bèn làm một bài thơ : “Hồ cừ long tập, nhất quốc tam công, ngô thù thích tông”. Ý nói kẻ quyền quý quá nhiều, người bảo vệ người bảo khác, chẳng biết làm sao cho phai.



Đoạn truyện này xuất xứ từ trong “Tà Truyện”. Người đời sau lấy câu thơ “một nước ba vua” (nhất quốc tam công) của Sĩ Vĩ dẫn làm thành ngữ để hình dung người chủ trì chính sự quá nhiều, y kiến

xô bồ, hiệu lệnh không thống nhất, chẳng biết nên làm sao cho phải. Ví như có một công ty lớn kia, Tổng giám đốc, giám đốc và trưởng phòng, mỗi người tự ra lệnh riêng, các cấp chu quan lại làm theo ý mình. Thế này người thi hành sẽ khó khăn không biết nên làm thế nào là phải. Tình huống như vậy có thể gọi là “một nước ba vua”. Lớn thì nói một quốc gia, nhỏ thì nói một cửa hàng, nếu chính lệnh bất nhất, ý kiến quá nhiều, đương nhiên sẽ gặp rối rắm, làm không tốt một sự việc nào cả. Cho nên, thành ngữ này chủ yếu là để hình dung sự tình không tốt. Nhưng có lúc cũng có thể dùng trong lời khuyên răn, như : “Ý kiến chúng tôi là chỉ muốn có một mệnh lệnh duy nhất mà thôi, nếu *một nước ba vua* thì hy vọng thành công hết sức xa vời.”

## 249. ĐÀO NGUYÊN NGOÀI THẾ CUỘC (Thế ngoại đào nguyên)

Triều Tấn, nhà đại văn học Đào Tiềm (Nguyên Minh) có viết một thiên văn chương tựa là “Đào Hoa Nguyên Ký”, trong đó có truyện như sau :

Vào thời Đông Tấn, có một ngư phủ ở huyện Vô Lăng tỉnh Hồ Nam, ngày nọ, bơi chiếc thuyền nan dọc theo một khe nước nhỏ để bắt cá. Càng đi càng xa, ông lạc mất phương hướng lúc nào không biết. Chợt ông thấy một rừng hoa đào. Cách bờ vài dặm đường, hoa đào rộ đỏ một màu tươi đẹp, càng nhìn càng vui mắt. Ông bơi một mạch hướng về phía trước, thì ra đây vốn là một sơn động, ánh sáng rọi xuyên suốt vào trong. Lão lấy làm lạ, lại cho thuyền tiến sâu vào, chẳng bao lâu tới một vùng đất thật rộng thênh thang, những cánh đồng xanh trải dài, cây trái sum suê, hồ ao trong leo leo, nhà cửa lớp lang, thức ngon gạo trắng khắp nơi, trâu, heo, gà, vịt thành bầy. Đám người già nhàn tản nằm phơi mình tắm nắng; dưới ánh mặt trời bọn trẻ tung tăng nô đùa; tốp nông dân ngoài đồng đang làm việc; mấy chị phụ nữ ở nhà canh cuội. Thật là một cảnh yên nhàn, êm đềm tuyệt đẹp.

Khi thôn dân phát giác vị này là khách từ bên ngoài đến đây, họ đều tranh nhau dâng rượu và thức ăn ề hề khoản đãi ông. Họ lại còn nói với ông, vào triều Tấn, lúc đại loạn, tổ tiên của họ trốn vào đây để lánh họa chiến tranh. Về sau không người nào muốn trở về ca. Ông lão đánh cá bèn kể lại cuộc chiến loạn giữa Tấn, Hán, Ngụy, Tấn cho họ nghe, mọi người đều không khỏi cảm khái, phai buồn tiếng thở dài.



Thế rồi, ông lão đánh cá trở về nhà, sau này ông muốn đi tìm lại, song không biết con đường đưa đến động “đào nguyên ngoài thế cuộc” là đâu nữa.

Người đời sau lấy truyện của Đào Tiềm dẫn ra câu thành ngữ “đào nguyên ngoài thế cuộc” để hình dung một vùng đất tốt, cách ngăn với thế cuộc, không gặp phiền nhiễu quấy rầy, có thể đem lại cuộc sống nhàn nhã chẳng âu lo, chẳng vướng bận.

Trên đời, cái quý nhất chính là chúng ta an cư lạc nghiệp. Cuộc sống yên lành tuy hết sức bình thường, song đối với những người thường sống trong chiến loạn, cuộc sống không yên, thì có thể nói, với họ “đào nguyên ngoài thế cuộc” ấy là vùng đất tốt không loạn lạc !

Ngoài ra, nếu chúng ta thấy ở một nơi nào đó mà phong cảnh đẹp dễ hữu tình, cuộc sống người dân yên ổn, thì cũng có thể nói đây là “đào nguyên ngoài thế cuộc”.

## **250. BẮT HỔ VƯỢT SÔNG**

### **(Bạo hổ bằng hà)**

“Bắt hổ vượt sông” có thể ví là chi bằng vào hai tay không mà đấu với cạp hoặc chẳng nhờ thuyền mà có thể đi trên sông. Tay không đấu với cạp, chẳng dùng thuyền mà đi trên sông đều là cách làm hết sức nguy hiểm, tuy biểu thị sự dũng cảm của mình, song người trí thì không ai làm như thế cả.



Nguồn gốc câu thành ngữ này xuất từ thiên “Thuật Nhi” trong “Luận Ngữ” : một hôm, Khổng Tử trò chuyện cùng hai người đệ tử là Nhan Hồi và Tử Lộ. Khổng Tử nói với Nhan Hồi : “Khi người ta dùng thấy thì thấy ra giúp, khi người ta bỏ thấy thì thấy ẩn mình, chỉ có thấy và con mới có thể làm như vậy.” Tử Lộ thấy Khổng Tử khen Nhan Hồi bèn không vui, rất không phục hỏi Khổng Tử : “Thưa thầy, nếu thấy dẫn quân đi đánh giặc, thì thấy kêu ai

cùng đi ạ ?” Ý câu nói là tỏ ra mình rất dũng cảm. Không Tử nói : “Bắt hổ vượt sông chết mà không hối, ta không vậy; đừng việc răn lòng, định mưu mà thành, ta như vậy”. Ý nói : tay không bắt hổ, chân trần qua sông, đến chết không ân hận, hạng người ấy ta không kêu đi cùng; khi nhất định phải đánh nhau, người có sự cảnh giác tính toán, cần bàn kỹ và tin vào sự thành công mới làm, ta sẽ kêu y đi cùng.

Trong đám học trò của Không Tử, Tử Lộ là người dũng cảm nhất, lời nói của Không Tử nhằm có ý nhắc nhở Tử Lộ, không thể chỉ chuyên dựa vào lòng gan dạ ấy mà hành sự. Khi xử lý một vấn đề, còn phải dùng đến đầu não trí tuệ nữa. Người có thể bắt hổ hay đánh chết nó; người có thể qua sông mà không nguy hiểm, nhưng hết cần tính toán chủ và khách quan, không thể cứ ý vào cái mạnh nhất thời mà làm một cách hồ đồ. Nếu không tính kỹ, chưa chắc bắt được hổ, chưa chắc qua được sông mà nhiều khi có thể bị cộp giết hoặc bị chết chìm....Người đời thấy ai chỉ dùng sức mạnh mà không dùng tới trí óc để giải quyết vấn đề, thì gọi cách làm đó là “bắt hổ vượt sông”.

Đương nhiên, chúng ta dứt khoát không thể phụ nhận lòng dũng cảm trong việc xử sự vấn đề, bởi dũng cảm có thể khiến chúng ta tiến thu, dũng cảm có thể khiến chúng ta thành công; nhưng chúng ta



quyết không thể chỉ bằng vào cái đúng khi nhất thời mà không suy tính điều kiện chủ quan và tình thế khách quan, cứ nhắm mắt a vào làm càn. Nhất định cần phải suy xét, phân tích, nghiền ngẫm kỹ mới có thể tránh khỏi lời chê bai là “bắt hô vượt sông”.

## **251. THUỞ BÉ ĐÓ THỜI** **(Tiểu thời liễu liễu)**

Năm cuối triều Hán (Đông Hán), đất Bắc Hải sản sinh ra một người rất uyên bác, tên Khổng Dung, tự Văn Cũ, là cháu đời thứ hai mươi của Khổng Tử. Từ nhỏ ông rất thông minh và đã nổi tiếng trong xã hội. Khi vừa được mười tuổi, ông theo cha đến Lạc Dương (nay là huyện Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Bấy giờ Thái Thú Lạc Dương là Lý Nguyên Lễ cũng rất nổi danh, bởi vậy người tới lui trong phủ Thái Thú, ngoại trừ kẻ thân thích của ông, kỳ dư đều là những người giỏi giang lúc bấy giờ. Nếu như không phải là danh nhân tới thăm thì người gác cổng theo lệ không vào thông báo.



Khổng Dung mới mười tuổi mà đã gan mật tới thăm hỏi vị Thái Thú nầy. Ông đến trước công phủ, bảo với người khác công : “Tôi có bà con với Lý Thái Thú, xin vô thông báo giúp tôi ạ !” Sau khi người gác công đi vào thông báo, Lý Thái Thú tiếp kiến ông, hỏi rằng : “Xin hỏi, cậu và tôi có quan hệ bà con ra sao ?” Khổng Dung trả lời : “Trước kia tổ tiên tôi là Trọng Ni (tức Khổng Tử) và tổ tiên Ngài là Bá Dương (chị Lão Tử, lão Tử họ Lý tên Nhĩ, tự Bá Dương) . có sự tôn

kính của bậc thầy (Khổng Tử từng hỏi lễ với Lão Tử) thế nên tôi và ngài cũng là tình thế giao !” Bấy giờ có rất nhiều tân khách đang ngồi đó, họ Lý và tân khách của ông ngó Khổng Dung mà lấy làm ngạc nhiên. Lúc ấy, một vị Đại Phu tên Trần Vĩ kịp lúc vừa tới sau, có một người trong số tân khách học chuyện lại với ông, ông buột miệng nói : “Thuở bé đó thôi, chớ lớn lên chưa chắc giỏi giang gì !” Khổng Dung thông minh liền bác lại : “Tôi nghĩ Trần Đại Phu thuở bé chắc là thông minh lắm.” Trần Vĩ bị Khổng Dung chặn một câu, thật lấy làm khó chịu, nửa buổi nói chưa ra lời (xem : “Thế Thuyết Tân Ngữ”).

Người đời sau rút từ đoạn truyện này dẫn dụng ra câu thành ngữ “thuở bé đó thôi” để nói thuở còn nhỏ thì rất thông minh, hiểu biết rất nhiều. Nhưng, sau câu này lại có “chớ lớn lên chưa chắc giỏi giang gì” nên ý của câu thành ngữ trở thành : lúc nhỏ tuy rất thông minh, đến khi lớn lên lại chưa chắc là ke có tài. Phần trên tuy là khen giỏi, nhưng phần dưới thì lại chê bai khinh miệt người. Cho nên, khi chúng ta ứng dụng không thể dùng câu thành ngữ này để khen ngợi, chẳng thế hóa ra lại châm chích, xem thường người.

Một đứa trẻ, vốn bẩm sinh thông minh là tốt, nhưng nếu sau này không bồi dưỡng và cố gắng thêm

thì cũng sẽ trở thành một kẻ vô dụng. Rất nhiều người tự thị mình thông minh, không chịu học tập thêm nữa, rồi thì trí tuệ tới ngang đó bị dừng lại, khi lớn lên cũng sẽ trở thành người vô dụng thôi.

## **252. MỘT GÒ CHỒN** **(Nhất khâu chi hạc)**

Vào triều Hán Tuyên Đế, có một người nổi danh tên Dương Uẩn. Dương Uẩn được thụ hưởng sự giáo dục của một gia đình tốt, lại thích đọc bộ “Sử Ký” của ngoại tổ Tư Mã Thiên, ông thường có mỗi bất bình và có nhiệt tâm giúp đỡ người cùng khổ, vì vậy mọi người ai cũng đều kính trọng ông.

Dương Uẩn không sợ uy quyền của Đại Tướng Hoắc Quang, ông vạch rõ âm mưu lật đổ Hán triều của hắn ta, và tự đến báo cho nhà vua biết việc ấy, do đó ông được phong làm Bình Thông Hầu. Sau được thăng Trung Lang Tướng. Trong khi phụ trách coi sóc dân chúng phục dịch công tác, ông đã nghiêm

trách bọn quan liêu tham ô. Thế nên dân chúng rất  
ngợi khen và cảm mến ông.



Bấy giờ, trên tường trong cung điện nhà Hán có vẽ nhiều hình ảnh của các vị đế vương hiền minh trai qua các triều đại. Dương Ưn thấy thế nói với mọi người rằng : “Đã vẽ hình ảnh Nghiêu Thuấn, Vũ Thang, Văn Võ hiền minh thì cũng phải vẽ hình ảnh Kiệt, Trụ xấu xa chớ. Như vậy không tốt sao ? Gần đây vua Hung Nô đã giết oan các vị trung thần mà bị 662

người khác giết, xưa kia Tần Nhị Thế há lại không tin dùng Triệu Cao xấu xa mà phải chuốc lấy cái kết quả không tốt đó sao ? Thế mới thấy các chuyện xưa nay của các vị đế vương chẳng qua là một hạng được sinh ra và lớn lên như một lũ chồn, “một gò chồn” vậy.

Sau này, có lần Hán Tuyên Đế được nghe nói lại chuyện này, nhà vua không còn ưa thích Dương Uân nữa và rồi bãi chức ông.

Từ xưa, quân vương chỉ biết lấy cái sức mạnh để cai hóa người, chứ ít khi nghe theo người. Dương Uân chỉ bị bãi chức đã là một điều may mắn trong những cái may mắn vậy !

Nguyên văn của “Dương Uân Truyện” trong “Tiên Hán Thư” như sau : “Xưa và nay, tất cả như một gò chồn”. Người đời sau theo đó dẫn ra câu thành ngữ “một gò chồn” để chỉ không có gì khác nhau giữa đồng loại, như một loài chồn cùng sinh sống chung trong một hang núi, con nào con nấy đều y hệt nhau thôi.

Người ta sử dụng câu thành ngữ này chính là để hình dung sự vật phân diện, tức là hình dung sự vật phù định. Ví như nói, cái bọn này chuyên môn

gây gỗ sinh sự, trong bọn chúng không có một người tốt, thiệt là “một gò chôn” !

## **253. ĂN CHƠI NHƯ UỐNG LIỀU THUỐC ĐỘC (Yến an đàm độc)**

Thành ngữ này xuất xứ từ “Tà Truyện” : Lỗ Mẫn Công nguyên niên.

Thời Xuân Thu, Tề Hoàn Công làm minh chủ chư hầu, người Địch mé Đông Bắc (dân tộc thiểu số bấy giờ) xâm lược nước Hình. Trước đây, nước Hình cũng đã bị người Địch vây công hết một lần rồi, lần này lại bị vây công nữa. Bản thân nước Hình vốn không thể ngăn cản nổi sự xâm lược của nước ngoài, vì thế chỉ có cách sai người sang Tề cầu cứu. Bấy giờ nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc là Quân Trọng đang chấp chính nước Tề. Sau khi ông tiếp được công văn khẩn cấp của nước Hình, bèn tâu với Tề Hoàn Công : “Người Nhung và người Địch đều là dân tộc hung dữ như sài lang hô dòi, chúng ta không thể dè

bọn chúng thỏa mãn ý đồ được, nước Hình là hậu nhân của Chu Công, với chúng ta cùng là chư hầu của Thiên Tử nhà Chu, sự quan hệ rất là thân cận, cho nên không thể bỏ mất thời cơ cứu viện. Một quốc gia không nên chìm mãi trong sự an lạc, nếu chúng ta cứ mãi ăn chơi ngày nầy sang ngày khác thì nó sẽ tạo thành hiệu quả như uống thuốc độc, và như thế sẽ ảnh hưởng tới nghiệp bá của quân vương.....bởi vậy, tôi thỉnh cầu Đại Vương xuất binh cứu nước Hình." Hoàn Công nghe nói, cho rằng rất hợp lý, bèn xuất binh cứu nước Hình.





Người đời sau dựa vào câu nói : “Ăn chơi hết ngày này sang ngày khác sẽ tạo thành hiệu quả như uống thuốc độc, không thể cứ mãi như vậy được.” dẫn ra câu thành ngữ “ăn chơi như uống liều thuốc độc” để chỉ một quốc gia hay một người suốt năm cứ chìm đắm trong cảnh hưởng lạc dễ rồi gặp họa hoạn chẳng khác gì tự uống thuốc độc. Ví như thanh niên nọ, sống trong hoàn cảnh được gia đình nuông chiều, không lo học tập. Suốt ngày đắm chìm trong hoan lạc, thậm chí còn vào tư lâu trà điểm, khiến cho tinh thần bạc nhược, chí khí tiêu trầm, hoàn toàn đánh mất dũng khí tiến thu, tự mình không làm được trò trống gì, một khi hoàn cảnh đổi thay, bước đường bế tắc, cuối cùng chỉ còn chờ cái chết mà thôi. Tình hình như vậy, ta có thể nói : “Thanh niên này *ăn chơi như uống liều thuốc độc*, đã bước tới đường cùng.”

## 254. SỢ ĐẦU SỢ ĐUÔI (Úy thủ úy vĩ)

Thời Xuân Thu, nước Tấn và nước Sở tranh nhau làm bá chủ chư hầu. Lần nọ, Tấn Linh Công hội họp chư hầu tại đất Hổ (phía tây huyện Nguyên Võ tỉnh Hà Nam) nhưng không thấy Trịnh Mục Công (nước Trịnh nằm giữa Tấn và Sở, bấy giờ đang theo nước Tấn) tới, bèn cho vua Trịnh có hai lòng đối với Tấn. Trịnh Công Tử Quy Sanh viết một bức thư cho Triệu Tuyên Tử đang chấp chính nước Tấn, nói : “..... Vua tôi (chỉ Trịnh Mục Công) trong vòng ba năm nay, trước sau ba lần đều tới triều kiến Tấn quân, nước tôi tuy nhỏ nhưng đã làm hết sức mình với nước Tấn. Bây giờ nước Tấn các ông còn cho rằng sự bày tỏ của nước Trịnh chúng tôi chưa đủ thoả ý các ông; thế này, nước Trịnh chỉ có mất nước chứ không thể thêm thê tiết gì hơn đối với nước Tấn nữa.

Lời tục nói : “Sợ đầu sợ đuôi, còn thân thì sao?” Lại nói : “Nai chết không chọn bóng râm”.

Hoàn cảnh nước Trịnh bây giờ là thế ấy, đã sợ nước Sở càng dà, lại lo nước Tấn tập kích. Khi con nai bị người đưa tới đường cùng, thì nó không thể tự chọn một chỗ che chở an thân cho nó được. Nếu như khi nước Trịnh bị dồn ép đến hết đường chạy, thì cũng sẽ không cách chi chọn một chỗ che chở an thân. Mệnh lệnh của Tấn quân hình như không có chỗ cùng, như vậy khiến cho nước Trịnh không còn cách nào tốt hơn nữa. Vua Trịnh tôi cũng biết nước nhà sắp mất tới nơi, và chi còn cách là huy động lực lượng cuối cùng của cả nước dân ngoài biên canh đề chờ đại quân nước Tấn tới mà thôi...."



Đoạn văn trên thấy trong “Tà Truyện”. Trong bức thư của Trịnh Công Tư, câu : “Sợ đầu sợ đuôi, còn thân thì sao ?” có ý nói : một người đã sợ phần trên bị đánh, lại lo phần dưới bị hại, thế thì còn thừa ra những phần khác lại không sợ bị nguy sao ? Thế nên người đời sau dùng câu “sợ đầu sợ đuôi” làm thành ngữ để hình dung người đa nghi, việc chi cũng sợ, không dám làm, đã không dám tiến cũng không dám lùi, kết quả là không thể làm được việc chi cả. Ví như người phụ trách công ty nợ rất yếu mềm, ông ta đã sợ ông chủ trách bị, lại sợ kẻ lừa ra tiếng vào, cuối cùng khiến cho công ty rối rắm, trăm sự không thành, người thế này có thể nói là “sợ đầu sợ đuôi” vậy.

## **255. SINH SÔI RỒI RẤT KHÓ DIỆT**

**(Tư mạn nan đồ)**

Truyện này xuất xứ từ “Tà Truyện” : Ân Công năm thứ tư.



Thời Xuân Thu, Trịnh Võ Công, quân vương nước Trịnh có hai người con trai đều do Khương thị sinh. Có điều, Khương thị chỉ thương con nhỏ Cung Thúc Đoạn nên muốn Võ Công lập Cung Thúc Đoạn làm Thế Tử. Võ Công đã từ chối. Sau khi Võ Công mất, người con trưởng lên làm quốc quân, chính là Trịnh Trang Công. Khương thị xin cho Cung Thúc Đoạn được phong ấp (nay là vùng đất Ký Thụy ở Hà Nam), lại xin phong thêm đất Kinh nữa. Tuy các đại

thần đều phản đối, song Trang Công không thể không đáp ứng theo sự yêu cầu của mẹ. Đại Phu Sái Trọng nói với Trang Công : “Làm sao Khương thị thỏa mãn cho được ? Chi bằng tìm biện pháp trước thì hơn, chớ để nó sinh sôi ra, khi đã sinh sôi ra rồi, e khó diệt nổi. Có sinh sôi còn khó trừ thay, hà huống là sùng đệ của quốc quân?” Trang Công nói : “Cứ để nó làm tệ hơn nhiều nữa đi, tự nhiên phải bại vong thôi. Ông hãy chờ xem !” Qua nhiên sau này Cung Thúc Đoạn âm mưu phản Trịnh, kết quả bị Trang Công phái binh tới đánh, buộc phải tự sát.

Người đời sau lấy câu : “Đừng để nó sinh sôi, sinh sôi rồi khó mà diệt nổi” của Sái Trọng mà dẫn ra câu thành ngữ “sinh sôi rồi rất khó diệt” để chỉ một sự việc xấu, tuyệt không nên cho nó sinh sôi ra, chẳng thế thì e rất khó mà trừ nổi. Đoạn truyện này ví người có quyền thế quá lớn. Quyền thế lớn mạnh, muốn giảm chế lại đã là chuyện không dễ, nếu để quyền thế đó lớn mạnh hơn thì rất khó kiềm hãm được, và sẽ là điều không tốt, rất nguy hại.

## **256. NGƯỜI VỢ THUỞ HÀN VI**

### **(Tào khang chi thê)**

Thời Quang Võ Đế nhà Hậu Hán, có một Đại Phu tên Tống Hoằng là người rất thanh liêm, ngay thẳng. Bấy giờ Quang Võ Đế cần một người học rộng hiểu nhiều để phục vụ bên cạnh. Tống Hoằng liền giới thiệu Hoàn Đàm với Quang Võ Đế, nói : “Học vấn của Hoàn Đàm có thể so với Dương Hùng (nhà từ phú) và Lưu Hưởng (nhà kinh học) thời Tây Hán”. Do đó, Quang Võ Đế bái Hoàn Đàm, phong Cấp Sự Trung (tên quan), chuyên phục vụ bên cạnh ông. Mỗi lần yến hội, đều kêu Hoàn Đàm đánh đàn, nhưng Hoàn Đàm thường dùng âm nhạc dân loạn của nước Trịnh làm vui Quang Võ Đế. Tống Hoằng biết được việc này, liền kêu Hoàn Đàm tới ra mắt, trách bị ông không nên dùng thứ âm nhạc không tốt như thế mà đàn cho Hoàng Đế nghe. Sau đó lại ra xin lỗi Quang Võ Đế, nói: “Bản ý thần tiên cử Hoàn Đàm là hy vọng ông ta lấy trung chính để giúp đỡ vương thất, bây giờ cả triều đình đều say mê tiếng nhạc nước Trịnh, điều

này thật là tội của thần”. Quang Vô Đế bèn không dùng Hoàn Đàm nữa, lại bao đây là do sự sai lầm của ông. Từ đó vua quan càng khâm phục tác phong làm người của Tống Hoàng.



Bấy giờ, Quang Vô Đế có người chị là Hồ Dương Công Chúa đã góa chồng, nàng rất kính mộ Tống Hoàng. Quang Vô Đế cho vời riêng Tống Hoàng tới, ướm lời, nói : “Tục ngữ có câu : *Giàu đôi bạn, sang đôi vợ*, Khanh cảm thấy câu nói ấy thế nào ?”



Tống Hoàng đáp : “Thần nghe nói, người bạn kết giao từ thuở nhỏ nghèo nàn không nên quên, và người vợ cùng chung khó khăn hoạn nạn lúc hàn vi với mình không nên bỏ. Cho dù hoàn cảnh thay đổi thế nào cũng vẫn giữ lòng chung thủy.” Quang Vô Đế và Công Chúa nghe ông nói thế, chỉ còn cách giấu kín ý của mình.

Truyện này xuất xứ từ “Hậu Hán Thư” : “Truyện Tống Hoàng.” Người đời sau lấy câu nói của Tống Hoàng dẫn làm thành ngữ “người vợ thuở hàn vi” để nói người vợ mình cưới lúc còn nghèo nàn, nhất định vợ chồng phải bao phen lận đận, cho dù anh làm quan to hay đại phú ông, cũng tuyệt đừng ruồng rẫy. Nhưng trong xã hội chúng ta hiện giờ, người như Tống Hoàng thế ấy rất hiếm, còn chuyện bỏ hay ruồng rẫy vợ thuở hàn vi thì đầy dẫy. Thật đáng buồn thay !

## **257. LẤY BẠO TRỪ BẠO**

**(Dĩ bạo trừ bạo)**

Triều Ân nước Trung Quốc thời cổ đại có một tiểu quốc tên Cò Trúc. Nước này là do vua Thang Ân phong cho. Vua nước Cò Trúc có ba người con, con lớn tên Bá Di, con nhỏ nhất tên Thúc Tề. Theo truyền thống, người tiếp nối ngôi vua phải là Bá Di, nhưng vua Cò Trúc lại muốn truyền ngôi cho Thúc Tề; sau này vua Cò Trúc chết, Thúc Tề muốn nhường ngôi vua cho Bá Di, nhưng Bá Di không nhận, lại trốn bỏ đi. Thúc Tề cũng không chịu làm vua và rồi cũng lên bỏ đi luôn. Người trong nước bèn lập Tây Bá Xương - người con thứ hai của vua Cò Trúc - lên làm vua. Bá Di, Thúc Tề nghe nói Tây Bá Xương (tức Chu Văn Vương) rất được lòng dân, lại trở về. Ai dè, khi đó thì Tây Bá Xương mất, người con của ông (tức Chu Võ Vương) dùng xe chở thân vị Tây Bá Xương về hướng Đông đi tìm Ân Trụ Vương. Bá Di, Thúc Tề đến trước xe khuyên dừng lại, kẻ tã hữu Võ Vương phải bắt lấy hai người, nhưng Khương Thái Công lại thả họ ra.

Không lâu, Võ Vương diệt xong Ân Trụ Vương, tự xưng Chu Võ Vương, phong phụ thân làm Văn Vương, toàn cả đất nước bây giờ do ông quản hạt.



Bá Di, Thúc Tề cho rằng hành vi của Võ Vương như thế rất đáng hổ thẹn, và thể chết quyết không ăn gạo thóc của nhà Chu, ẩn cư trong núi Thù Dương, hái rau mà ăn. Đến khi đói gần chết bèn làm một bài ca, trong đó có hai câu : “Lấy bạo trừ bạo hê, không biết sai không hê !” Ý nói : Chu Võ Vương

dùng bạo lực trừ bỏ Ân Trụ Vương tàn bạo, và chính họ cũng không biết làm như thế là sai lầm.

Ân Trụ Vương hoang dâm bạo ngược, bá tánh thống khổ, Chu Vô Vương suất lĩnh chư hầu thảo phạt, chính là thuận lòng dân, kiến giải của Bá Di, Thúc Tề quá hẹp hòi và khờ dại thật, đáng buồn mà lại đáng cười !

Đoạn truyện xuất xứ từ “Sử Ký”, câu : “Lấy bạo trừ bạo hề” sau này trở nên thành ngữ, dùng để hình dung : trừ bỏ một kẻ xấu, theo đó lại mọc ra một kẻ xấu khác. Ví như vua chúa thời đại phong kiến, đối đãi với bá tánh không tốt, do đó bá tánh nổi lên chống lại, nhưng vua chúa sau này cũng vẫn chỉ lo hưởng lạc thôi, không xem sự sống chết của bá tánh vào đâu, bởi thế tuy trừ được bạo, nhưng sau đó cũng không tốt gì hơn, vậy nên nói : “Đấy bất quá chỉ là *lấy bạo trừ bạo* thôi !”

## **258. NHƯ CÁ ĐƯỢC NƯỚC**

### **(Như ngư đắc thủy)**

Câu thành ngữ này xuất từ “Truyện Gia Cát Lượng” trong “Tam Quốc”.

Trước khi Lưu Bị chưa làm Hoàng Đế, bị Tào Tháo bức bách, phải chạy tới nương nhờ với Lưu Biểu ở Kinh Châu. Lưu Biểu cho ông giữ Tân Dã. Nhưng Lưu Bị là người có chí lớn, nép mình dưới người như thế, ông cảm thấy không phải là sách lược hay; may thay bấy giờ kịp lúc Từ Thúc giới thiệu cho ông một nhà chính trị, quân sự tên Gia Cát Lượng.

Lưu Bị vì muốn mời Gia Cát Lượng ra trợ giúp mình để kiến công lập nghiệp, nên đã ba lần tự đến thảo luận, tới lần thứ ba Gia Cát Lượng mới chịu tiếp kiến ông. Lưu Bị cầu cứu kẻ sách, Gia Cát Lượng phân tích tình hình lúc bấy giờ, kiến nghị nên chia thể chân vạc với Tào Tháo và Tồn Quyền bằng cách chiếm Kinh Châu, lấy Ích Châu (nay là tỉnh Tứ

Xuyên), đối ngoại thì kết giao với Tôn Quyền, đối nội phải vỗ về bá tánh, như thế nghiệp dựng bá đồ vương mới có thể thành tựu được.



Lưu Bị rất tán thành chủ trương của Gia Cát Lượng, từ đó tình cảm của ông với Gia Cát Lượng càng thêm tốt đẹp. Quan Vũ và Trương Phi thấy xấu mặt khó chịu, Lưu Bị bèn nói với hai người : “Ta được Khổng Minh (tự Gia Cát Lượng) thì sung sướng chẳng khác chi cá được nước, hy vọng nhị vị hiền đệ

dùng ra vào lời này tiếng nọ nữa". (Nguyên câu : "Có Không Minh, quả nhân như cá được nước, mong nhị vị dùng lời này tiếng nọ").

Người đời sau, dựa vào mấy câu Lưu Bị nói, dẫn ra câu thành ngữ "như cá được nước" để chỉ tình cảm giữa hai bên rất hòa hợp, hết sức tương đắc, hoặc hoàn cảnh vô cùng ưng dung nhân nhã, như cá tự do tự tại, nhón nhơ trong nước. Ví như các bạn học trong trường, cùng chung học tập, cùng chung nô đùa, thương yêu khuyên nhủ lẫn nhau, tình cảm bạn bè rất mực thuận hòa, chúng ta có thể nói : "Các bạn đồng học đối xử hòa hảo với nhau như vậy, thật là *như cá được nước*, vui sướng vạn phần." Nhưng bầu không khí tốt đẹp thế này có khi cũng thường do hoàn cảnh tốt mà ra. Ví như người ta khen : "Học sinh học tập trong hoàn cảnh nhà trường tốt thế này, *như cá được nước*, sự tiến bộ có thể đoán ra được."

## 259. ÁO MÃO ƯU MẠNH

(Ưu Mạnh y quan)

Thời Xuân Thu, Sở Trang Vương có một vị Tề Tướng hiền minh tên Tôn Thúc Ngao. Chính ông phò tá Sở Trang Vương kiến lập nên nghiệp bá. Sau này, Tôn Thúc Ngao mất, Sở Trang Vương theo đó quên lãng dần đi. Bấy giờ có một kép hát nổi danh tên Ưu Mạnh, ông chẳng những là người có trí tuệ mà còn là người rất có tình cảm. Lúc Tôn Thúc Ngao còn sống, ông và Tôn Thúc Ngao là đôi bạn thân. Khi Tôn Thúc Ngao bệnh, ông bao với con ông rằng : “Sau khi ta mất, chắc con nghèo khổ lắm. Nếu vậy thì có thể đến gặp Ưu Mạnh, nói là con của Tôn Thúc Ngao.” Sao khi Tôn Thúc Ngao chết, của cải chẳng có gì để lại, con ông phải đi đốn củi kiếm sống qua ngày. Lần nọ, chàng ta gánh củi ra chợ bán, may gặp được Ưu Mạnh, liền kể lẽ hoàn cảnh cho ông nghe. Ưu Mạnh bảo : “Bây giờ, tốt nhất cháu đừng đi xa khỏi vùng này, sợ e về sau vua Sở tìm không được cháu.”





Khi Ưu Mạnh trở về nhà, ông mặc áo đội mũ của Tôn Thúc Ngao, học ngôn ngữ cử chỉ của Tôn Thúc Ngao. Hơn một năm sau, Ưu Mạnh đã hoàn toàn nắm lấy mọi hình tượng của Tôn Thúc Ngao, khiến vua Sở và cả những người xung quanh đều nhận không ra ông. Có lần Sở Vương thiết tiệc đãi quần thần, Ưu Mạnh hóa trang thành Tôn Thúc Ngao dâng rượu, Trang Vương hết hồn, tưởng nhầm là Tôn Thúc Ngao thiết, lại muốn dùng ông làm Tể Tướng. Ưu

Mạnh nói : “Vợ tôi bảo tôi chớ làm Tể Tướng, như Tôn Thúc Ngao tận trung lại liêm khiết thế kia, nhờ ông ta mà nước Sở xưng bá với chư hầu. Vậy mà khi chết rồi, con của ông ngay một chỗ đứng cũng không có, phải ngày ngày đón củi mà sinh sống. Nếu học theo Tôn Thúc Ngao thì chẳng khác gì tự sát thôi.” Lại còn hát một bài hát pha trò. Trang Vương nghe ông nói, cảm thấy xúc động, liền cho người đi tìm con của Tôn Thúc Ngao tới, phong đất bốn trăm hộ cho chàng.

Giúp người đã từng vì mình, ấy là không quên tình cố cựu, chẳng những đó là đạo làm người, mà cũng còn là đạo nghĩa bằng hữu. Người làm vua hiểu được chút ít điều đó cũng đáng quý lắm rồi !

Truyện này xuất xứ từ “Truyện Trào Phúng” trong “Sử Ký”. Người đời sau lấy chuyện Ưu Mạnh mặc đội áo mào, học ngôn ngữ cư chi của Tôn Thúc Ngao dẫn ra câu thành ngữ “áo mào Ưu Mạnh” để chỉ việc giả trang người xưa, hoặc bắt chước ngôn ngữ cư chi của người khác. Ví như trẻ con học ngôn ngữ, cư chi của người lớn; người làm bắt chước điệu bộ, hành vi của chủ, đều có thể dùng “áo mào Ưu Mạnh” để hình dung.

## **260. THÚ CÙNG CÒN CHỐNG**

### **(Khốn thú do dẫu)**

Thời Xuân Thu, nước Tấn và nước Sở phát sinh chiến tranh. Tử Ngạc, Đại Tướng nước Sở vừa can cường vừa mưu trí, có điều, tính tình lại nóng nảy. Ông xin đem binh nghênh địch. Mới dẫu, vua Sở hơi lo ngại vì thấy quân Tấn quá mạnh, sau cùng thấy Tử Ngạc đã lỡ ban quân lệnh rồi, nên cũng đồng ý. Tấn Văn Công đích thân suất lĩnh quân giao chiến với Sở. Ông mai phục ba đạo binh, lui về tránh ba nơi. Tử Ngạc ngỡ quân Tấn chưa đánh đã tự vỡ nên giục quân tấn công, thế là sa vào ổ mai phục, toàn quân chết gần hết, riêng mình ông một mạch chạy vào hang sâu. Tấn Văn Công ngại Tử Ngạc tới bước đường “thú cùng còn chống” thì tai họa ắt không nhỏ về sau. Nhưng cuối cùng, tin tức Tử Ngạc vì sợ tội phai tự vẫn được đồn ra, ông mới yên lòng.



Hơn ba mươi năm sau, Tấn Sơ lại giao binh. Lần này, quân Tấn do Duẩn Lâm Phụ dẫn quân đi cứu Trịnh, chẳng ngờ chưa đến nơi thì nước Trịnh đã đầu hàng Sơ. Duẩn Lâm Phụ ra lệnh rút quân, ngặt nổi có vài tướng hăng máu, tự mình tiến lên. Duẩn Lâm Phụ chỉ còn cách xuất quân theo chi viện. Kết quả quân Tấn bị quân Sơ đột kích, phải rước thảm hại mà về.

Tấn Cảnh Công định xử tử Duẩn Lâm Phụ, Đại Phu Sĩ Tiếp tâu : “Xưa kia Tấn Văn Công lo sợ Từ Ngọc *thú cùng còn chống* mà mất ăn mất ngủ, lo lắng không yên, đến khi nghe tin hần chết rồi, mới thở phào nhẹ nhõm. Nay giết Duẩn Lâm Phụ há chẳng để địch nhân có lợi sao?” Tấn Cảnh Công cho là phải, bèn tha tội chết cho Duẩn Lâm Phụ và vẫn cho ông giữ nguyên chức.

Truyện này xuất xứ từ “Ta Truyện”. Người đời sau này lấy câu nói của Tấn Văn Công dẫn làm thành ngữ để hình dung cho dầu lâm vào tình huống gian khó nhất, tuy đã sức mòn hơi kiệt, cũng cố tận lực quật khởi chống lại. Một ý khác nữa là để hình dung những kẻ xấu bị áp chế đến sắp sửa bị tiêu diệt, ấy vậy mà vẫn còn ngoan cường chống lại một cách vô hiệu.

Ví như nước Giáp đánh nhau với nước Ất, nước Ất tuy đã thua song vẫn muốn lấy sức còn lại đánh vãn bài cuối cùng với nước Giáp. Lại như một thương nhân, trên thương trường gặp phai một vố không may đến gần phá sản, nhưng ông ta vẫn không nan, quyết gom góp vốn liếng còn lại, mong vãn hồi sự nghiệp. Hay một kẻ ác ôn bị vây bắt, nhưng hần vẫn cứ đánh chống lại tới cùng. Những tình huống như vậy đều có thể nói đó là “*thú cùng còn chống*”.

## **261. RƯỢU NGON GÁI ĐẸP**

### **(Thuần tửu mỹ nhân)**

Thời Chiến Quốc, lần nọ nước Triệu bị nước Tần vây khốn. Triệu tướng Bình Nguyên Quân phái người sang nước Ngụy cầu cứu. Ngụy Vương sai Đại Tướng Tấn Bì lãnh quân đi cứu Triệu. Nhưng đại quân còn chưa rời biên giới thì nước Tần đã phái sứ gia tới dọa nước Ngụy, vua Ngụy buộc phải lệnh cho Tấn Bì án binh bất động. Bình Nguyên Quân (em vua Ngụy) liên tục gửi thư xin cứu viện, thúc hối vua Ngụy xuất binh nhưng trước sau gì vua Ngụy cũng không chịu. Cuối cùng Tín Lăng Quân phải tìm cách trộm lấy binh phù của vua Ngụy, giết chết Tấn Bì, lãnh binh giải cứu nước Triệu. Việc thành rồi, Tín Lăng Quân ở luôn bên nước Triệu hết mười năm, vua Triệu và vợ chồng Bình Nguyên Quân (vợ Bình Nguyên Quân là chị của Tín Lăng Quân) đều đối đãi rất tốt với ông.

Về sau, binh Tần vây công nước Ngụy, Tín Lăng Quân liên hợp với các nước chư hầu đánh Tần, binh Tần thua to. Nhưng Ngụy Vương lại trúng kế phản gián của vua Tần, tin nghe lời gièm pha của gian thần và lời đồn thất thiệt của bọn người phao tin nham, nên rút cuộc đã cách chức Tín Lăng Quân. Từ đó, Tín Lăng Quân không còn triều kiến Ngụy Vương nữa, tư tương của ông nhân bị người chung quanh gièm pha, lại không được Ngụy Vương tin nhiệm nữa, nên trở nên dỗi trụy. Từ sáng đến tối cứ say sưa cùng bọn tân khách, lại gần kẻ mỹ nhân, những mong trong cơn say túy lúy cầu được giải thoát, rút cuộc bốn năm sau đã chết vì rượu ngon gái đẹp.



Đoạn truyện xuất xứ từ “Tín Lãng Quân Truyện” trong “Sử Ký”. Người đời sau lấy sự ăn chơi đồi trụy trong khoảng cuối đời của Tín Lãng Quân dẫn ra câu thành ngữ “rượu ngon gái đẹp” để hình dung một tư tưởng đồi trụy, một cuộc sống bê tha, một hành vi bệ rạc, đưa con người đến con đường bế tắc.

Ví như có những người danh và lợi đã có nhưng cảm thấy chưa đủ, còn tìm vui bên rượu ngon, gái đẹp, để rồi tư tưởng bị tiêu ma, rốt cuộc phải thân bại danh liệt; lại như có những con sâu rượu chẳng hề biết đến chuyện quốc gia đại sự, đối với cuộc đời của mình cũng bất cần, suốt ngày chỉ biết rượu ngon và gái. Những thanh niên đã tự ý vứt bỏ cuộc sống của mình như thế, ta có thể dùng câu “rượu ngon gái đẹp” để hình dung.



## **262. CÀNG CHE ĐẬY CÀNG PHÔI BÀY (Dục cái di chương)**

Thành ngữ này xuất xứ từ “Tả Truyện”

Thời Xuân Thu (bấy giờ là Lỗ Chiêu Công năm thứ ba mươi mốt), Tề Trang Công là người hiếu sắc, nghe nói Tướng Quốc Thôi Trữ có được người thiếp vô cùng đẹp dễ tên Đường Khương nên lúc nào ông cũng lăm le tìm cơ hội để được thân cận nàng. Lần nọ Thôi Trữ lãnh binh đi dẹp giặc bên ngoài, Trang Công thừa dịp này đã cùng Đường Khương lén lút tư thông. Rốt cuộc, sự việc bị Thôi Trữ biết được. Thôi Trữ quá căm phẫn, muốn giết ông.

Một hôm Trang Công thiết yến đãi đằng vua nước Cử, các Đại Phu đều tới tham dự duy chỉ có Thôi Trữ gia bệnh không tới dự yến. Trang Công nghe vậy, giả vờ nói muốn tới thăm bệnh, song kỳ thực là muốn mượn cơ hội này để được gần gũi Đường Khương. Thôi Trữ biết Tề Trang Công sắp đến thăm bệnh mình, liền họp gia tướng lập mưu hại Trang Công.

Sau khi yến tiệc đã xong, Tề Trang Công dẫn theo vệ sĩ vào phủ Thôi Trữ, quả nhiên đã trúng vào ổ phục kích của Thôi Trữ, và đã bị giết chết.



Thái Sử Bá biết được, bèn viết đúng đầu đuôi sự việc nầy vào sớ. Thôi Trữ thấy trang sớ của Thái Sử Bá viết : “Thôi Trữ thí vua”, ông vô cùng tức giận. Vì ở vào xã hội xưa, thí vua là một tội lớn. Ông bèn vận dụng quyền thế, bức hiếp Thái Sử Bá phải sửa đổi lại

trang sư ấy, nói là Tề Trang Công bị bệnh chết. Nhưng Thái Sư Bá không nghe theo, nói rằng : “Cứ theo sử thì phai viết đúng lịch sử, ấy là bốn phận của quan viết sử, tôi quyết không đảo lộn việc đúng sai.” Thôi Trữ buồn thẹn thành giận, giết Thái Sư Bá. Em Thái Sư Bá là Thái Sư Trọng quyết không sửa đổi sách sử, cũng bị Thôi Trữ giết chết. Người em thứ ba là Thái Sư Thúc quá uất ức, cầm bút theo chính nghĩa, noi gương mấy người anh, nhất định một chữ cũng không sửa đổi, viết đúng y như vậy vào sử. Trước sự thật và chính nghĩa, Thôi Trữ biết tội ác không cách chi che giấu được, vì càng che giấu bao nhiêu, càng phơi bày bấy nhiêu, cuối cùng chi còn cách thả Thái Sư Thúc ra.

Truyện này rất có ý nghĩa giáo dục, kêu gọi người ta đừng bội phản tổ quốc, giết chết lương tâm mình. Phàm chuyện gì làm ra cho dù mình muốn giấu giếm, rốt cuộc hai bàn tay không thể che trời, mười mắt dòm ngó, mười tay chỉ trỏ, tất bị người đời phi nhổ, dè tiếng xấu muôn đời. Ví như kẻ nọ trộm lấy đồ vật của người khác, vì để người khác không phát giác ra mình nên cố ý chỉ đông nói tây, trong vô ý để lộ ra ban chất tham lam của mình. Tuy hẳn muốn đổ lỗi cho người khác, nhưng kết quả lại dẫn tới sự nghi ngờ của người xung quanh. Ấy là “càng che đây càng phơi bày”. Để giữ thanh sạch cho tên mình không chút gì xấu xa thì chúng ta nên có đạo làm người.

## **263. RA QUÂN CHÍNH NGHĨA KHÍ THỂ MẠNH (Sư trực vi tráng)**

Thời Xuân Thu, hai nước Tấn, Sở đều rất cường thịnh. Các nước nhỏ khác như Tống, Trịnh, Tào... lâu nay đều phục tùng nước Sở. Nhưng sau này, nước Tống bỗng dưng bội phản nước Sở, qua đầu nước Tấn. Nước Sở tức thời xuất binh phạt Tống. Khi binh mạnh kề bên biên giới, nước Tống phái sứ già đi cầu cứu với nước Tấn. Tấn Văn Công nghe theo lời của Đại Phu Tiên Chân, một mặt kêu nước Tống đi vận động hai nước Tần, Tề giao thiệp với nước Sở, một mặt bắt giữ hai vua Tào và Vệ. Tướng nước Sở là Tử Ngọc sai người đi thông tin với binh Tấn, nói : “Các người đưa hai vua Tào, Vệ trở về khôi phục lại nước thì ta cũng giải trừ vòng vây công hãm nước Tống”. Tấn Văn Công bắt sứ già nước Sở nhốt lại ở nước Vệ, lại ngấm bằng lòng khôi phục cho vua hai nước. Do đó, hai nước Tào, Vệ đoạn tuyệt quan hệ với nước Sở.



Từ Ngọc quá tức giận, liền đốc quân tiến đánh binh Tấn, binh Tấn vâng lệnh lui lại phía sau. Đám quan quân rất bất mãn. Tấn Đại Phu Hồ Yên nói: “Ra quân mà chính nghĩa mới tre trung, không chính nghĩa tất già nua, sao có thể kéo dài với thời gian được ? Nếu chúng ta không có ân huệ của nước Sở (Tấn Văn Công từng được sự giúp đỡ của vua Sở nên mới được trở về làm vua) thì đâu có ngày hôm nay, mình lui lại nhường cho binh Sở chín mươi dặm

ấy là vì để báo đáp ân huệ ngày xưa với vua Sở. Vì bằng chúng ta vong ân thất tín, lấy cừ oán đối nhau, thế thì cái lý ra quân của chúng ta không chính, còn trái lại thì lý chính, sĩ khí ta sẽ thịnh vượng, không thể kể là già nua được. Nếu sau khi chúng ta lui nhượng rồi, bọn chúng vẫn đuổi theo, ấy chính là bọn chúng ra quân với lý không chính.” (Xem “Tà Truyện” : Hi Công năm thứ hai mươi tám).

Người đời sau dựa theo câu nói của Hồ Yên mà dẫn ra thành ngữ “ra quân chính nghĩa khí thế mạnh” để chỉ rằng hễ lý do chính đại quan minh thì khí thế mạnh ; hoặc cuộc ra quân có chính nghĩa thì thanh thế hẳn thịnh vượng. Ví như nước này đánh với nước nọ, nếu lý do đầy đủ thì khí thế binh sĩ sẽ hăng hái mạnh mẽ, cũng được sự đồng tình ủng hộ của các nước khác, đấy chính là “ra quân chính nghĩa khí thế mạnh”. Trái lại, nếu tùy ý tấn công xâm lược người thì kẻ xâm lược nhất định nói không ra lý do, và khí thế của binh sĩ tất suy yếu, hơn nữa không được sự đồng tình ủng hộ của thế giới. Lại như hai người tranh chấp, người có lý tất cái hùng hồn, đấy cũng tức là “ra quân chính nghĩa khí thế mạnh”, hoặc có thể gọi là “lý đúng khí mạnh”.

## 264. ĐÃ LỘT VÀO VÒNG CỦA TA

(Nhập ngô cấu trung)

Ví như có người bắt sê, dùng gạo thóc bỏ trong lưới để làm mồi dẫn dụ. Khi sê sà xuống mồi lấy thóc gạo, người ấy kéo sập lưới lại để sê không bay thoát ra được rồi nói : “Đã lọt vào vòng của ta”. Lại như người nọ muốn lung lạc người kia nên đã dùng đủ mọi thủ đoạn để người kia có cảm tình với y, khen tặng y, thậm chí còn vui vẻ khi bị y lợi dụng, y bèn nói : “Hắn ta đã lọt vào vòng của ta rồi !”

Câu thành ngữ này xuất từ “Đường Chích Ngôn” của Vương Định Bảo thời Ngũ Đại, đây là bộ sách ghi lại chế độ thi cử và những chuyện vụn vặt đời Đường, trong đó có câu truyện như vậy :

Lần nọ, Đường Thái Tông (Lý Thế Dân, con thứ của Đường Cao Tổ Lý Uyên) tự mình đi thị sát phủ Ngự Sử (chỗ thi tiến sĩ), thấy bao nhiêu thí sinh tiến sĩ đi thi, mặt mày đều hơn hớn, ông thích thú nói:

“Anh hùng thiên hạ đã lọt vào vòng của ta cả !” Câu này muốn nói : thanh niên khắp nơi nơi đều đã tề tựu cả về đây.



Lý Thế Dân là người khai mở triều đại nhà Đường, văn tài võ lược đều rất xuất chúng. Sau khi ông lên ngôi, nước Trung Quốc đã lại được một lần thống nhất, thanh uy của ông vang dội ra khỏi bờ cõi. Ông chẳng những hùng tài đại lược, mà về phương diện khác cũng rất nhạy bén, chẳng thế, đâu phải



trong vô tình mà ông đã thốt ra câu nói : “Đã lọt vào vòng của ta” thế này.

Khi vận dụng câu thành ngữ này, nên dùng nó để hình dung những sự tình không được đường hoàng, mà nhằm vào một thủ đoạn để đạt được mục đích, khi đạt được rồi thì có thể nói : “Đã lọt vào vòng của ta”.

## **265. THÁI SƠN ĐÈ TRÚNG**

### **(Thái Sơn áp oán)**

Câu thành ngữ này vốn xuất từ bức thư của Tôn Huệ gởi cho Đông Hai Vương Việt triều Tấn, ở phần “Tôn Huệ Truyện” của “Tấn Thư”.

Tôn Huệ là mưu sĩ của Tề Vương Quýnh thời Tấn Huệ Đế. Sau khi Tề Vương Quýnh bại binh (bắt đầu kiến lập vương triều Tấn, Tư Mã Viêm giám sát cô lập Tào Ngụy, đại phong tôn thất để làm bình phong cho vương thất, về sau chư vương tranh quyền đoạt lợi, tạo thành “loạn Bát Vương” tiếng tăm trong

lịch sử), Tôn Huệ được Thành Đồ Vương Dĩnh tin dùng. Thành Đồ Vương Dĩnh lại khởi binh đánh Trường Sa Vương Nghiê, do đó Tôn Huệ hết sức thất vọng, bèn sửa tên đổi họ, tạm lui về ở ẩn.



Không bao lâu, Đông Hai Vương Việt lại khởi binh ở Hạ Bi (Giang Tô), Tôn Huệ lấy danh là Nam Nhạc Dật Sĩ Tân Bí mà viết thư cho Đông Hai Vương Việt, chỉ ra sự nguy vong của vương triều, nói là cảnh lá khô héo trước, mới tới gốc rễ chết sau, nhân đó

khuyên ông nên nhất tâm bình loạn,匡ong phò vương triều. Trong việc ca ngợi thực lực của ông hơn các chư vương khác, Tôn Huệ có nói : “.... lực lượng này khác chi Ô Hoạch (dũng sĩ thời Chiến Quốc) đẩy băng, Phần Dục (dũng sĩ thời cổ) búng cây, khiến mãnh thú thịt chồn cáo, dơi Thái Sơn đè trứng động vật, thuận thế gió đốt thiêu đồng cỏ, thật không còn biện pháp nào hơn”. Đồng Hải Vương Việt bị lời lẽ khẩn thiết của Tôn Huệ làm kích động, cuối cùng đã dùng ông.

Đem cái to lớn, cứng nhắc của núi Thái Sơn mà đè trứng chim nhỏ bé, thật là mạnh yếu khác xa, nhưng có thể tưởng thấy được. Lấy bốn chữ đơn giản thế này, biểu hiện một sự so sánh hết sức tượng hình qua là tuyệt, thế nên người đời sau dùng câu này làm thành ngữ để hình dung một lực lượng quá lớn mạnh và một lực lượng quá nhỏ yếu, không tương xứng nhau. Lực lượng nhỏ yếu rồi sẽ lâm vào tình huống không may. Hay có thể nói cách khác, lấy mạnh hiếp yếu, ấy là chuyện quá dễ dàng. Ví như một công ty có vốn hùng hậu mà cạnh tranh với một thương điểm nghèo nàn, như thế nhất định thành công thôi, ấy gọi là “Thái Sơn đè trứng” vậy.

Nói ngược câu thành ngữ này thì trở thành “lấy trứng chọi đá”, ý là : không địch nổi, tất nhiên phải thất bại thôi.

## **266. KHÓ ĐỢI NƯỚC HOÀNG HÀ TRONG (Hà thanh nan sĩ)**

Gọi là Hoàng Hà vì nước sông pha lẫn cát bùn quá nhiều, cho nên nước của nó lúc nào cũng màu vàng và đục. Truyền thuyết xưa nói rằng nước sông Hoàng Hà phải một ngàn năm mới có một lần trong. “Khó đợi nước Hoàng Hà trong” là nói phải chờ tới lúc nước sông Hoàng Hà trong thì thời gian quá dài, đâu có thể đợi được !

Truyện này thấy trong “Tà Truyện”

Thời Xuân Thu, hai nước Sở, Tấn đều rất cường thịnh. Nước Trịnh là một nước nhỏ, lại nằm ở giữa Sở và Tấn. Cái thế ở giữa hai nước lớn như vậy, nước Trịnh chỉ có thể nhận lấy chính sách bên này

hay bên kia. Có lần, công tử Tư Quốc và Tư Nhĩ nước Trịnh hưng binh xâm lược nước Thái, và đã một phen thắng lớn. Tư Sản - con của Tư Quốc - rất không yên lòng, sợ e nước Sở sẽ tới thảo phạt (vì nước Thái là thần thuộc của nước Sở). Năm ấy qua nhiên Sở Trang Vương sai con là công tử Trinh xuất binh tới đánh. Nắm quyền binh nước Trịnh bấy giờ là đám Tư Tứ, Tư Quốc không biết phải làm sao, người thì chủ trương nên hàng Sở, người thì chủ trương nên chờ nước Tấn tới cứu viện. Tư Tứ nói : "Tôi nhớ trong *Chu Thi* có mấy câu thơ như vậy : *Chờ nước sông trong. Người sống bao năm ? Đã dùng bói toán. Lại hỏi người ư. Mua sĩ thừa dư. Mỗi người một ý. Nên sự không thành.* (Ý là : Nếu đợi tới nước sông Hoàng Hà trong (vì binh Tấn tới cứu) thì tuổi thọ của con người đâu được lâu dài thế này ? Đã dùng bói toán cầu binh tới cứu lại hỏi kế từng người mà chi, như vậy việc làm quá dư thừa. Người chủ trì đại sự của nước Trịnh lại đông, mỗi người một chủ trương ; thuận theo chủ trương bên này lại gặp phải ý chống đối bên kia, nhân đó mà sự tình thảo luận chẳng đưa đến kết quả nào). Hiện giờ binh Sở đã tới bờ cõi, sinh mệnh của nhân dân đang trong nguy cấp, chi bằng tạm thời thuận theo nước Sở để bá tánh nước Trịnh được thờ phào, khỏi phai chết trong chiến tranh..." Rốt lại nước Trịnh cam chịu nhục, đã phai đầu hàng nước Sở.

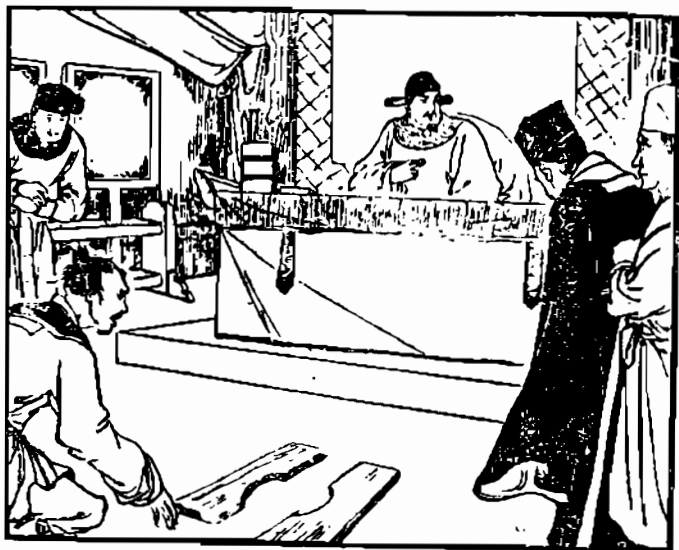
Từ đó, người ta bèn lấy hai câu : “Chờ nước sông trong. Người sống bao năm” trong “Chu Thi” mà Tư Tử đã dẫn mà dẫn làm thành ngữ “khó đợi nước Hoàng Hà trong” để ví thời gian quá dài khó mà chờ đợi được. Ví như có một người bệnh nặng, người nhà định đi hàng mấy trăm cây số để rước danh y, đừng nói thời gian đi quá lâu, chuyện thình được hay không cũng đã là vấn đề rồi, với tình huống này thì có thể nói “khó đợi nước Hoàng Hà trong”.



## **267. TỰ CHUỐC RỐI CHO MÌNH**

### **(Dung nhân tự nhiều)**

Đời Đường, có một người họ Lục tên Tượng Tiên. Phụ thân ông là Tế Tướng thời Võ Tắc Thiên cho nên ngay từ nhỏ ông đã hấp thụ nên nếp gia đình. Khi tuổi đã trưởng thành thì khí độ ông lại càng rất lớn. Thời Đường Huyền Tông, Lục Tượng Tiên làm Đại Đô Đốc ở Ích Châu (nay là tỉnh Tứ Xuyên), kiêm Kiểm Nam Đạo An Sát Sứ. Lúc làm quan, Lục Tượng Tiên luôn lấy sự khoan dung độ lượng làm tâm niệm. Tư Mã (quan coi về việc quân) của ông là Vi Bảo Trinh nói với ông : “Mong mình công thi hành trượng phạt để thị uy mới được, nếu không, e kẻ dưới biếng trễ không sợ”. Tượng Tiên bảo: “Lời nói của ông là lý luận của kẻ nắm chính quyền, có thể vậy, song hà tất phải dùng nghiêm hình mới có uy phong, hại người mà lợi gì ta ? Việc làm thế ấy không phải là của người nhân từ lãnh đạo”.



Sau này, Lục Tượng Tiên lại làm Thứ Sử ở Bồ Châu, có một dân thường phạm tội, Tượng Tiên chỉ trách rầy người đó mấy câu rồi thôi. Lục Sự (tương đương bí thư bây giờ) của ông nói : “Việc thế này nên phạt roi đòn lắm”. Tượng Tiên bảo : “Nhân tình ai cũng vậy, chẳng lẽ y không hiểu lời nói của ta sao ? Nếu phải dùng roi đòn thì nên ban cho ông trước đây”. Lục Sự chỉ còn biết bẽn lèn lui vô trong thôi. Lục Tượng Tiên thường nói với mọi người : “Thiên hạ



vốn không chuyện chi, chi vì con người tự chuốc rồi cho mình, bởi vậy sự tình mới sinh ra đa đoan, nếu ngay từ ban đầu mà có thái độ hòa hườn thì sự tình sẽ đơn giản thôi.”

Câu nói này của Lục Tượng Tiên chẳng những làm cho người tự gây nên tội biết phục thiện mà cũng là danh ngôn chí lý cho người lập thân xử thế. Chúng ta gặp sự tình chi, nên bình tĩnh xử trí, phân tích nghiên cứu cho cặn kẽ, tuy như vậy chưa phải là có thể “giơ đao mà chém” (thành ngữ, xem phần trước), nhưng ít nhất cũng hạn chế sự tình càng thêm rối rắm.

Đoạn truyện xuất xứ từ “Lục Tượng Tiên Truyện” của “Đường Thư”. Người đời sau dựa theo đó dẫn ra câu thành ngữ “tự chuốc rồi cho mình” để chỉ con người thường tự lúng túng rồi nghi thần nghi quỷ, tự chuốc lấy âu lo. Ví như người nọ có thân hình mập mạp, nhân vì nghe nói người mập dễ mắc bệnh tim, lại dễ cao huyết áp, có thể nào bị sung huyết... do đó thường lo xa nghĩ gần, nghi ngờ điều này điều nọ, khiến cho tinh thần rối rắm, ăn ngủ không được đến nỗi đầu óc choáng váng, rồi tự cho mình bị cao huyết áp, hoặc não sung huyết. Tình cờ đi đường xa mệt mỏi, tim đập nhanh thì nghi đó là bệnh tim sắp phát tác. Đến khi được bác sĩ chứng minh cơ thể đều

ở trong trạng thái bình thường, bấy giờ anh ta mới thấy nỗi lo khi trước là dư thừa. Vì anh từ ở chỗ không lại sinh có, tự chuốc khó khăn. Có thể nói người này là “tự chuốc rồi cho mình”.

## **268. LỢN LIÊU ĐÔNG**

### **(Liêu Đông chỉ thử)**

Cuối thời Tây Hán, đất Nam Dương có người tên Bành Sùng, thời thanh niên làm một chức quan nhỏ ở Ngư Dương. Hán Quang Vũ (Lưu Tú) chiếm cứ vùng Hà Bắc, có đến Kế Châu trưng chiêu bốn người Bành Sùng, Bành Sùng nghe theo lời khuyên của Ngô Hán - bạn thân của Bành Sùng - cùng qui theo Hán Quang Vũ. Bành Sùng kêu bốn Ngô Hán dẫn binh bảo hộ huyện Ngư Dương, về đầu theo Quang Vũ Đế, Quang Vũ Đế phong cho Bành Sùng làm Kiến Tông Hầu, lại gia hiệu Đại Tướng Quân. Theo đó, binh Quang Vũ lại vây thành Hàm Đan, Bành Sùng chuyên vận lương thực, chưa khi nào gián đoạn. Sau này, Quang Vũ Đế lại tự đến Kế Châu, Bành Sùng tự cho mình công lao lớn nên khi ra yết kiến Quang Vũ Đế, ông ôm mối hy vọng rất cao, nhưng Quang Vũ Đế

không biểu dương gì ông, do đó trong lòng Bành Sùng lại nảy ra ý bất bình.



Quang Võ Đế biết Bành Sùng oán hận, nên hỏi ý kiến Châu Phù. Châu Phù là quan mục U Châu vốn sẵn có vấn đề với Bành Sùng nên thừa cơ Quang Võ Đế hỏi đến, bèn hết sức công kích Bành Sùng, còn cố ý viết cho Bành Sùng một phong thư, dùng lời lẽ chỉ trích Bành Sùng. Trong thư có đoạn sỉ nhục ông như vậy : “Xưa kia ở Liêu Đông có con lợn nái sinh ra

một con lợn trắng, chủ lợn cảm thấy lạ lùng nên có ý muốn đem lợn con ấy dâng cho nhà vua. Ai ngờ đi đến ranh Liêu Đông, thấy lợn ở đây toàn là trắng cả, mới cảm thấy mắc cỡ và đem lợn trở về. Nếu so công lao của ông (chi Bành Sùng) với người ở triều đình thì ông chẳng khác chi con lợn con Liêu Đông ấy vậy”.

Đoạn truyện này thấy trong “Châu Phù Truyện” của “Hậu Hán Thư”. Người đời sau lấy truyện Châu Phù dùng lợn Liêu Đông để ví với Bành Sùng mà dẫn ra câu thành ngữ “lợn Liêu Đông” để hình dung kẻ kiến văn không rộng, gặp chuyện cứ cho là lạ. Ví như người nọ chưa hề thấy qua lạc đà, khi anh ta có dịp vô sở thú và thấy được, bèn reo lên nói : “Ô, cái con ngựa này sao mà lưng nó bị sưng cao đến thế này, lạ chưa !?” Như người mà kiến văn nông cạn thế này, có thể nói đó là “lợn Liêu Đông”.

## 269. GẶP NGƯỜI KHÔNG LÀNH (Ngộ nhân bất thực)

Trong “Vương Phong” của “Kinh Thi”, cuốn sách xưa nổi tiếng của Trung Quốc, có bài thơ thể này:

*Cò thôi trong hang*

*Nắng hạn khô cằn*

*Cò nàng biệt ly*

*Thờ dài uất ghen !*

*Thờ dài uất ghen !*

*Gian nan mới được tám chồng*

*Cò thôi trong hang*

*Nắng hạn kéo dài*

*Cò nàng biệt ly*

*Tiếng tiêu ai oán*

*Tiếng tiêu ai oán*

*Gặp được người mà không lành.*

*Có thôi trong hang*

*Trong ẩm vẫn khô !*

*Cô nàng biệt ly*

*Khóc than buồn thảm !*

*Khóc than buồn thảm !*

*Giờ đây nên liệu thế nào ?*

Bài thơ này miêu tả một cô nàng “gặp người không lành”, trong năm dũ bị khổ (ngũ cốc không còn, rau cỏ xác xơ) phải lay lắt qua ngày, đã thế còn bị chông ruồng rẫy, khiến nàng rất đôi buồn bã trong lòng.

Ý tứ toàn bài là : rau ịch mầu sinh trường trong hang núi, nó bị ánh nắng gay gắt làm khô cằn. Có một cô nàng, nhân vì thiên tai mà bị chông bỏ, nàng đang buông tiếng thở dài ! Nàng đang buông tiếng thở dài, chọn lựa tám chông để gửi thân thật khó khăn, đâu dễ dàng gì ? Cô ịch mầu trong hang núi bị hạn hán kéo dài làm khô héo. Cô nàng bị ruồng rẫy này đẹp bao nhiêu, nàng đang thở dài, ai oán ! Vì nàng đã bị chông bỏ rồi. Cô ịch mầu trong hang núi, tuy có sinh trong chỗ ẩm cũng bị chết khô. Cô nàng này vì thiên tai nên chông bỏ, nàng thương tâm mà

khóc ! Nàng thương tâm mà khóc ! Chuyện đã như vậy, biết liệu sao đây ?



Từ xưa đến nay, trong xã hội cứ là nam trọng nữ khinh, người phụ nữ luôn bị xem thường ; thậm chí **trong** xã hội phong kiến, nữ nhân còn khinh bỉ nữ nhân (ví như mẹ chồng nàng dâu). Tới nay, trong xã hội dù nam nữ đã bình đẳng nhưng sự khinh khí này cũng không phải đã hết !

Ví như một cô gái nhà lành, nàng vốn muốn tìm một chàng trai trung thành, có thể nương nhờ để làm chồng, nhưng cuối cùng lại tìm sai, trúng nhầm người chồng nhỏ nhen bần tiện, chỉ biết ăn chớ không biết làm. Thế thì tinh thần và thể xác nàng khô sở biết bao. Gặp phải người như vậy, có thể nói cô gái này đã không may “gặp người không lành”.

## **270. BÁ ĐẠO KHÔNG CON**

### **(Bá đạo vô nghi)**

Vào triều Tấn, có một người họ Đặng tên Du tự Bá Đạo. Năm ông bảy tuổi thì cha mất, tiếp đó mẹ và ông ngoại cũng tiếp tục qua đời. Theo lẽ xưa, ông thụ hiếu hết chín năm ; người xa gần đều khen ông hiếu đạo. Đồng Hải Vương Việt rất khâm phục hành vi làm người của ông, nên tiến cử ông làm chức Bộ Lang Văn Học Sĩ, sau thăng Thái Thú Hà Đông. Cuối năm Tấn Hoài Đế Vĩnh Gia, Thạch Lặc (người Hồ, tộc Yết, chúa hậu Triệu. Tộc Yết là một tộc mạnh nhất trong mười sáu nước Hồ) đánh chiếm đất đai Trung Quốc, Đặng Du bị hãm vào trong quân Thạch Lặc.



Thạch Lặc rất kính trọng ông, để ông làm Tham Quân ; nhưng khi Thạch Lặc độ binh qua sông Tứ, Đặng Du mượn cơ hội này phá bỏ xe, dùng trâu ngựa chõu gia thuộc chạy trốn. Trên đường, không may gặp bọn đạo tặc, chúng cướp lấy hết trâu ngựa và tiền bạc. Ông chỉ còn cách dắt díu vợ con và đứa cháu đi bộ mà thôi. Nhưng dọc đường không cơm ăn, ông suy nghĩ hết cách mà không lường toàn, bèn nói với vợ rằng : “Em tôi không may mất sớm, chỉ còn để lại đứa cháu này, chiếu theo lý tôi không thể vứt nó được, chỉ còn cách vứt bỏ con của chúng mình thôi ; ví bằng sau này may mắn còn sống sót, thì chúng mình vẫn còn có thể sinh con được”. Vợ ông chỉ biết gật đầu ưng theo, và đành vứt bỏ đứa con.

Sau này, vào thời Tấn Nguyên Đế, ông làm Thứ Sử Ngô Quận, rất mực liêm khiết thương dân, bá tánh đều đội ơn ông. Khi dời đi nơi khác, hàng ngàn dân nắm núu thuyền không cho ông đi, rốt lại tới nửa đêm ông mới đi được. Nhưng từ khi ông vứt bỏ con thì vợ ông không có thai nữa. Ông muốn cưới thiếp, song những người thiếp đáng cháu ông, ông là người đức hạnh nên không chịu như vậy. Do đó, đến khi ông chết cũng không có con. Người bấy giờ rất khen ngợi hành vi của ông, rất thông cảm nỗi không có con của ông, mọi người đều nói : “Đạo trời đúng đúng,

khiến cho Đặng Bá Đạo không con”. (xem “Tấn Thư”).

Làm quan mà hết sức vì dân, khiến cho người người đời ơn, thậm chí đối với việc không con mà họ cũng to ra lưu ý và thông cảm, quan tốt và quan xấu thật là có chỗ khác biệt vậy.



Từ đó, người ta dựa vào truyện này dẫn ra câu thành ngữ “Bá Đạo không con” để chỉ những người

không có con. Ví như chúng ta bàn tới vị danh sĩ kia, ông là người học vấn cao sâu, đức hạnh rất tốt, lại có nhiều công hiến cho xã hội, nhưng đáng tiếc là ông “Bá Đạo không con”. Vậy thì cái học vấn và phẩm đức đó, ai là người thừa kế cho ông ? Khi chúng ta ứng dụng câu thành ngữ này cần lưu ý một điểm : đối tượng hình dung phải là một người được mọi người khen ngợi, hoặc tối thiểu là một người tốt ; đối với những kẻ hung bạo, ti tiện, vô liêm sỉ thì dứt khoát không nên dùng thành ngữ này.

## MỤC LỤC

160. Ba người thì thành cọp .....	413
161. Bọ ngựa bắt ve sầu.....	416
162. Có chí thì nên .....	419
163. Tự mâu thuẫn với chính mình .....	421
164. Gõ mâm mò nến .....	423
165. Bất ngờ chế thắng .....	426
166. Keo sơn gắn bó.....	428
167. Lóng tre mặt cửa .....	431
168. Cát nhà bên đường .....	433
169. Người mù sờ voi.....	436
170. Đài nợ xây cao .....	438
171. Trước ngạo sau cung.....	441
172. Trên làm thì dưới bắt chước .....	443
173. Mua hộp trà ngọc.....	446
174. Ngà rẽ mất dê .....	450
175. Tiếng kêu khiếp người .....	452

176. Cái nường tựa lông da .....	455
177. Ngàn nghĩ một được.....	458
178. Cửa quan như cái chợ.....	461
179. Đồng đạo chu nhân.....	464
180. Chết vì pháp luật của chính mình .....	467
181. Mài chày nên kim.....	469
182. Lang sói giữa đường .....	472
183. Mời anh vô ang .....	475
184. Ném bút tông quân .....	478
185. Diệp công khoái rồng .....	480
186. Nước địch trong thuyền .....	483
187. Cửa đông chuyện bẻ .....	485
188. Ăn mé đông, ở mé tây.....	488
189. Thua mất đất .....	490
190. Lo liệu trước khi mưa .....	493
191. Trông nhà tá túc.....	496
192. Chia khó giai rồi .....	499
193. Nhượng ba xá.....	501
194. Phô thanh dọa người .....	504
195. Đem lòng đặt dạ.....	506

196. Nắm cương thanh lọc .....	509
197. Nguyệt lão se tơ .....	511
198. Thật giả khó phân .....	514
199. Nhà chi còn phen vách .....	517
200. Nuôi cạp để mối lo .....	520
201. Rễ tốt cội rồng .....	523
202. Châu về Hợp Phố .....	526
203. Nghĩa lớn diệt thân tình .....	529
204. Bụng đã sẵn trúc .....	532
205. Giơ án ngang mây .....	534
206. Quít hóa thành hạnh .....	537
207. Chung diện diêm dúa .....	540
208. Không đáng một đồng .....	542
209. Nền tàn trong gió .....	545
210. Ngũ Công đời núi .....	547
211. Nằm gai nếm mật .....	549
212. Bó rơm mượn lửa .....	552
213. Mặc áo ngược cho trẻ .....	554
214. Cầu ngược nơi mình .....	557
215. Cường từ đoạt lý .....	560

216. Lấy bộ làm xe .....	562
217. Đom đóm rơi sách .....	564
218. Ba lần đến nhà cô .....	567
219. Ba lần ra lệnh, năm lần nhắc nhở .....	570
220. Gà gáy chó trộm .....	572
221. Xô hay gõ .....	575
222. Cuốn cờ im trống .....	578
223. Ngọc châu ý dĩ .....	580
224. Nghiêng thành đổ nước .....	583
225. Phong mã ngư chẳng dính lú .....	586
226. Năm mươi bước cười trăm bước .....	588
227. Không vào hang cọp, sao được cọp con? .....	591
228. Một chữ ngàn vàng .....	593
229. Năm ngày Kinh Triệu .....	596
230. Oanh oanh liệt liệt .....	599
231. Chia hai phần trăng sáng .....	602
232. Con đường tắt Chung Nam .....	605
233. Cò nghêu tranh nhau .....	608
234. Một nóng mười lạnh .....	610
235. Không cánh mà bay .....	613

236. Một thơm một thối .....	616
237. Nhờ người mà thành việc .....	619
238. Mất ong tiếng sói .....	621
239. Dương dương tự đắc .....	624
240. Giết lợn dạy con .....	627
241. Nhắc một thành ba .....	630
242. Ngăn trước ngừa sau .....	632
243. Bút Đồng Hồ .....	635
244. Bò cũ theo mới .....	638
245. Ôm cùi chữa lửa .....	641
246. Tê lớn không xứng đôi .....	644
247. Ký minh ước dưới thành .....	647
248. Một nước ba vua .....	650
249. Đào nguyên ngoài thế cuộc .....	652
250. Bắt hổ vượt sông .....	655
251. Thuở bé đó thôi .....	658
252. Một gò chôn .....	661
253. Ăn chơi như uống liều thuốc độc .....	664
254. Sợ đầu sợ đuôi .....	668
255. Sinh sôi rồi rất khó diệt .....	670



256. Người vợ thuờ hàn vi.....	673
257. Lấy bạo trừ bạo .....	676
258. Như cá được nước .....	679
259. Áo mào Ưu Mạnh .....	682
260. Thú cùng còn chống .....	685
261. Rượu ngon gái đẹp .....	688
262. Càng che đây, càng phơi bày .....	691
263. Ra quân chính nghĩa khí thế mạnh.....	694
264. Đã lọt vào vòng của ta.....	697
265. Thái Sơn đè trứng .....	699
266. Khó đợi nước Hoàng Hà trong.....	702
267. Tự chuốc rồi cho mình .....	705
268. Lợn Liêu Đông .....	708
269. Gặp người không lành .....	711
270. Bá Đạo không con .....	714

## **DIỄN CỐ TRUNG HOA TẬP 2**

Chịu trách nhiệm xuất bản :      LÊ HOÀNG  
Biên tập                                :      TRÍ VŨ  
Vẽ bìa                                  :      ĐỖ DUY NGỌC  
Sửa bản in :                              QUỐC KHÁNH

### **NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**

**161 Lý Chính Thắng - Quận 3 TP. Hồ Chí Minh**

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19 tại xưởng in Ban Văn Hóa Tư Tưởng  
Thành Ủy Số đăng ký kế hoạch xuất bản số 51/4 do Cục Xuất Bản cấp  
ngày 17/2/95 và quyết định xuất bản số 250 TN/95 do Nhà xuất bản  
Trẻ cấp ngày 30/6/95. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/1995

